

脩語出語嘉言

TUC NGŨ, CỎ NGŨ, GIA NGON

MAXIMES ET PROVERBES

REGULÉES ET COMMENTÉES

PAR

PAULUS CỬA HUỖNH-TINH

ĐỐC-PHŨ-SŨ

Officier d'Académie, chevalier de la Légion d'honneur



SAIGON

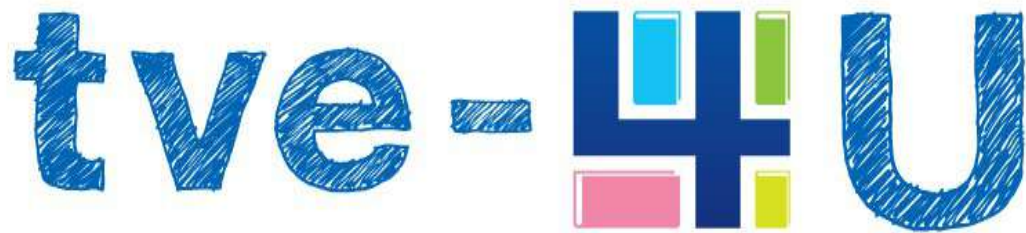
IMPRIMERIE & LIBRAIRIE NOUVELLES
CLAUDE & C^{ie}.

1897

SIBL. CENTRALE
HANOI

M¹²

4318



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : TỤC NGŨ, CỔ NGŨ, GIA NGÔN

Tác giả : PAULUS CỦA HUỲNH-TỊNH

Nhà xuất bản : IMPRIMERIE & LIBRAIRIE NOUVELLES

CLAUDE & C^{ie} SAIGON

Năm xuất bản : 1897

Nguồn sách : Thư viện quốc gia Việt Nam

Đánh máy : Thanh Trần

Kiểm tra chính tả : Dương Văn Nghĩa,

Ngô Thị Thu Hiền, Đỗ Thúy Nhi

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 06/08/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả PAULUS CỦA HUỖNH-TĨNH và nhà xuất bản
IMPRIMERIE & LIBRAIRIE NOUVELLES CLAUDE & C^{ie} đã chia
sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

Ghi chú : Nhằm giữ lại vết tích xưa của Tiếng Việt, nhóm làm ebook này sao y bản chánh chính tả của sách gốc in năm 1897.

MỤC LỤC

BIÊN TẬP NHỮNG LỜI NGẠN NGỮ, CỔ NGỮ, GIA NGÔN

A
B
C
Ch
Đ
D
E
G
H
I
K
L
M
N
O
P
Q
R
S
T
U
V
X

PHỤ SỚT

THƠ TÀI TỬ

THƠ CON TRÂU

THƠ CON RẬN

THƠ CÁ THIA THIA

THƠ TRĂNG NON

THƠ CÂY VÔNG

THƠ CON MUỖI

THƠ LÃO KỊ ĐI TU

ĐÔI LIỄN ÔNG LÃNH BINH ĂN TẾT

俗語古語嘉言

TỤC NGỮ, CỔ NGỮ, GIA NGÔN

MAXIMES ET PROVERBES
RECUELLIS ET COMMENTÉS
PAR

PAULUS CỦA HUỲNH-TỊNH

ĐỐC-PHỦ-SÚ

Officier d'Académie, chevalier de la Légion d'honneur

SAIGON

IMPRIMERIE & LIBRAIRIE NOUVELLES

CLAUDE & C^{ie}

1897

BIÊN TẬP NHỮNG LỜI NGẠN NGỮ, CỔ NGỮ, GIA NGÔN

A

1. Ác nơn tự hữu ác nơn ma : Người xấu mình có người xấu làm cho hao mòn. Người làm dữ như đá mài dao, chẳng thấy dấu mòn mà càng ngày càng khuyết.

2. Ách giữa đàng mang qua cổ : Gánh vác không phải chuyện mình.

3. Ai chết trước thì được mồ mả : Ai trước thì được phần trước.

4. Ai làm dữ nấy lo : Dữ có dữ trả, một sự đau đớn trong lương tâm, thì đủ mà hành tội kẻ dữ ; ta hãy giữ phận ta, chẳng phải lo bao đồng.

5. Ái nơn như kỷ : Yêu người như mình. Có câu rằng : *kỉ sở bất dục vật thi ư nơn*, thì là đức yêu người, dạy phải *suy kĩ cập nơn*, sự mình không muốn, chớ làm cho người.

6. Ai thương tìm tới, ai ghét lánh than : Phải lo phận mình, ấy là lành ở có chỗ, lỗi ở có nơi.

7. An bộ khả dĩ đương xa : Đi hườn bước thì bền cũng bằng đi xe.

8. Ăn cây nào rào cây nấy : Ăn của ai thì phải vưng hộ cho nấy.

9. Ăn chưa no, lo chưa tới : Hãy còn thiếu trí.

10. Ăn có bữa lo không có bữa : Bữa ăn có chừng, bữa lo không có chừng, nghĩa là nhọc lòng lo.

11. Ăn coi nôi ngồi coi hướng : Coi cơm nhiều ít, hoặc phải nhịn miệng ; nhắm hướng thuận nghịch, hoặc phải nhượng chỗ ngồi.

12. Ăn cơm chúa, múa tối ngày : Có cơm ăn thì có công việc làm.

13. Ăn cơm mắm thắm về lâu : Mắm muối là giống mặn mòi, ăn vào càng lâu càng thắm, chẳng khác chi việc càng lâu thì càng rõ.

- 14. Ăn cơm mới, nhắc chuyện cũ :** Nghĩa là nói tha cầu.
- 15. An cư lự nguy :** Hễ ở an, thì phải lo cơn nghèo hiểm.
- 16. Ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu :** Nghĩa là chẳng lo chỗ ở.
- 17. Ăn ki no dai :** Biết dự phòng thì đặng bình an lâu dài.
- 18. Ăn làm sóng, nói làm gió :** Không việc làm cho có việc, hay là ăn-nói hồ đồ.
- 19. Ăn một đọi nói một lời :** Ăn nói chắc chắn.
- 20. Ăn một miếng, tiếng một đời :** Có thể ăn nhờ mà không ăn nhờ, thì nói rằng *có tiếng mà không có miếng*, đến khi ăn nhờ đặng thì nói vân vân, có khi dùng như tiếng nói lẫy.
- 21. Ăn ngay ở thật, mọi tật mọi lành :** Ăn ở thật thà thì đặng bình an vô sự.
- 22. Ăn như tầm ăn lên :** Tầm có tuổi thức lớn, ngủ lớn ; tuổi thức lớn thì nó ăn dâu nguyên lá.
- 23. Ăn no sanh sự :** Được no ấm rồi thì hay làm quấy.
- 24. Ăn quen, nhịn không quen :** Có một người đi phương xa cưới vợ bé, gửi thơ về cho vợ nhà mà chữa mình : *anh chẳng phải tham bù chẻ gắp, bởi ăn quen, nên nhịn không quen*.
- 25. Ăn tại thủ, ngủ tại công đường :** Thủ là chỗ canh giữ, công đường là nhà việc quan, chỉ nghĩa là biết giữ phép.
- 26. Ăn tấm trả giặt :** Tấm là gạo gãy nhỏ, giặt là gạo trộng nguyên hạt, hễ ăn ít trả nhiều, như đánh cờ bạc thì nói vân vân.
- 27. Ăn theo thuở, ở theo thì :** Trong sự ăn ở phải tùy thì.
- 28. Ăn thì cho, buôn thì so :** Vật ăn không luận, của bán phải nhờ đồng nài.
- 29. Ăn thì hơn, hờn thì thiệt :** Giận lấy thì mất phần ăn.

30. Ăn thì vóc, học thì hay : Ăn mà lại ốm, thì là bệnh tiêu nhiệt, học hóa dở thì là bậc hạ ngu.

31. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây : Không quên ơn.

32. Ăn trộm quen tay, ngủ ngày quen mắt : Tập nghề nào quen nghề ấy.

33. Ăn trước trả sau : Có ăn có chịu ; sự thế thiếu trước thiếu sau.

34. Ăn xôi chùa ngọng miệng : Xôi chùa là của tấn cúng, hễ ăn của người ta rồi, muốn nói theo người ta, thì sợ bỏ lễ phải ; muốn nói theo lễ phải, thì sợ bỏ người ta, hoá ra u ơ nói không thông, ấy là *tuyệt nhưn khẩu*.

35. Ăn xưa chừa nay : Ai nấy có một thười.

36. Ăn vỏ dưa, thấy vỏ dừa mà sợ : Mặc một việc, sợ lây tới việc khác, hay là tăng thấy việc đời mà ngán.

37. Ao cá lửa thành : Một nghĩa với câu *lửa muôn xe, nước một gáo*, cũng có nghĩa là lửa cháy lây.

38. Áo gấm mặc đêm : Nghĩa là chẳng thấy hiển vinh ; kẻ làm quan về lành gọi là vinh qui.

39. Áo mặc sao qua khỏi đầu : Con cái đâu dám cãi ý cha mẹ.

40. Áo vải, giữ chẳng nên dài : Nghĩa là phải an một bề.

B

1. Bạ ăn bạ nói : Bạ ăn, gặp đâu ăn đó ; bạ nói, đụng đâu nói đó, nghĩa là ăn nói không có phép.

2. Ba bảy hai mươi một : Ăn nói không chắc chắn, nói hai đều như một.

3. Ba chìm ba nổi : Nghĩa là thì vận tráo chác, ghe phen chìm nổi ; có tiếng nói *phù trầm*, hay là chìm nổi không mà thôi thì có nghĩa là bừa bừa không ra đen đỏ.

4. Ba chớp ba sáng : Nghĩa là trông thấy không tỏ rõ.

5. Bà con xa, chẳng bằng xóm diềng gần : Gần thì tiện bề tới lui giúp đỡ, chẳng khá phụ kẻ gần.

6. Ba dây bảy ngang : Hàng hóa, đồ đạc bày ra liền lúc.

7. Bá nơn bá tánh : Trăm người trăm tánh ý.

8. Ba vuông bảy tròn : Tiếng khen người đủ nét lịch sự, hay là tuyền vẹn không có tí tích.

9. Bần cùng sanh đạo tặc : Nghèo cực sanh trộm cướp.

10. Bận duật tương trì, ngư ông đắc lợi : Ngao cò tranh nhau, ông bắt cá được lợi. Tích rằng : ngày kia con ngao lên bờ hé vỏ ra hóng mát, con cò đi ăn thấy ngao bày ruột, thì mổ mà ăn, chẳng dè con ngao khép vỏ lại, kẹp lấy mỏ con cò giựt không ra. Cò rằng nay không mưa mai không mưa, ắt là ngao phải chết. Ngao rằng nay không ra mai không ra, ắt là cò phải chết. Ông chài thấy chuyện có trêu, thì chụp mà bắt cả hai.

11. Bang môn lộng phủ : Giỡn búa nhà Bang, nghĩa là không biết bốn phận, ông Lỗ bang là thầy dạy các nghề nghiệp.

12. Bằng hữu chỉ ư tín : Nghĩa bằng hữu ở tại đều tín thành, không tín thành thì không thiệt là bằng hữu

13. Bánh sáp đi, bánh chì lại : Thói mọi ưa dùng chì thiết đồ mềm, không quý vàng bạc. Kẻ chợ đối chác với nó, phải lấy thặng bằng, nó một bánh sáp mình một bánh chì, nghĩa là, phải cho bằng nhau ; bây giờ ơn nghĩa qua lại với nhau thì hay nói vân vân.

14. Bạo đầu thì đại, bạo dái thì khôn : Con người phải cho dè dặt, chớ khá nhẹ dạ, hớ tốp. Bạo đầu là táo bạo lúc ban đầu.

15. Bạo phát bạo tàn : Nói về thì vận, hễ phát đạt vộ, thì tàn bại cũng vộ.

16. Bảo tân cứu hoả : Ôm củi mà chữa lửa : cứu bịnh giải hòa chẳng dùng thuốc hay, lời phải, lại dụng phương nghịch lời ngang, thì cũng như

làm cho lửa cháy thêm.

17. Bát bể, đánh con sao lành : Nghĩa là không lẽ tiếc cái bát bể hơn con. Xưa có một người mua một cái bình, cầm đi đàng, rùi bình rơi xuống, bể đi, người ấy đi xuôi một bề ; người ta hỏi sao bình bể không ngó lại, người ấy rằng bể rồi thì thôi, dầu tiếc cũng vô ích.

18. Bắt cá hai tay : Nghĩa là hai tay muốn đặng cả hai ; song muốn cho đặng cả thì phải tay chặn tay bắt, nếu hai tay chụp lấy cá, thì không có tay nào đặng, cũng có nghĩa là giành lấy một mình.

19. Bất can ki sự, mặc đương đầu : Chẳng can việc mình, đừng xứng ra mà chịu, nghĩa là chẳng nên thày lay, gánh việc vô can.

20. Bất cấp chi khách : *Bất thỉnh tự lai*, thì là khách không gặp, vì là không có mời.

21. Bắt chuột không hay, hay ỉa bết : Nghĩa là dở tài ; con người, nên không thấy, thấy hư ; hay không thấy, thấy dở, thì là con mèo ỉa bết.

22. Bắt cóc, bỏ vào đĩa : Cóc hay nhảy, đĩa trẹt lòng, không phải đồ nhốt, cho nên mới có bỏ vào nhảy ra. Người hay trốn tránh, bắt đó trốn đó, hay là dễ bắt thì nói vân vân.

23. Bất đặng tuấn lãnh, bất tri thiên cao, bất lý thâm nhai, bất tri địa hậu : Chẳng lên non cao, chẳng biết trời cao, chẳng xuống vực sâu, chẳng biết đất dày : chẳng học tới sách thánh hiền, thì chẳng biết mùi đạo.

24. Bất dĩ thành bại, luận anh hùng : Chớ lấy sự nên hư mà luận kẻ anh hùng, nhứt là nói về việc chinh chiến, vì đặng thua là sự thường.

25. Bất đũa có tóc, không ai bắt đũa trọc đầu : Có tóc hiểu là người có căn kước sự nghiệp ; đũa trọc đầu là đũa tay không, không gốc, chỉ nghĩa là cứ người có gốc, hay là có thể ăn nhờ.

26. Bất học vô thuật : Không học thì không có mưu chước biến hóa.

27. Bất lươn đàng đuôi : Mình lươn nhốt, bắt đàng đuôi, lại càng không có thể nắm, thì bắt cũng như không.

28. Bất oán thiên, bất vưu nhờn : Chẳng hờn trời, chẳng trách người, nghĩa là phải an phận mạng.

29. Bắt râu người nọ, đặt cằm người kia : Nghĩa là tráo chác, chuyện người kia nói cho người nọ, hay là điên đảo thị phi.

30. Bất sĩ hạ vấn : Chẳng hổ hỏi kẻ dưới. Ai ai cũng có chỗ khuất, chớ cậy mình rằng thông minh. Có câu rằng : *mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích*. thì là làm vậy.

31. Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh : Không chịu tước vị của người, thì không lo việc chánh cho người. Không có danh phận gì mà muốn gánh vác chuyện kẻ khác thì là thày lay.

32. Bát trong sóng, còn có khi động : Hiểu nghĩa là bà con ở chung một nhà, không lẽ khỏi sự mất lòng nhau, cũng như bát chén là vật vô tình, để chung một sóng, dầu không ai động, cũng có khi khua.

33. Bảy mươi chưa què, chớ khoe mình lành : Tật đằng sau lưng. Con người dầu đến tuổi bảy mươi là bậc già cả, cũng chẳng nên đắc ý rằng khỏi tật.

34. Bảy mươi học bảy mươi mốt : Tuổi bảy mươi với bảy mươi mốt, khác nhau có một năm, thì có lẽ trải việc hơn một năm.

35. Bè ai nấy chống : Nghĩa là ai có phận nấy, lại việc ai nấy làm. Trước một trăm năm, đất Đồng-nai còn hoang vu, có nhiều người kết bè trôi nổi dưới sông, chủ nào bè ấy bà con xúm xít ở theo nhau, có việc thì chèo chống với nhau ; lại tiếng người ta chưởi mắng rằng : cả bè bấy, thì là mắng cả bà con, cũng như tiếng mắng : *cả máng, cả sóc vân vân*.

36. Bế môn trục đạo : Đóng cửa lại mà đuổi kẻ trộm, ấy là lời chê thầy thuốc không biết phép trị bệnh, hoặc phải đuổi bệnh như làm hạn làm hạ mà dụng thuốc cầm, thì là nuôi lấy bệnh.

37. Bè nặng chống trời : Chẳng lường sức mình.

38. Bè trên ở chẳng kỷ cương, cho nên bè dưới làm đằng mây mưa : Có câu rằng : *thượng bất chánh hạ tắc loạn*. Nghĩa là trên ở chẳng chánh thì

dưới loạn.

39. Bỉ cực thối lai : Vận thì có khi bỉ, khi thối, hết cơn bỉ cực, tới tuần thối lai ; tiếng khuyên không nên ngã lòng.

40. Biết một mà chẳng biết mười : Nghĩa là chưa biết đủ đều.

41. Biết ngứa đầu mà gãi : Muốn gãi cho mà không biết chỗ nào phải gãi ; muốn làm giùm, mà không biết việc chi phải làm, ấy là lời nói lầy.

42. Biết người biết mặt, chẳng biết long : Chẳng có lẽ tin việc bề ngoài.

43. Bình địa khởi phong ba : Đất bằng nổi sóng gió, chính nghĩa là đặt để hư không, bày việc phi lý, gây nên sự giận dữ, oán thù.

44. Bình phong tuy phá, cốt cách du tồn : Bình phong dầu bể, cốt cách tư chất hãy còn, có ý nói về người trâm anh tài đức, dầu có đều hư, cũng còn có đều nên.

45. Bịnh tùy khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất : Bịnh theo lỗ miệng mà vào, họa hại theo lỗ miệng mà ra : một hơi thở vào, hoặc đem khí độc vào trong mình, mà làm bịnh ; một lời nói ra, hoặc buông lời quấy ra ngoài tai mà gây họa.

46. Bộ phong tróc ảnh : Bắt gió bắt bóng, nghĩa là làm chuyện bá vớ không chắc chắn.

47. Bói ra ma, quét nhà ra rác : Có ý nói người hay tin sự gì, liền có sự ấy, dầu phép bói là phép không thật, song hễ là tin mà bói, thì liền có đều tà mị xuôi cho mình tin.

48. Bói rẻ hơn ngời không : Rẻ mà có, thì hơn là không có. Lời ít mà năng lời, thì chẳng hơn là nhiều mà không mấy khi có.

49. Bôi trung xà ảnh : Hình con rắn ở trong chén rượu. Tích rằng : Có một người tới nhà anh em bạn mà uống rượu, ngó thấy trong chén rượu có hình con rắn, liền hồ nghi anh em bạn bỏ thuốc độc, không an trong lòng ; người anh em bạn thấy vậy, biết ý thì lấy cái cung treo trên vách mà cất đi, liền mất bóng con rắn.

50. Bòn tro đải trấu : Bòn tro mà kiếm những than, giảm nhỏ nhỏ lộn theo, đải trấu mà kiếm hột gạo gẫy hột lúa lửng còn sót. Làm ăn cần kiệm, bòn mót, chắt lót, thì nói thế ấy. Ở ngoài kia có một hai chỗ không củi, phải thổi bằng rơm cỏ cùng là rác to.

51. Bồng em thì khỏi xay lúa, xay lúa thì khỏi bồng em : Không lẽ bắt một người làm hai việc một lượt.

52. Bụng làm dạ chịu : Mình làm mình chịu, nhữ tác *ưng hườn nhữ thọ*.

53. Bưng mắt bắt chim : Chuyện dễ làm ra khó.

54. Buôn gặp châu, câu gặp chỗ : Gặp dịp làm ăn.

55. Buôn dầm cầm chèo : Làm không hờ tay.

56. Buôn tay mặt, bắt tay trái : Liền tay, xấu tốt cắt nghĩa cũng thông.

57. Bút sa gà chết : Học trò có thói ăn tiền nhuận bút, có viết thì có tiền công. Lại một chữ thêm vào cũng gây nên tội phước, một nét bút sa xuống cũng có đều rủi may, cho nên kẻ có việc phải sợ, cùng phải chết gà.

C

1. Cá chậu chim lồng : Cơ hội sẵn sàng.

2. Cá khô có trứng : Ví dụ chuyện phi thường, người cùng túng mà còn gặp may.

3. Cá không ăn muối cá ươn, con không nghe mẹ trăm đường con hư : Muối để mà giữ con cá cho khỏi hư khỏi thúi, mà con cá ươn thì lại không thấm muối.

4. Cá sầy cá lớn : Con cá sầy không ai ngó thấy, cho nên có lẽ gạt người mà nói là con cá lớn, có ý chê người hay khoe khoang về sự người ta không ngó thấy.

5. Cá khô gặp nước : Cá mắc nắng hạn, gặp nước mưa dào thì mừng rỡ mình khỏi chết khô ; ví với người mắc hoạn nạn mà gặp phước.

6. Cà răng múc mắt : Nói về người mắc nợ cùng cố, tiền bạc đòi không trả, nhả răng giơ mắt ; có giận cho lắm, cũng chẳng có lẽ cà răng múc mắt mà trừ.

7. Cả vóc cả keo : Có câu rằng : *trèo cao té nặng* ; song xác nặng, ở đâu té cũng nặng. Hễ kẻ cao sang chẳng ngã, ngã thì đau, nghĩa là vinh bao nhiêu, nhục bấy nhiêu ; thường nói về người béo chắc, chẳng mấy khi đau, mà hễ có đau thì nặng hơn người ốm yếu.

8. Cả vú lấp miệng em : Con thơ bé thường gọi là em ; hiểu nghĩa là người lớn ý thể hiếp người nhỏ, không cho phân nói lẽ phải chẳng.

9. Các hữu sở trường : Nghĩa là mỗi người đều có chỗ hay riêng.

10. Cầm cân thăng bằng : Nghĩa là giữ phép công bình.

11. Cầm đầu có hòng ướm tay : Giữ cho lắm cũng chẳng khỏi thâm hao.

12. Cầm khi một ngày, biết khi mùa : Có gần thì biết dễ biết tính ý, nói về đũa ăn đũa ở, có gần nó, thì hiểu đặng tính nết nó ít nhiều.

13. Câm hay ngóng, ngọng hay nói : Kẻ câm tức mình muốn nói, cho nên hay ngóng ; kẻ ngọng muốn sửa tiếng nói, ám ức không chịu làm thính, cho nên hay nói, đều là bệnh tự nhiên.

14. Cắm treo, để heo nhịn đói : Có mà không cho ăn.

15. Cầm bắt như chuyên : Siêng chẳng bằng chăm chỉ, siêng năng nong nả có khi nhưng việc, chăm chỉ thì là có ý làm hoài hoài.

16. Cạn đầu râu đỏ : Nói về việc làng hay cứ dân gần mà bắt râu ; người ta lại hiểu rằng gần râu cứ đỏ.

17. Cạn nước tới cái : Tới việc sẽ hay hay là tới đâu hay đó.

18. Cắn răng, chần con mắt : Cắn răng thì là ngậm miệng không nói ; chần con mắt, thì là bách con mắt ra mà coi, nghĩa là rán sức ra mà chịu.

19. Cạn thủy tri ngư, cạn lâm thức diều : Gần nước biết cá, gần rừng biết chim, nước rừng là chỗ ở cá chim, càng gần gũi càng biết tình ý.

20. Canh điền bất kiến diều, hòa thực diều phi lai : Cày ruộng chẳng thấy chim, lúa chín chim bay tới ; khi khó nhọc thì không thấy người, lúc ăn chơi lại có người, cũng như nói *ăn giùm thì có, làm giùm thì không*.

21. Cao bay xa chạy : Cao bay như chim, chạy hay như ngựa, nghĩa là có tài bay nhảy.

22. Cao diều tận, lương cung tang : Con chim bay cao chết, cái cung hay giấu, nghĩa là có việc thì dùng, dùng đặng việc hay là hết việc thì bỏ, có ý trách kẻ làm vua chúa, dùng người không có ân hậu.

23. Cao lễ dễ thừa : Có ý nói châm qui kẻ làm quan hay dụng tình, tư vị kẻ nhiều tiền, bầm thừa việc chi cũng dễ.

24. Cao năm, ấm mồ : Ngưu manh, mã lạp, thì là năm mả, năm mả cao dày thì mồ phần ấm cúng, bền vững lâu dài, nói tỉ phước đức cha mẹ cao dày, thì con cháu đặng nhờ lâu xa.

25. Cao hơn tất hữu cao hơn trị : Người cao trí ắt có người cao trí trị, ấy là lời khuyên người đời chẳng khá cậy tài, xưng mình rằng hơn kẻ khác.

26. Cát kê, yên dụng ngư dao : Cát gà chẳng phải dùng dao trâu ; nghĩa là làm việc nhỏ chẳng phải dùng trí lớn, ấy là một lời nói một người anh hùng đời xưa.

27. Cầu danh bất cầu lợi : Có câu rằng, *danh hưng lợi tùng* ; nghĩa là danh lợi không lìa nhau, hễ muốn danh thì ngụ đều muôn lợi ; lời nói cầu danh mà không thèm cầu lợi, cũng là lời nói khoa trương.

28. Cây có cội nước có nguồn : Có câu rằng : *mộc bốn thủy nguyên*, là chính chữ lời nôm dịch ra. Ai ai đều phải suy ông bà cha mẹ làm cội rễ, kẻ chẳng nhìn biết ông bà, hay là đứng sanh thành ông bà, thì là vong bản.

29. Cây đa cũ bến đò xưa : Cây đa cũ, là chỗ mình nghĩ mát, bến đò xưa, là chỗ mình đã qua đó, đều chỉ là chỗ cố cựu, người có nghĩa không nên quên.

30. Cây độc không trái, gái độc không con : Ấy là lời trù, cây độc không đáng sanh trái, cũng như gái độc không đáng sanh con. Vị tất là cây độc không trái, vị tất là gái độc không con, có câu rằng : *cây độc sanh trái độc.*

31. Cây không trồng không tiếc, con không đẻ không thương : Có biết khó nhọc thì mới biết thương tiếc, cho nên của không đổ mồ hôi xót con mắt, thì không biết tiếc.

32. Cây muốn lãng, mà gió chẳng dừng : Nghĩa là không thể làm hòa, một đằng nhịn, một đằng không nhịn, thì làm cứ cho sanh sự cãi lầy rầy rạc chẳng thôi, ấy là nghĩa thường.

33. Cây nhà lá vườn : Nghĩa là vật ăn sẵn chẳng phải tốn tiền mua, có ý nói về cây trái.

34. Cây vạy ghét mực tàu ngay : Chỉ nghĩa là người quấy không ưa lẽ phải ; lại mực tàu bày cây vạy, lẽ thật chói lẽ tà, cho nên *thăng mực tàu thì đau lòng gỗ.*

Ch

1. Cha mẹ cú đẻ con tiên : Nghĩa là cha mẹ xấu đẻ con tốt, cú là chim bắt tường hay là chim xấu.

2. Chải gió tắm mưa : Nghĩa là chịu phong trần lao khổ.

3. Chơn trời mặt biển : Trời giống như cái chụp thì là có chơn, mặt biển rộng minh mông, không chỗ cùng tột, thì hiểu là đằng xa thăm không cùng.

4. Chơn thấp chơn cao : Ấy là tiếng nói xâm người làm mai dong. Lễ cưới thành, thì kẻ làm mai dong đặng ăn lễ ; chơn thấp chơn cao, thì là nhóng cho tới lễ thành. Có câu hát rằng : *mai dong chơn thấp chơn cao, muốn ăn thịt mỡ nói vào nói ra.*

5. Chàng dâu thiệp đỏ : Hiểu nghĩa là gái phải tòng chồng. Con gái có tam tòng là nhỏ thì tòng cha, có chồng thì tòng chồng, chồng chết thì tòng

con.

6. Chẳng lấy cũng khuấy cho hôi : Ấy là tiếng oán, nói về việc vợ chồng ; mình ứng người ta, người ta không ứng mình, hoặc làm bạn không đặng thì oán mà làm cho nhau mang xấu.

7. Chẳng ngon cũng sốt, chẳng tốt cũng mới : Sốt thì tỏ ra sự nóng nảy, mới thì tỏ ra sự nguyên vẹn, tinh hảo ; có ý nói về vật ăn hay là lễ phép cho vật ăn khi còn sốt dẻo, thì càng tỏ tình thảo lão ; còn như vợ vã chào mừng, đang khi mới tới, thì lại tỏ ra lòng thành kính.

8. Chẳng thương cũng làm đồ cúm nùm : Có ý nói về sự dẫu rể ở với hai bên cha mẹ, không nên tỏ sự giận ghét, kéo mất sự hiếu thảo thuận hòa, nghĩa là có không ưa cũng phải để bụng ; về sự con cái ở cùng cha mẹ cũng vậy.

9. Chẳng trúng cũng cọ bia : *Bất trúng diệc bất viển*, chánh nghĩa là không xa sự thật, giả như nghi ngờ sự gì, nhưt là về tội phước, mà đều nghi cùng sự tình có lẽ ám hiệp, dầu chẳng đặng sự thật, thì cũng có lẽ tin đặng ít nhiều.

10. Chẳng ưa nói thừa cho bỏ : Bỏ là bỏ ghét, thói đời có giận ghét ai thì hay nói thêm hoặc gia tiếng oán cho đã giận đã ghét.

11. Châu chấu thấy sáng đèn : Chê kẻ tham sang giàu, mà không nghĩ hậu ; con châu chấu thấy đèn sáng, thì ra tuồng ham hố nhảy vào, chẳng nghĩ sự cháy cánh phỏng mình, vì ngọn đèn.

12. Châu chấu chống xe : Ấy là lời ví người không sức kình với người cả sức.

13. Chậu úp khôn soi : Nghĩa là sự kín nhiệm không lẽ hiểu thấu, giả sử có đều hiểu được thì còn có đều sót, cũng như mặt trời soi còn sót chỗ chậu úp.

14. Chạy chơn không bén đất : Hiểu nghĩa là bồn chôn lo lắng, cũng có nghĩa là chạy nhăm lẹ.

15. Chạy lờ, mắc đó : Cái lờ nhỏ, cái đó to, đều là đồ ví cá, chạy chỗ nhỏ mắc chỗ to. hay là chạy chỗ này lại vương mang chỗ khác.

16. Cháy nhà ra mặt chuột : Đáo đầu mới biết việc, thường nói về sự nghèo giàu.

17. Chạy trời không khỏi nắng : Nghĩa là không chỗ thoát khỏi.

18. Chèo xuôi mát mái : Nghĩa là biết nhịn nhục hay là thuận theo thì thế, thì êm mát vô sự.

19. Chết no hơn sống thèm : Nghĩa là không chịu kiêng cử.

20. Chết trẻ khỏe ma, chết già lú lẫn : Già trẻ cũng đều chết, có chết trẻ cũng không nên tiếc.

21. Chỉ mảnh treo chuông : Nghĩa là ký thác hiểm nghèo, hay là không có lẽ gì chắc chắn

22. Chích khuyến phệ Nghiêu : Chó người đạo Chích sủa vua Nghiêu, ấy là sủa vì lạ mặt, không phải vì ông Nghiêu bất nhơn ; làm tội ai thì biết nấy, (Lời Khoái thông).

23. Chim cầu khách quán : Chim cầu thoát đậu thoát bay, khách quán hoặc đi hoặc ghé, chỉ nghĩa là bình bồng, ở đi không nhứt định.

24. Chim khôn tránh bầy tránh dò, người khôn tránh kẻ hồ đồ mới khôn : Cũng là câu hát, biết giữ mình, mới gọi rằng khôn.

25. Chim không kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe : Cũng là câu hát, người khôn ăn nói không bỏ lễ phép.

26. Chim số lông : Chẳng trông trở lại, chẳng còn phải câu thúc.

27. Chim trời cá nước : Sự thế buông lung không định chỗ ở.

28. Chịu đấm ăn xôi : Có ăn nhờ thì không nệ xấu hổ.

29. Chỗ ăn không hết, chỗ thết không khảm : Phải lấy chỗ dư, bỏ chỗ thiếu.

30. Chó ăn vụng bột : Tang tích sờ sờ, không giấu được.

31. Chó cậy nhà, gà cậy vườn : Nghĩa là cậy thế hoặc cậy là quen thuộc.

32. Chở củi về rừng : Nhứt là nói về hàng hóa, chỗ đặt chẳng bán, để đem về chỗ ể nghĩa là chỗ có người bán mà không có người mua.

33. Chó đâu có sủa lỗ không : Có hình tích chi nó mới sủa.

34. Chó gầy xấu mặt nhà nuôi : Nhà nuôi không có đủ mà cho nó ăn.

35. Chó hờ môi, răng lạnh : Có câu chữ rằng, *thần vong tắc xỉ hàn*, nghĩa là mất môi thì răng lạnh. Hai nước giao lân là *thần xỉ*, giao kết cùng nhau, nếu để giặc lấy nước nọ, thì nước kia cũng phải hiểm nghèo, cho nên phải giữ lấy nhau. Bây giờ người ta lấy làm lời dặn bảo rằng phải cho cần mật kéo sanh sự bất bình.

36. Chó thấy thóc ăn không đi, thì tuồng mặt lơ láo, hiểu nghĩa là anh em bạn hữu thấy nhau mà làm mặt vô tình.

37. Chơi dao, có ngày đứt tay : Hiểu nghĩa là liều mình làm sự hiểm nghèo, thì có ngày phải mắc.

38. Chơi hoa cho biết mùi hoa, cầm cân cho biết cân già cân non : Cũng là câu hát, nghĩa là phải cho trải việc.

39. Chơi với chó, chó lờn mặt ; chơi với con nít, con nít dễ người : Kẻ làm lớn không giữ thể diện, để bề dưới lân la, thì nó sẽ lờn dễ.

40. Chơi xuân kéo hết xuân đi, cái già lóc thóc nó thì theo sau : Cũng là câu hát, nghĩa là phải chơi cho kịp thì.

41. Chồng ghét thì ra, mẹ gia ghét thì vào : Nghĩa là phải ở cho đặng bụng chồng.

42. Chơn ướt chơn ráo : Hiểu nghĩa là mới tới hãy còn bọ ngợ.

43. Chủ trung tín : Giữ trung tín làm căn bản, trung là ngay thẳng, tín là thật lòng, nghĩa là phải lấy trung hậu tín thành làm gốc.

44. Chưa giàu đà lo ăn cướp : Lo xa quá.

45. Chung thì chạ : Chạ là lộn lạo, rối rắm, như sự làm chung buồn chung, thì hay sanh đều bất hòa.

46. Chuối đút miệng voi : Miệng voi lớn quá, trái chuối nhỏ quá, đút bao nhiêu ngốn hết bấy nhiêu, không hay vừa đủ. Người tham lam thái quá, cho ăn bao nhiêu cũng không vừa.

47. Chuông chẳng đánh chẳng kêu, đèn chẳng khêu chẳng sáng : Việc chẳng phô trương, chẳng nói, thì chẳng ai biết.

48. Chường qua đắc qua, chường đậu đắc đậu : Trồng dưa đặng dưa, trồng đậu đặng đậu ; lời sấm truyền rằng giao giống nào gặt giống ấy : làm dữ chẳng trông gặp lành.

49. Chuột sa chình nếp : Lời nói chơi người nghèo gặp vợ giàu, sẵn của cho mà ăn.

50. Chuột bầy làm chẳng nên hang : Nghĩa là không có ai chủ chốt, cầm bầy, thì chẳng làm nên việc.

51. Cô âm bất thành, cô dương bất trưởng : Một mình khí âm không nên, một mình khí dương không lớn, nghĩa là phải cho âm dương tương đắc.

52. Cờ bạc sanh trộm cướp : Thua lắm phải làm quấy.

53. Có cây dây mới leo : Có chuyện này, mới sanh chuyện khác, có gốc mới có ngọn, lại bởi có thể cho nên dây mới leo, hoặc bởi mình bắc thang.

54. Có cha có mẹ có hơn, không cha không mẹ, như đờn đứt dây : Cũng là câu hát, cha mẹ tại đường thì là cụ khánh.

55. Có chẳng hơn không : Bất luận ít nhiều tốt xấu, một cái có thì là hơn cái không, như có con hơn không con, có phần hơn không phần.

56. Cò chẳng tha ngao : Nghĩa là không nhịn nhau, sự tích đã kể trước.

57. Có con nhờ con, có của nhờ của : Con thì đỡ chơn tay, của thì sanh lợi, có câu rằng : nuôi heo rón lấy mỡ, nuôi con đỡ chơn tay.

58. Có chừa có đẽ : Nghĩa là có một ngày một có, không lẽ giấu.

59. Có cốt có vác : Nghĩa là đã ra tay thì phải làm luôn, không lẽ bán đồ nhi phế, có câu rằng : hễ làm ơn thì làm ơn cho trót, hễ gọt thì gọt cho trơn.

60. Cờ gian bạc lận : Đều là cuộc gạt gẫm mà ăn tiền.

61. Có gian thì có ngoan : Có trí mới sắp đặt đặng đều gian, cho nên phải có ngoan, kể ít oi thiệt thà, khó làm đều gian, giả linh có làm đều gian đặng, thì khi có việc cũng chẳng biết đàng trở tráo.

62. Có khế ế chanh : Nghĩa là gièm nhau, có món này chê món khác.

63. Có khó mới có nên : Có chịu khó nhọc mới đặng thành thân, có làm tớ mới đặng làm thầy.

64. Có mợ thì chợ cũng đông, không mợ thì chợ cũng không không bữa nào : Nghĩa là một người không làm nên đủ thiếu.

65. Cơ mưu bất mật họa tiên phát : Cơ mưu chẳng kín thì họa phát trước, mong lòng hại người ta mà lậu việc thì ắt là mình phải bại trước.

66. Có nước thì có cá : Hiểu nghĩa là các nước không lìa nhau, hễ có vật kia thì phải có vật nọ.

67. Có nước đồng nước sông mới dẫy : Con cháu làm nên, nhờ có gốc cha mẹ giàu. Có vốn lớn mới làm lợi lớn.

68. Có phước có phần : Số phận có thì phải có.

69. Có phước làm quan có gan làm giàu : Làm đặng quan thường nhờ phước mạng, còn sự làm giàu thì phải có gan, dẫm đường việc lớn.

70. Có phước tàng tài, vô phước tàng mạng : Sống đặng thì là có phước, có câu rằng : *mình sống hơn đồng vàng.*

71. Có quyền thì có duyên : Duyên là sự làm cho người ta ưa hạp.

72. Có sức ăn có sức chịu : Cũng như nói ăn bao nhiêu, chịu bấy nhiêu.

73. Có tài có tật : Tật là tật tánh tình, thường thấy những người có tài năng, hay cờ bạc rượu trà, người ta gọi là tật.

74. Cơ thâm họa diệt thâm : Mưu độc chừng nào, họa hại chừng nấy, thâm hiểm chừng nào mắc chừng ấy.

75. Có thân có khổ : Nghĩa là ở đời sao cho khỏi gian-nan ; con mới lọt ra khỏi bụng mẹ, thì đã biết kêu rằng khổ a.

76. Có tích dịch ra tuồng : Có sự cố người ta mới nói, chẳng phải là thêu dệt.

77. Có tiền tiên hay múa : Nghĩa là có tiền làm việc chi cũng đặng ; tục đất này hay làm phép sai tiên, mà hỏi việc lành dữ ; dầu sai tiên múa thì tiên cũng phải múa.

78. Có tiếng mà không có miếng : Miếng ấy là miếng ăn, là phần kiến, phần nhờ ; ai nấy tưởng rằng có phần mà thật sự không ngờ.

79. Cố ư trung tất hình ư ngoại : Vốn trong có, ắt phải bày ra ngoài, nghĩa là trong mình có làm sao, thì bày ra ngoài miệng cũng vậy. Lấy ngoài mà đoán trong.

80. Cờ về tay ai nấy phát : Quyền về ai nấy làm.

81. Có vinh có nhục : Có câu rằng : *vinh thường thủ nhục*, ấy là đàng đi người quân tử ; đứa tiểu nơn chẳng có chi là vinh nhục. Cũng là tiếng khuyến khích.

82. Cóc đi guốc : Cười đùa hèn, đèo bông sự tử tế, có câu khác rằng : *khỉ đeo hoa* cũng về một nghĩa.

83. Coi bằng mặt, chớ bắt bằng tay : Nghĩa là không nên đá động.

84. Coi mặt đặt tên : Nhắm xem cho biết sức người, đối với câu *nhắm em xem chợ*.

85. Cơm cá giả mặt bột : Đã buôi, làm cho qua tang lẽ.

86. Cơm mai cháo chiều : Nghĩa là thất thường, bữa đủ bữa thiếu ; có câu rằng : *cơm tẻ ngày hai*, thì là đủ đổi.

87. Còn cha gót đồ như son, một mai cha thác, gót con như chì : Cũng là câu hát : hể còn cha, người ta hay nói rằng *con có cha*. Lại có câu : *Còn cha nhiều kẻ yêu vì, một mai cha thác, ai thì kẻ con*.

88. Con cháu đẻ ông vải : Nghĩa là con cháu cải ông bà.

89. Con chờ cha : Con chữa hoang còn ở trong bụng mẹ, ai cưới mẹ nó thì là cha nó.

90. Con công chẳng giống lông cũng giống kiến : Nghĩa là nòi nào sanh giống ấy, cho lịch sự con cũng lịch sự, chẳng nhiều thì ít.

91. Còn da long mọc còn chồi nên cây : Nghĩa là còn có thể, còn lập lại đặng ; người ta cũng nói rằng : *còn tre thì măng mọc*, không tuyệt giống.

92. Con gái mười hai bến nước : Bến nước là chỗ người ta ghé mà qua đò ; thân con gái là như chiếc đò, gọi là thuyền tình, gặp người xứng đáng thì là bến trong, gặp người không xứng đáng thì là bến đục ; cả thủy có nhiều bến, lấy số mười hai mà nói cho xuôi vắn.

93. Con là máu, cháu là mủ : Ai nấy đều thương con hơn thương cháu.

94. Con là nợ vợ là oan gia : Nói về con dại vợ ngây, gia tình bần bách, thì câu này dễ hiểu hơn. Người ta hay nói rằng : *thê truyền tử phước*, nghĩa là con vợ là dây bó buộc, làm cho người đờn ông mất sự thông thả.

95. Con mắt là ngọc : Đặt ra có con mắt, thì phân biệt sự thiệt giả, tốt xấu, đừng để cho *ngư mục hỗn châu*, nghĩa là con mắt cá lộn với hột châu.

96. Còn người còn của : Dạy người ta không nên sồn lòng, hể còn sống thì còn làm đặng mà ăn, có câu rằng : *người chết của hết*.

97. Con ruồi đở nặng đòn cân : Nghĩa là trong một mảy cũng có nặng nhẹ, hơn thua.

98. Con sâu làm rầu nồi canh : Bị một con sâu làm cho phải bỏ nồi canh, nghĩa là phải hại đến việc khác. Vì một người mà bà con phải rầu buồn.

99. Con tỏ cha tỏ tỏ thầy : Nghĩa là can danh phạm ngãi.

100. Con trai đen dái, con gái đen đầu : Ấy là dấu làm chứng về sự con nít mới sanh bầm thọ mạnh mẽ.

101. Công giả trường : Nghĩa là, luống công khó nhọc. Dọc bãi biển có con giả trường hình tích giống con cua mà nhỏ lắm, hay xúc cát đem lên bãi mà kiếm vật ăn, bị sóng đánh nước xao cũng cứ việc làm mãi. Có câu hát rằng : *Công-gia-Trường thường ngày xe cát, sóng ba đào ai xét công cho.*

102. Cốt nhục tương tàn : Nghĩa là bà con hại nhau.

103. Cư bất quá dong tất : Ở chẳng qua có chỗ để đầu gối. Nghĩa là ở vừa được thì thôi ; không cầu chỗ ở.

104. Cú kêu dữ miệng cú : Cú là con chim hay đem tin dữ, cũng là chim bắt tường, chỉ nghĩa là ai làm dữ nấy lo.

105. Cũ người mới ta : Ta chưa biết chưa dùng thì gọi rằng mới.

106. Cử nhứt khả dĩ suy kỳ dư : Lấy một đều có lẽ xét đến đều khác.

107. Cửa chẳng ngon chớ nào lỗ miệng : Nghĩa là quý tại lòng thảo, không quý tại đồ ăn : Mình khéo chiêu đãi, bào chuốt hay là khéo tiếng nói thì dầu là cửa chẳng ngon cũng phải vừa miệng khách.

108. Cửa chẳng ngon nhiều con cũng hết : Đông người giành, vật hèn cũng hóa quý ; ít người mới có kén chọn, chỉ nói về vật ăn.

109. Cửa chồng công vợ : Chồng làm ra, vợ giữ gìn cũng đều có phép hưởng dùng.

110. Cửa đổ mà hốt : Ấy là cửa liều. Cửa đổ đi mà hốt lại, sao cho toàn vẹn, sao cho khỏi hao.

111. Cửa gối đầu bà già : Cửa để không chắc.

112. Cửa là nuốm ruột : Ai ai cũng thương tiếc tiền của, có người phải chết vì của.

113. Cửa một đồng, công một lượng : Công trọng hơn của mười phần, phải lấy công ơn làm trọng.

114. Cửa thế gian, ai khôn ngoan thì đặng : Cửa đời hay luân chuyển, không chắc về ai, ai có tài có trí thì đặng hưởng dùng.

115. Cửa vẫn mặt dài : Cửa ăn hay hết cho nên cửa vẫn, mặt còn thấy nhau cho nên mặt dài, ấy là nghĩa câu nô. *Cửa ăn hay hết, người còn thấy nhau.*

116. Củi đậu nấu đậu : Cũng như nói lấy đó dùng việc đó, không phải dùng món khác.

117. Củi tre một bọn, bài thập một môn : Cũng một loài, cũng như nhau, không khác chi nhau.

118. Cùng nghề đương thúng, túng nghề đương nia : Túng thì phải biến, có câu rằng : *anh hùng lờ vận lên rừng đốt than.*

119. Cười người chớ khá cười lâu, cười người năm trước năm sau cười mình : Ai ai cũng có chuyện cười, muốn cho khỏi cười thì đừng cười ai.

120. Cương quế chi tánh, đủ lão đủ tân : Ấy là ví người tuổi tác, sỏi sành, ăn nói khôn ngoan, ý vị.

121. Cứu cư thước sào : Có câu rằng : *duy thước hữu sào, di cư cư chi,* nghĩa là tu hú ở ổ quạ quạ, thì là hưởng nhờ của sẵn.

122. Cứu một người dương gian, bằng một vòn âm ti : Cứu sống cấp hơn cứu chết ; cứu người còn sống, ơn trọng hơn cứu người khuất mặt.

123. Cứu tử nhưt sanh : Trong mười phần, phần chết hết chín, phần sống có một. Ngặt nghèo, không còn trông sống.

124. Cứu vật vật trả ơn, cứu nhờn nhờn trả oán : Nhờn tình đen bạc, không bằng con ngoại vật.

Đ

1. Đa đa ích thiện : Nghĩa là nhiều chừng nào, càng thêm hay chừng nấy.

2. Đa hư bất như thiếu thiệt : Nhiều óp, chẳng bằng ít chắc ; có câu rằng : *qui tình bất quý đa*, thì là dùng ròng chẳng quý nhiều.

3. Đa ngôn đa quá : Nhiều lời nhiều lỗi, cho nên người không hay cần thận lời nói, bằng có mở miệng, thì *ngôn tất hữu trúng*.

4. Đa tài lụy thân : Tài nhiều thì lương nhọc mình : Chữ tài ấy có hai nghĩa, một nghĩa là của cải, một nghĩa là tài năng ; người ta hay lấy nghĩa trước, một sự lo đặng lo mất, thì cực biết mấy, huống chi có người phải chết vì tiền của.

5. Đá kê rêu mọc : Hiểu nghĩa là chậm trễ, lâu lắc thái quá.

6. Đắc chi dị, thất chi dị : Đặng đó dễ mất đó, cả công danh phú quý đều như vậy ; hễ đặng vô cơ thì mất cũng vô cơ.

7. Đắc Lũng vọng Thục : Đặng đất Lũng-tây trông lấy Ba-thục, chỉ nghĩa là *tham đắc vô yểm*.

8. Đắc sũng ưu nhục : Đặng yêu lo nhục, hễ đặng kẻ yêu vì, thì phải lo bề xấu hổ, không nên tự đắc.

9. Đái đầu ông xá : Quen thói dễ người. Tích nói ông Xá là một vị quan hiền lành, thường đi việc quan, qua lại dưới cội cây, có đứa thiếu niên trèo lên ngọn cây, mà đái xuống đầu ông ấy, ông ấy không nói gì ; đứa thiếu niên đặng mọi cứ đái hoài, chẳng ngờ đặng nhằm ông quan khác dữ, liền bắt nó mà chém đi.

10. Đại giả tiểu chi tích, tiểu giả đại chi phân : Hiệp cái nhỏ thì làm ra cái lớn ; phân cái lớn thì là cái nhỏ, cho nên chớ thấy nhỏ mà dạn làm hay là không nở làm. Có câu rằng : *vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi*.

11. Đại khí văn thành : Người có đại tài, mà làm nên muện, ấy cũng là tiếng than.

12. Đại mộc lưu giang, bất đắc hồi cố : Cây lớn trôi sông, chẳng đặng về chỗ cũ, ví với người thất lạc trôi nổi, chẳng trông trở về quê quán.

13. Đại ngôn bất tầm : Nói phách mà không biết hổ.

14. Đại ngôn vô thật : Lớn lời nói mà không chắc. Hễ người hay khoe khoang, nói lớn lối, thì chẳng hề có sự thật.

15. Đại nhưn năng dung tiểu nhưn : Người lớn hay dung kẻ nhỏ. Hễ làm lớn thì phải có độ lượng, chẳng khá hẹp hòi với kẻ nhỏ. Dung nghĩa là đựng, chẳng bao dung, thì là chẳng đựng, ấy là *bất năng dung vật*.

16. Đại phú do thiên, tiểu phú do cần : Giàu lớn bởi trời, giàu nhỏ bởi siêng.

17. Đại vi đài vi các, tiểu vi đồng vi lương : Lớn làm đài làm các, nhỏ làm cột làm rường, nghĩa là tùy theo sức theo thế, chẳng đặng bậc đài các thì cũng làm bậc đồng lương.

18. Đâm bị thóc, thọc bị gạo : Hiểu nghĩa là người đòn xóc, hay đâm đầu này thọc đầu kia cho sanh sự bất hòa.

19. Đăm dục đại nhi tâm dục tiểu : Mật muốn lớn mà lòng muốn nhỏ, nghĩa là phải có gan mà cũng phải cần thận.

20. Đâm lao phải theo lao : Nghĩa là lỡ chừng phải theo.

21. Đạn ăn lên tên ăn xuống : Ấy là lời chuẩn đích trong sự bắn súng, bắn ná.

22. Đặng buồng này khuây buồng nọ : Buồng là buồng cau, buồng chuối, có buồng bây giờ quên buồng ăn rồi, chỉ nghĩa là vong ân.

23. Đặng cá quên nơm : Chỉ mềng con cá, không nhớ tới đồ dùng mà bắt cho đặng cá, nghĩa là phụ ơn.

24. Đặng cao tất tự ti, hành viễn tất tự nhi : Lên cao ắt bởi thấp, đi xa bởi gần. Trước thấp sau mới cao, trước gần sau mới xa. Muốn làm thầy trước phải làm tớ.

25. Đặng chẳng màng, mất chẳng lo : Nghĩa là vô tâm.

26. Đặng chì đặng chài : Nghĩa là đắc thế ; chì để mà dẫn chươn chài, đặng một mà sanh hai.

27. Đặng chim bẻ ná : Đặng cá mà quên nơm, thì hãy còn cái nơm, đặng chim bẻ ná, thì lại làm hư cái ná, đã vô ơn mà lại hủy hoại.

28. Đàng dài biết sức ngựa, nước loạn biết tôi ngay : Có nguy biến mới biết lòng người, đi đàng xa mới biết sức ngựa.

29. Đàng lang bộ thuyên : Con châu chấu bắt con ve ve. Con châu chấu đương chụp con ve ve, chẳng dè đàng sau lại có con huỳnh tước chụp mà bắt cả đôi, chỉ nghĩa là ham ăn mà không nghĩ hậu.

30. Đẳng cũng là ruột, ngọt cũng người dung : Đẳng mà thiệt, ngọt mà giả ; lại đẳng là mực thiệt, ngọt là đãi bôi, nghĩa là phải lấy cật ruột làm hơn.

31. Đặng phe của mắt phe con : Nghĩa là ít người đặng vuông tròn, cho nên người ta hay chúc *tam đa ngũ phước*.

32. Đàng tí dương xa : Nghĩa là cánh chấu chống xe : thể suy nhược chẳng chống đặng sức lớn.

33. Đánh cho chết nết không chữa : Nghĩa là không chịu giáo hóa, hay là khó dạy bảo.

34. Đánh chó không kiêng chủ nhà : Nghĩa là không vị nhau, hay là không nghĩ tình diện nhau ; có câu rằng : *sợ hùm phải kiêng cút hùm*.

35. Đánh một gái giải cả chợ : Xử tội một gái để mà răn đờn bà con gái khác. Tục đất này việc đi chợ mua ăn thì là việc đờn bà, nói cả chợ thì hiểu cả đờn bà con gái. Đời quan Tả-quân, những tội lang vâng ngoạt tình, thường cho voi giõn tại chợ.

36. Đánh rắn cho chết nọc : Nghĩa là làm cho dứt hậu họa.

37. Đánh trống động chuông, bứt mây động rừng : Nghĩa là như một việc mà động lây tới việc khác. Thương danh hại nghĩa gọi rằng động, làm mất lòng cũng là động.

38. Dao kiếm tuy lợi bất sát vô tội chi nhưn : Dao gươm dầu sắc không giết người vô tội.

39. Đào lý nhứt môn : Một cửa cây đào cây lý, ấy là con một nhà, học một trường ; cửa thầy hay trồng đào lý.

40. Đào sâu khó lấp : Chỉ nghĩa là làm quá tay thì khó sửa lại, thường hiểu về sự làm tội ác ; hễ là tội nhiều thì khó đền bồi.

41. Đạo ngô ác giả thị ngô sư, đạo ngô hảo giả thị ngô tặc : Kẻ nói sự xấu là thầy ta, kẻ nói sự tốt ta thì là hại ta.

42. Đạo thính đồ thuyết : Nghĩa là nghe dọc đàn nói dọc đàn, thì là chuyện không đích xác.

43. Đáo xứ tùy dươn : Nghĩa là làm khách đất người phải tùy theo dươn phận.

44. Đạp gai lấy gai mà lể : Ấy là tiếng kẻ thua cờ bạc hay nói : hễ thua cờ bạc thì phải theo cờ bạc mà gỡ, cũng như nói độc khử độc, lại lâm lụy việc gì phải theo việc ấy mà gỡ.

45. Đắt có quẽ lẽ có thói : Nghĩa là đâu đâu có thói phép riêng.

46. Đắt cũ đãi người mới : Nghĩa là người mới hay gặp duyên mới ; thường thấy người mới tới làm ăn thành lợi, nhứt là những người làm thuốc, mới tới đất lạ, thì làm thuốc đắt hơn người cố cựu ở đó.

47. Đau chơn há miệng : Chỉ nghĩa túng lăm, thì phải kêu phải nói ; phép tra khảo hay dụng kèm, kèm kẹp đau chơn thì phải xưng ngay, có khi không có cũng phải chịu.

48. Đắt là quẽ ế là củi : Cũng là một miếng vỏ cây mà nhiều người mua, nhiều người dùng thì gọi là quẽ, bằng không thì kêu là củi, nghĩa là ít khi trân trọng nhiều thì khinh bạc.

49. Đau chóng đã chày : Ấy là lời khuyên người bệnh, chẳng khá ngã lòng về sự đau lâu ; ấy cũng là lời chuẩn đích.

50. Đau lâu tổn thuốc : Ấy là tiếng người đau lâu sờn lòng, rửa mình thà chết đi một cái ; kẻ đánh cờ bạc không chịu thua thì mòn, cũng hay nói thà thua đi một cái.

51. Đau tiếc thân lành tiếc của : Đau sợ chết cầu thầy cứu, bao nhiêu cũng chịu cho thầy ; đến khi mạnh, tiền thuốc của thầy lại không chịu trả.

52. Đau lòng sủng sủng nở, đau lòng gổ gổ kêu : Chỉ nghĩa là bức tức, không an, thì phải phát, phải ra miệng, không lẽ nín.

53. Đầu đi khúc chuyển : Ấy là sự răn bò, đầu muốn đi thì mình phải uốn khúc, nghĩa là có gốc mới có ngọn, có người xướng trước, mới có kẻ làm theo.

54. Đầu thử kị khí : Nghĩa là quăng con chuột mà kị đồ dùng. Quăng chú giáp phạm nhằm chú ất, sợ hãi lấy cho nên không nở ; *ái ốc cập ô*, cũng có nghĩa là sợ hại lây.

55. Đầu vào tròn ra : Sự thể nghèo nàn, đứng ngồi không yên.

56. Đầu voi đuôi chuột : Lớn thích bằng cái đầu voi, nhỏ choắt bằng cái đuôi chuột : một ngày một thôn mọn, hay là trước có mà sau không có.

57. Đầy tớ xét công, vợ chồng xét nhơn nghĩa : Đứa ở, phải xét công, chớ coi của hơn người ; về sự vợ chồng chẳng khá cầu chấp nhau trong sự lầm lỗi.

58. Đẻ sau khôn trước : Nghĩa là nhỏ tuổi mà khôn hơn người lớn.

59. Đệ tử phục kỳ lao : Nghĩa là kẻ làm con em, thì chớ nệ khó nhọc.

60. Đem voi về giày nhà má : Nghĩa là rước sự thiệt hại về nhà, thường hiểu về người.

61. Đen đầu gọi là người : Chỉ nghĩa là không phân biệt, mười người như một.

62. Đèn nhà ai nấy sáng : Nghĩa là việc ai nấy tỏ.

63. Đi khôn dứt, bứt khôn rời : Nghĩa là bịn rịn.

64. Đi xem đất, về cất mặt xem trời : Ấy là sự răn con trẻ phải giữ nét na đằm thắm, không nên vúc vác ngựa nghiêng.

65. Địa đeo chơn hạc : Chỉ nghĩa là sang hèn, xấu tốt không xứng nhau, chẳng khác chi người hèn mà muốn vợ sang.

66. Đồ trường tri mã lực, quốc loạn thức thần trung : Nghĩa là đàn gài hay sức ngựa, nước loạn biết tôi ngay, đã có giải trước.

67. Độc dược khổ khẩu lợi ư bệnh : Nghĩa là thuốc độc đắng miệng mà lợi cho bệnh ; có câu nôm rằng : *thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng.*

68. Độc khử Độc : Nghĩa là giống độc trừ giống độc, cũng như độc răn, chẳng dùng thuốc độc thì chẳng lẽ trừ.

69. Độc mộc bất thành lâm : Có câu nôm rằng : *một cây làm chẳng nên non, ba cây giùm lại nên hòn núi cao.* Nghĩa là có nhiều vai cánh, mới đặng sum vầy.

70. Độc thơ cầu lý : Độc sách tìm nghĩa lý, không phải câu theo nét viết cùng tiếng nói.

71. Độc mộc nan chi đại hạ : Nghĩa là một cây khôn chống chái cả, hay là nhà lớn. Nghĩa là sức riêng không chịu đặng việc cả sức.

72. Đói ăn rau đau uống thuốc : Dưỡng sanh có phép.

73. Đói cho sạch, rách cho thơm : Nghĩa là phải an phận nghèo, cùng phải giữ danh giữ tiếng.

74. Đói đầu gối hay bò : Túng thì phải biến. *Chịu khó mới có mà ăn, ngồi không ai dễ đem phần tới cho.*

75. Đói sanh kẻ dử : Đói lắm thì quên lẽ nghĩa.

76. Đói trong ruột không ai biết, rách ngoài cật nhiều kẻ hay : Có câu rằng : *áo cũ để bạn trong nhà, áo mới bạn ra ngoài đường.* Thường sự người ta hay lấy việc bề ngoài mà đoán việc bề trong, hay là lấy chỗ thấy mà nghị luận chỗ không thấy.

77. Đòn khảy tai trâu : Chỉ nghĩa là không biết nghe lời phải ; không phải đồng loại, cho nên không lẽ dạy biểu.

78. Đòn xóc nhọn hai đầu : Chỉ nghĩa là nịnh tà, hay làm cho người mất đều hòa thuận.

79. Đông đi đổ lại sao đây : Có ý nói riêng về sự đong lường. Một sự đong đi lường lại thì có thâm hao, không phải hao vì sự đong lường thiếu ; cũng như nói *cầm dầu có hòng rút tay*, một sự ướ tay, thì cũng làm cho dầu thiếu.

80. Đóng cửa dạy nhau : Về việc quấy phải trong nhà, lấy theo lẽ khôn ngoan thì phải dạy riêng, chớ cho người ngoài biết.

81. Đông tay hơn hay làm : Nghĩa là đông tay thì phải được việc hơn, cũng như rít nhiều churen, thì hay giúp nhau.

82. Đông có mây tây có sao : Chỉ nghĩa là sum hiệp.

83. Đồng ác tương tế : Nghĩa là xấu với xấu hiệp ý nhau, cũng giúp nhau mà làm nên chuyện xấu.

84. Đồng bệnh tương liên : Đồng một bệnh một tật như nhau, thì hay thương nhau. Hễ là biết sự đau đớn cực khổ nhau, thì biết thương nhau hơn ; các kẻ mang tật rườ cùng cờ bạc ừa nhau, cũng là đồng bệnh tương liên.

85. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu : Đồng một tiếng tăm thì đối đãi với nhau, đồng một chí khí thì tìm nhau : những kẻ có chí khí giống nhau thì đồng lòng cùng ừa hạp nhau. Lại kẻ tài trí có chí khí giống nhau, cho nên có câu rằng : *Quân tử dĩ chí khí tương kì*.

86. Đồng thực đồng thọ : Nghĩa là đồng ăn đồng chịu, hay là có ăn chung, thì phải chịu chung : ăn trộm phân tang, đến khi bị bắt phải chịu chung.

87. Đồng tử đồng sanh : Ấy là tiếng giao ước thề nguyện. Sống thác cũng một lần, cho trọn nghĩa cùng nhau.

88. Đóng trấu nhà để gà người bươi : Nghĩa là việc nhà mình, để cho kẻ khác phanh phui ; chiếu ứng với câu *đóng cửa dạy nhau*

89. Đứa ăn măm đứa khát nước : Nghĩa là một đứa làm một đứa chịu.

90. Đũa bếp khuấy nồi bung : Nghĩa là lệnh lảng không thiếp, hiểu nghĩa là nhỏ lăm không xiết việc lớn lăm, cũng như sức một người chèo

thuyền cả giữa vời.

91. Đứa có tình rình đức có ý : Thường sự những người có bụng gian hay là có ý trong mình, thì hay xem xét, mà nhứt là xem xét người có ý ; người vô sự thì là vô tâm. Tình ý cũng gần một nghĩa, té ra có ý xét có ý, có ý là có việc trong mình.

92. Đứa đại làm, đứa khôn ăn : Đứa đại làm ra không biết giữ, hóa ra đứa khôn ăn đặng, hoặc đứa đại có công làm mà không đặng hưởng nhờ.

93. Đứt đi mà nối, sao cho bằng mỗi xưa : Có ý nói về sự vợ chồng chấp nối, không mấy thuở gặp được chỗ tử tế như xưa.

94. Đứt nối tối năm : Nghĩa là cứ việc mà làm, hay là gặp việc phải thì làm. Tỉ như khi chích đôi lẻ bạn, thì phải chấp nối.

95. Đứt giống nên phải tạm choàng : Còn một vẻ khác là *lỡ duyên nên phải tạm nàng có con*, câu trước là câu hứng, đều có nghĩa là tạm vậy.

D

1. Dân dĩ thực vi tiên : Dân lấy ăn làm trước, nhà nước phải nuôi dân, có dân mới có nước, vật ăn là tánh mạng dân.

2. Dân dữ dân tề : Dân như ai nấy bằng nhau, không chỗ tây vị ; ai ai cũng là đầu đen máu đỏ.

3. Dân như gỗ tròn : Nghĩa là lăn khiến bề nào cũng đặng.

4. Dẫn xà nhập huyết : Đem rắn vào hang ; làm cho đặc thế. Tiếng tục hay nói sào huyết, chánh nghĩa là ổ hang, mà hiểu ra thì là lục phá, chỉ mạch máu, đem đàn cho kẻ dữ, ấy là nghĩa dẫn xà nhập huyết, hay là đem tới mà sào huyết.

5. Danh ô nan thực : Danh như khó chuộc. Hễ là làm hư danh rồi thì khó lập lại cùng khó mua tiếng tốt.

6. Dầu hèn cũng ngựa nhà quan, kiêu khẩu rách nát, hồng nhan hũy còn : Cũng là câu hát. Thường nói về con dòng của giống hay là người

học hành có tài đức, dầu phải lâm lụy, cũng còn cốt cách, hãy còn có chỗ dùng.

7. Dâu hiền là gái, rể thảo là trai : Dâu rể thảo thuận, cha mẹ hai bên xem bằng con đẻ.

8. Dấu hoa vụn cây : Hễ thương bông mền nhánh, thì bồi dưỡng lấy gốc cây ; vì con cháu tưởng đến kẻ sanh thành.

9. Dạy con dạy thưở còn thơ, dạy vợ dạy thưở ban sơ mới về : Có câu rằng : Mãng chẳng uốn để ra tre uốn sao đặng ; có câu chữ rằng : *Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài.*

10. Dây dùi khó đứt : Dây thang lằm hay là sắn lằm, thì có ngày phải đứt. Hễ ở mềm mỏng dịu dàng thì đặng bền đỗ lâu dài.

11. Dĩ đào vi thượng sách : Lấy sự trốn làm chước trên hết. Hộ thân có 36 chước mà có một chước lánh mình là hay hơn.

12. Dĩ hòa vi quý : Trong sự ở ăn phải lấy sự hòa hảo làm quý.

13. Dĩ kỳ tướng tất hữu dĩ kỳ tài : Kẻ có tướng kỳ dị, ắt là có tài kỳ dị, ấy là phép coi tướng.

14. Dĩ oán kích thạch : Lấy trắng mà chọi đá, hiểu nghĩa là một đảng yếu một đảng mạnh, chẳng có thể chi mà chống chỏi.

15. Dĩ nông vi bản : Sanh ý có bốn phép, là sĩ, nông, công, cổ, cũng gọi là tứ dân, có một sự làm rộng là cần nhứt, nên phải lấy nó làm căn bản.

16. Di tửu vô lượng bất cập loạn : Chín rượu không lường chẳng đến loạn. Nghĩa là uống rượu ít nhiều tùy theo độ lượng người, chớ để cho loạn tâm tánh.

17. Diện phục tâm bất phục : Mặt phục mà lòng không phục : phục ấy là kính phục, chịu phục ; người ta nói *dạ trước mặt* thì là diện phục.

18. Diệt địa giai nhiên : Đốt đất đều như nhau, hiểu nghĩa là người tài đức đốt đi đâu cũng tài đức.

19. Dinh, hư, tiêu, trưởng : Nghĩa là đầy, lưng, mòn, lớn, thường nói về mặt trăng ; vận con người có khi đầy, khi vơi, khi mòn, khi lớn cũng như mặt trăng.

20. Dinh tất dật : Nghĩa là đầy ắt có tràn, hể là đầy lắm thì phải có tràn trề hư hao ; cho nên *lý thanh mãn nhi hậu tri chí*, nghĩa là tới mực đầy rồi thì phải thôi.

21. Dò sông dò biển còn dò, nào ai bé thước mà đo lòng người : Cũng là câu hát, nghĩa là lòng người nham hiểm không lẽ xét biết.

22. Dũng bất quá thiên, cường bất quá lý : Nghĩa là mạng chẳng qua trời, cứng chẳng qua lý ; chẳng ai chống nổi việc trời, đến lẽ chánh chẳng ai thắng đặng, có câu rằng : lẽ thật phải mệt mà chẳng phải thua. Lại lý là lý thể phải chịu.

23. Dòng nào sanh giống ấy : Nghĩa là rắc nòi, cũng như *hổ phụ sanh hổ tử*.

24. Dốt đặc như cán mai xay : Nghĩa là dốt quá.

25. Dữ thiện nhờn giao như nhập chi lan chi thất, dữ ác nhờn giao như nhập bào ngư chi tứ : Nghĩa là kết bạn người lành, thì như là vào trong nhà có cỏ chi cỏ lan thơm tho, kết bạn cùng đứa xấu thì như vào hàng cá mắm hôi hám. Một nghĩa với câu *gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*.

26. Dữ xu dữ hạ : Nghĩa là càng chạy càng xuống, hiểu nghĩa là càng ngày càng sụt.

27. Du thủ du thực : Nghĩa là ăn chơi luông tuông.

28. Dục bài bất năng : Muốn thôi chẳng đặng, thì chỉ nghĩa là chẳng có lẽ thôi, hoặc chẳng dám thôi.

29. Dục gia chi tội, hà hoạn vô từ : Nghĩa là muốn gia tội cho, lo gì không tiếng nói. Nói tốt thì khó, muốn nói tội cho người ta và nhứt là kẻ bề trên muốn làm tội cho kẻ bề dưới, thì là đều rất dễ.

30. Dữ tu hành, hơn lành kẻ cướp : Chiếu ứng với câu, bình phong tuy phá, cốt cách du tồn.

31. Dục tốt bất đạt : Nghĩa là muốn mau chẳng xuôi, hễ tảo cấp lắm, thì hay sanh đều ngăn trở.

32. Dùi đánh đục, đục đánh sãng : Hiểu nghĩa là cứ thứ mà làm, đồn lần cho đến nơi.

33. Dụng lòng không ai dụng thịt : Tục đất này có kiến thịt, thì trọng tại bộ lòng, thiếu một vật trong bộ lòng thì là thất lễ ; lòng ấy thì là lòng kính vì, thảo lảo.

34. Dụng nhờn như dụng mộc : Dụng người như dụng cây, chẳng vì một chút mục chút tì mà bỏ cả cây. *Cầu sĩ mạt cầu toàn* cũng vào một nghĩa ấy.

35. Dụng như hổ, bất dụng như thử : Có dụng thì như cạp, không dụng thì như chuột. Nghĩa là người bất tài mà đặng yêu dùng, thì cũng hóa ra mạnh mẽ như cạp ; dẫu là người có tài, mà chẳng đặng yêu dùng, thì cũng trở nên yếu đuối như con chuột ; quý tại dùng cùng chẳng.

36. Dương chất hổ bì : Cốt là dê mà da cạp. Nghĩa là có vẻ bề ngoài mà thôi ; cốt dê thấy cỏ thì thềm, thấy muông lang thì sợ, quên cái da mình là cạp

37. Duồng gió bẻ măng : Nghĩa là thừa thế mà làm, một ý với câu, *chờ lụt dẫy rều*, chẳng khác chi mượn thế lực mà làm sự gì hay là đèm luôn kẻ khác.

38. Dưỡng hổ di hoạn : Nghĩa là nuôi cạp để hoạn lại sau. Cạp ấy thường hiểu là người gian ác, nếu làm ơn cho nó, hay là nuôi dưỡng lấy nó, thì nó sẽ dĩ ân báo oán hay là sẽ làm hại cho mình.

39. Dưỡng lão khất ngôn : Nghĩa là nuôi kẻ già cả mà xin tiếng nói, hay là học khôn, kẻ già cả phải am tường sự lý cùng trải việc hơn người trẻ tuổi.

40. Dương thuận âm vi : Dương là bề ngoài, âm là bề trong, chỉ nghĩa là làm mặt thuận hòa, mà trong lòng thì ngạnh.

41. Dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân : Có nuôi con mới biết ơn cha mẹ ; đànng chẳng đi chẳng đến, hễ có đến, mới biết sự khó nhọc mình thì là sự khó nhọc cha mẹ.

42. Dứt cây ai nữ dứt chồi : Cây có ngăn trở thì dứt cái cây, chồi còn nhỏ vô can, không đành lòng dứt ; giả như dứt nghĩa vợ, còn nghĩ tới con. Hễ dẫu hoa thì phải vun cây.

43. Duyên ai nấy gặp : Có ý nói về việc vợ chồng, có câu rằng : *Lương duyên do túc đế, giai ngẫu tự thiên thành*, nên vợ nên chồng đều có duyên số, không phải là việc tình cờ ; hiểu ra nghĩa chung, thì là may ai nấy gặp.

44. Duyên mộc cầu ngư : Nghĩa là leo cây tìm cá, thì là cầu sự chẳng có.

E

1. Ếch ngồi đáy giếng : Chê người không có kiến thức ; ếch ở dưới đáy giếng, thấy trời bằng cái miệng giếng. Ếch ngồi đáy giếng, thấy bao lăm trời.

2. Ép dầu ép mỡ, ai nữ ép duyên : Ấy là lời nói mỉa, duyên tại ông tơ bà nguyệt, chẳng có lẽ ép, lại *chi bất khả đọat*, nghĩa là chẳng khá làm cho người ta phải thất chí.

G

1. Gà cồ ăn bần cõi xay : Ấy là lời nói chơi chàng rể có ý tẹo hay là lấy luôn chị vợ hoặc em vợ ; ăn bần nghĩa là ăn gần chung quanh, không chịu ăn xa.

2. Gà đẻ rồi gà tục tác : Hiểu nghĩa là mình làm rồi lại tri hô, có ý đồ cho người khác. Tánh con gà mỗi khi đẻ rồi liền kêu tục tác, làm như mét thót ; mà hễ có kêu thì là có đẻ, lại có ý làm lơ lảng, kêu tục tác cũng như *thục tác* nghĩa là ai làm.

3. Gà ghét nhau một tiếng gáy : Tánh gà trống với gà trống hay khích nhau từ tiếng gáy lẫn lượt ; con người ta hay giận ghét nhau, cũng vì một tiếng nói trên nhau.

4. Gà lộn trái vãi, cu con ra ràn : Gà mới lộn còn ở trong trứng, cu mới nở, vừa tập bay, đều là miếng ăn ngon.

5. Gà mất mẹ : Nghĩa là bơ vơ chiu chút ; con mất cha, tớ lìa thầy, tôi xa vua, cũng đồng một thế.

6. Gà ở một nhà, bôi mặt đá nhau : Thường gà ở một nhà, không chịu đá nhau, có bôi mặt cho lạ thì mới đá nhau ; con ở một nhà trở mặt hại nhau, thì là gà bôi mặt không còn nhìn nhau.

7. Gái giống cha giàu ba họ, trai giống mẹ khó ba đời : Gái thuộc âm, giống thì là âmặng dương ; trai thuần dương mà giống mẹ thì là dương mắc âm.

8. Gái khôn trai dốt, lâu buồn cũng xiêu : Hễ ngọt mật thì chết ruồi, khinh sĩ thì mắc sĩ.

9. Gái ngoan làm quan cho chồng : Biết coi giềng mối, làm lịch sự cùng làm nên cho chồng, thì là làm quan cho chồng.

10. Gái tham tài trai tham sắc : Ấy là bịnh chung trong thiên hạ, thái quá thì là tham bạc trắng mà mắc mọi đen.

11. Gai trên rừng ai mút mà nhọn : Nên hư đều bởi tự nhiên, như trái trên cây ai vò mà tròn.

12. Gan cóc mật công : Ấy là giống độc, ai phạm thì phải chết.

13. Gàn đàng xa ngõ : Nghĩa là ít tới lui ; khó nẻo tới lui.

14. Gàn mực thì đen, gàn đèn thì sáng : Tốt xấu cũng đều hóa, song gàn tốt thì hóa tốt, gàn xấu thì hóa xấu, con nít lại càng dễ hóa.

15. Gàn đất xa trời : Nghĩa là già cả lắm, hay là gàn xuống lỗ.

16. Găng công mài sắt, chày ngày nên kim : Sắt cứng khó mài, mà cũng mài nên kim, nhứt là trong việc học hành khó nhọc, hễ có ra công rán

sức, thì lần hồi phải nên.

17. Gánh bàn độc mướn : Nghĩa là không phải chuyện mình, mà mình xứng lấy.

18. Gánh vàng vào kho : Nghĩa là làm lợi cho quan.

19. Gạo châu củi quế : Nghĩa là vật ăn mắt mỏ, gạo quý như châu, củi mắt như quế.

20. Gây đòn gánh giữa đường : Nghĩa là vợ chồng chích mác trong lúc trung niên,

21. Gia bần trí đoản : Nhà nghèo trí khuôn, tính không ra việc.

22. Giá cao chém thấp : Nghĩa là giá bán đánh cao, giá mua trả thấp, chẳng khác giơ cái rựa lên cao, mà chém xuống cây có chừng.

23. Giả đại qua ải : Không ai tra vấn kẻ điên đại : giả khờ giả dại cho qua việc.

24. Già đòn non lẽ : Nghĩa là đau đòn phải xưng ngay, chẳng còn chữa chối.

25. Già kén chẹn hom : Nghĩa là kén lừa lắm thì chẹt người. Những người hay kén vợ kén chồng, ít gặp người cho vừa con mắt, mà hay lầm nhằm người không tử tế. Chánh nghĩa kén ấy là kén tầm, hom là hom dâu, chà bửa. Hễ kén nhiều thì hom chẹt (vị tương).

26. Già lăm già hồng : Nghĩa là bụng mình chí lăm, hay là kẻ chắc lăm, thì chẳng mấy khi gặp, cho nên người ta hay nói, : *Tình cờ mà gặp, chóc mòng mà không*, có ý nói về sự chồng vợ.

27. Gia Phú tiểu nhi kiêu : Nghĩa là nhà giàu, con nít kiêu ngạo. Đại để con nhà giàu hay ý của cùng chẳng hay khiêm nhường.

28. Già sanh tật, đất sanh cỏ : Con người ta tới tuổi già thì hay lú lẫn hoặc đổi tính ý, vui buồn không chừng, ấy là tật tánh tình, hoặc hóa ra đui mù, điếc lác, cùng năng đau ốm thì là tật thân thể ; đều là tật chung mọi người già phải có.

29. Giá thú bất khả luận tài : Nghĩa là phép gả cưới không nên tính của cải, hễ làm giá cả thì ra việc mua bán.

30. Giận con rận đốt cái áo : Nghĩa là tức mình về việc nhỏ mọn mà hại đến việc cả thể.

31. Giận thì đánh quạnh thì thương : Thương ấy là tánh tự nhiên, lẽ buộc phải thương.

32. Giáo đa thành oán : Nghĩa là dạy biểu nhiều, gây nên đều hờn giận ; răn khuyên đức báo thì là việc có ích, mà cũng có nhiều người quen theo tánh ý riêng, thì lấy làm bất bình ; vả lại sự dạy biểu thói quá cũng hay làm cho người ta nhàm lờn.

33. Giao long ly thủy, thất phu khả chế : Nghĩa là loài giao long là nước, đũa thất phu cũng hiệp đặng. Tỉ với người có tài hay là anh hùng thất thế, thì sức một tay tầm thường cũng hại đặng. Người ta hay nói, *khi cá ăn kiến, khi kiến ăn cá*, thì là làm vậy.

34. Giao nghĩa mạc giao tài : Nghĩa là kết bạn chớ khá vì tiền của.

35. Giao tài hơn nghĩa tuyệt : Nghĩa là kết bạn vì tiền của thì hết hơn nghĩa.

36. Giao tất trạch hữu : Kết bạn phải chọn người, có ích hữu, có tổn hữu, cho nên có câu : *Dữ thiện hơn giao như tựu chi lan*, vân vân.

37. Giàu đặng trung đặng hiếu, khó mất thảo mất ngay : Thường nói về sự cung dưỡng cha mẹ, cũng là tiếng thang.

38. Giàu dễ người, khó nói láo : Dễ người là khinh suất, ỷ tận, sức làm được mà không thềm làm ; Kẻ khó mắc nợ chúng thì nói lờn lựa rày mai, hoặc không có của mà làm việc mình có tài làm đặng, cũng là nói láo.

39. Giàu giờ ngộ, khó giờ mùi : Nghĩa là tiền bạc vô ra không mấy hồi.

40. Giàu là họ khó người dưng : Tục đời hay tham phú phụ bần.

41. Giàu nghèo có người ta cùng mình : Đặt ra ở đời có kẻ giàu người nghèo, không lẽ giàu hết, cũng không nghèo hết : người ta làm sao thì mình cũng vậy.

42. Giàu người tiếng mình : Giàu nghèo đều phải giữ danh giữ tiếng. Chớ cho người ta biết tâm sự mình.

43. Giàu tạo khó bán : Ai cũng phải lấy của mà che thân.

44. Giàu út ăn khó út chịu : Hễ cha mẹ giàu thì con út đặng nhờ, cha mẹ nghèo con út phải chịu cực. Lại phần gia tài con út là phần ở sau rốt, dư thừa nhiều thì nhờ, ít hay là thiếu thì cũng phải chịu.

45. Giấu đầu ra đuôi : Nghĩa là giấu không nhem.

46. Giấy trắng mực đen, làm quen thiên hạ : Có giấy mực làm chứng, đầu lạ cũng hóa quen ; giấy mực có sức buộc, làm cho người ta tin nhau.

47. Giếng dó ếch dó : Ếch hay ở giếng, hễ có giếng thì có ếch ; ấy là tang đầu tích dó, xét đặng tang trong nhà nào thì đề tội cho nhà ấy.

48. Giỏ nhà ai quai nhà nấy : Nghĩa là ai ai đều có khuôn rập, cốt cách riêng.

49. Giỏi trong xương giỏi ra : Tự nhà mình gây việc, phanh phui.

50. Giúp lời không ai giúp của, giúp đũa không ai giúp cơm : Tiếng chê tục đời ở với nhau không hết lòng, nhứt là tới đồng tiền hột gạo lại càng đo đẵn.

51. Gởi trắng cho ác : Ác là hay ăn trắng, gởi trắng cho nó ắt là không còn, nghĩa là *ký thác phi nơn*

52. Góp gió làm bão : Thường hiểu về nghĩa hiền, là tích để lần lần mà làm ra vốn lớn, việc lớn.

H

1. Hà địa bất sanh tài : Đất nào chẳng có sanh kẻ tài, nghĩa là đâu đâu cũng có kẻ anh tài.

2. Hai chín chống nhau : Cách đánh bài chín, lấy số 9 làm lớn ; hễ hai người đều đặng số 9, thì huề với nhau, không còn ăn thua. Hiểu nghĩa là hai người có tài có sức hay là hung dữ như nhau, có kình địch hay là làm sự gì cho nhau, thì phải huề.

3. Hai gái lấy một chồng : Sự thể hai gái lấy một chồng, thì chẳng có lý thuận hòa.

4. Hai vai gánh nặng hòa hai : Nghĩa là khó xử, khó tính ; nặng là nặng tình nặng nghĩa : như vị bên tình thì phải bỏ bên nghĩa vân vân.

5. Hái củi ba năm thiêu một giờ : Nghĩa là làm ra lau mà phát đi không mấy lát. Thường hiểu về tiền của làm ra lâu lắc khó nhọc, dầu tích trữ cho nhiều, mà xa xỉ không biết tiếc, thì có lẽ phá tan trong giây phút.

6. Hại nhờn nhờn hại : Nghĩa là báo ứng nhãn tiền, không phải đợi chánh người bị hại hại lại.

7. Ham ăn mắc bẫy : Con ngoại vật ham môi thì thường bị người ta bắt ; con người tham ăn không biết xét trước xét sau, thì phải mắc mưu.

8. Hàm chó vó ngựa : Con chó hay cắn, con ngựa hay đá, đều phải giữ thế.

9. Hàm huyết phúng nhờn tiên ô tự khẩu : Nghĩa là ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình. Chưởi rửa người ta thì mình mang lấy tội chưởi rửa trước.

10. Hạng hà sa số : Nghĩa là nhiều vô số, như cát sông Hằng.

11. Hành tàng hư thiệt tự gia tri, họa phước nhờn do cánh vấn thù : Nghĩa là việc làm kín đáo, tốt xấu, có không tự mình biết, duyên cố họa phước lại hỏi ai ; hư nên, họa phước phải hỏi nơi mình.

12. Hành thuyền kị mã tam phân mạng : Đi thuyền, cỡi ngựa, ba phân mạng, chỉ nghĩa là đi ghe cỡi ngựa rất hiểm nghèo, mạng sống còn có ba phân.

13. Hạc lập kê quần : Hạc đứng giữa bầy gà, nghĩa là xuất chúng, lại có nghĩa là quân tử tiểu nhưn không phân biệt.

14. Hào ly chi sai, thiên lý chi mậu : Nghĩa là sai một ly một mảy, thì lỗi lầm tới ngàn dặm.

15. Hậu dược thành công : Thuốc sau nên công, không phân biệt thầy hay dở ; hễ uống thuốc thầy sau hết mà lành bệnh, thì nói thầy ấy là hay.

16. Hậu sanh khả huy : Nghĩa là chẳng nên khinh rẻ hậu sanh, ấy là lời đức Khổng-tử khen Hạng-Thác là một đứa con nít thông minh, nói nhiều điều khôn ngoan, như hỏi việc nhân tiên, chân mày có mấy cái lông, người chịu thua.

17. Hậu làm bạc, bạc đem làm hậu : Chê người không phân biệt chỗ ơn nghĩa trọng khinh.

18. Hã cho bèn chí câu cua, dầu ai câu trạnh câu rùa mặc ai : Cùng là câu hát ; hiểu nghĩa là phải cho có chí, chuyên một việc, hay là cứ việc mà làm.

19. Hay chữ chẳng bằng hay giữ : Học thì phải có hành, nếu học mà không hành thì là *đồ tri kì mạt*, biết ngọn ngành mà thôi.

20. Hết chay thầy đi đất : Nghĩa là phui ơn, có việc thì tâng trọng thầy, để ở trên giàn, hết việc bạc đãi thầy, để đi dưới đất, hậu đó bạc đó.

21. Hết xôi rồi việc : Nghĩa là cho ăn rồi hoặc cúng cấp rồi thì hết việc, không còn lễ nghĩa, hay là ân tình có tăng ấy mà thôi, cùng có nghĩa làm việc lấy rồi.

22. Hiến mị cầu vinh : Ấy là nghề tiểu nhưn, muốn cho đặng sang, thì hay khúc ý, thừa thuận, phùng nghinh.

23. Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử, ngõ nghịch hoàn sanh ngõ nghịch nhi : Nghĩa là thảo thuận bề sanh con thảo thuận, ngõ nghịch lại sanh con ngõ nghịch ; cha thế nào, con thế ấy hay là *hữu thị phụ hữu thị tử*.

24. Hồ giả hổ oai : Nghĩa là mượn quyền thế. Tích rằng : con chồn bị cộp chụp nói với cộp rằng : tao là chúa các loài thú, mày không đặng đá

động tới mình tao, chẳng tin mày đi thử với tao mà coi ; con cọp nghe lời đi với con chồn, tới đâu thấy các loài thú đều khép nép.

25. Hộ hôn điền thổ, vạn cổ chi thù : Nghĩa là việc nhà cửa, vợ chồng, ruộng đất là việc thù muôn đời, trong các việc ấy, nếu đều bất bình, thì sanh ra việc kiện thưa hềm thù chẳng khi nào thôi.

26. Hồ phụ sanh hồ tử : Nghĩa là cha cọp sanh con cọp, cha dữ sanh con dữ.

27. Họa hổ bất thành : Vẽ cọp không nên. Mưu sự không rồi, tính việc không xuôi.

28. Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhưn tri diện bất tri tâm : Vẽ hàm vẽ da khó vẽ xương, biết người biết mặt chẳng biết lòng.

29. Họa hổ loại cầu : Vẽ cọp giống chó. Nghĩa là làm khéo hóa vụng,

30. Họa khởi ư tiêu tường : Họa dấy nơi buồng the, nghĩa là họa gây tại trong nhà, đều bởi mình không biết xử trí.

31. Họa lai thần ám : Họa tới tối trí khôn. Hễ mình lâm hoạn nạn thì tính không ra đều. Có câu đối rằng : *Phước chí tâm linh.*

32. Họa phù thân đáí : Vẽ bùa mà đeo cho mình, nghĩa là tư lịnh.

33. Họa phước vô môn, di nhưn tự triệu : Họa phước không cửa, một tại người vời. Hễ làm phước thì phước tới cho, làm dữ thì dữ tới cho.

34. Họa xà thêm túc (Vẽ rắn thêm chũn) : Nghĩa là không có làm cho có, hoặc có nghĩa là thêm việc ; *xà bốn vô túc, hữu túc phi xà*, nghĩa là vốn rắn không chũn, có chũn không phải rắn.

35. Hỏa thượng thêm du : Trên lửa thêm dầu, nghĩa là khích gan, chọc giận hay là gây thêm sự dữ.

36. Hoạch tội vu thiên vô sở đảo đã : Mắc tội với trời, không chỗ cầu vạy, có câu rằng : *Thiên tác nghiệt, du khả vi, tự tác nghiệt bất khả huật.* Cố ý nghịch mạng trời, cam lòng làm dữ thì hóa ra buông lung, hung ác, cho nên không còn chỗ cầu cứu.

37. Hoạn đặc hoạn thất : Chưa đặt lo cho đặt, đặt rồi lại sợ mất, cả đời bo bo một sự đặt mất.

38. Hoạn bất tài, hà hoạn vô dụng : Sợ không có tài, sợ gì không dụng ; người có tài thì chẳng ai bỏ, có tài mà không thấy dụng thì là chưa gặp thì.

39. Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nơn : Vì Hoàng thiên chẳng phụ bạc lòng người tốt. Hễ làm lành thì sẽ gặp lành.

40. Hoạnh tài bất phú : Nghĩa là của phi nghĩa không bền hay là không làm giàu cho ai.

41. Hoành thâm nghịch phát : Thâm chẳng phải lẽ, thì tán ra cũng không phải lẽ. Nghĩa là không lẽ cầm của trái lẽ.

42. Học sư bất như học hữu : Học thầy chẳng bằng học bạn ; học với thầy phai thủ lễ, ít dám hỏi han, học với bạn là học đòi không phải câu thúc.

43. Hom tranh bẻ hai : Nghĩa là chia đồng đều.

44. Hôn dạ khất ai, kiêu nơn bạch nhựt : Đêm hôm xin thương, ngày sáng kiêu với người, ấy là chánh bịnh những người bất tài không biết liêm sỉ, lo lót với người ta mà làm mặt không lo, hay là lạy dạ khẩn cầu cho đặt việc, rồi thì tự thị làm mặt không cầu ai.

45. Huynh đệ như thủ túc : Anh em như tay chơn, có câu khác rằng : *phu phụ như y phục*, áo rách còn có lẽ vá, tay chơn lìa chẳng có lẽ nối, nghĩa là anh em khó kiếm.

46. Hùm chết để da, người ta chết để tiếng : Làm người ở đời một là lưu danh thiên cổ, hay là di xú vạn niên.

47. Hùm dữ chẳng ăn thịt con : Có câu rằng : *Phụ tử chi tình vô bất ái*, cha mẹ không lẽ giết con, cho nên có câu nôm : *tay phân tay bao nỡ, ruột cắt ruột bao đành*.

48. Hương đảng mạc như xỉ : Phép hương đảng chẳng gì hơn tuổi. Phép ở làng không luận chức tước, phải trọng kẻ tuổi tác hơn.

- 49. Hùm mất thịt :** Nghĩa là táo tác làm dữ, không yên.
- 50. Hung trung vô vật :** Trong lòng không có vật gì. Hiếu là người tự nhiên, không có bụng gì, không thiện với ai, không ác với ai.
- 51. Hữu danh nhàn phú quý, vô sự tiểu thần tiên :** Nghĩa là thú nào vui thú ấy, hữu danh với vô sự cũng bằng nhau.
- 52. Hữu danh vô thật :** Tên có mà sự thật không có, có câu đối nghĩa rằng : *danh xứng kì thiệt*.
- 53. Hữu đồng vô mưu :** Nghĩa là có một sự mạnh, mà không có mưu chước.
- 54. Hữu duyên thiên lý ngộ :** Có duyên ngàn dặm cũng gặp nhau, hay là ngàn dặm gặp nhau vì là có duyên.
- 55. Hữu lao vô công :** Nhọc thì có mà không ai kể công ơn.
- 56. Hữu lịch sắc, hữu ác đức :** Có sắc tốt thì có đều ác đức. Hễ gái đặng bề lịch sự, thì lại mất bề đức hạnh ; cho nên có sắc khuinh thành.
- 57. Hữu quá tắc cải :** Có lỗi hay là biết lỗi thì chừa, nghĩa là chẳng khá chấp mê. Có câu đối rằng. *đắc năng mạc vong* nghĩa là làm đặng thì chớ bỏ qua.
- 58. Hữu sự bá tứ phương :** Có việc lạy bốn phương, nghĩa là mình có việc thì phải đầu lạy mọi người.
- 59. Hữu thân hữu khổ :** Có thân thì có khổ, nghĩa là không nên sờn lòng. Có chỗ nói : *hữu thử thân, hữu thử khổ* cũng là một nghĩa.
- 60. Hữu thịnh hữu suy :** Có thịnh thì có suy, ấy là lẽ dinh hư tiêu trưởng.
- 61. Hữu thành tắc hữu thần :** Có lòng thành kính, thì có thần linh cảm cách hay là tương ứng.
- 62. Hữu thể bất khả ỷ tận :** Có thể chẳng khá ỷ hết ; lại có câu rằng : *hữu phước bất khả hưởng tận*, ai ai cũng có dinh hư tiêu trưởng, ỷ tận, hưởng tận, thì là làm cho hết thể hết phước.

63. Hữu thi vô chung : Có trước mà không có sau ; nghĩa là không trọn, không chung cùng.

64. Hữu ư trung tất hình ư ngoại : Một nghĩa với câu *cố ư trung* vân vân.

65. Hữu xạ tự nhiên hương : Có vị xạ, tự nhiên thơm ; mình có tài đức tử tế thì có công luận thiên hạ : Có câu nổi rằng : *hà tất dương phong lập* ; nghĩa là nào phải đứng ra giữa gió.

66. Huyện mãn nha môn không mãn : Quan đối, phép nha môn không đối ; kẻ nha lại cũng không đối.

67. Húy tử tham sanh : Người ta nói rằng : Con chó còn muốn sống mà ăn dơ, thì dẫu là ngoại vật cũng đồng muốn sợ sống chết. Song cũng có khi phải *xả sanh nhi thủ nghĩa*, hoặc *sát thân dĩ thành nhơn*. Ông-Mạnh tử nói rằng : *Kì sở dục hữu thậm ư sanh dã, cố bất vi cấu đắc ; sở ố hữu thậm ư tử dã, cố hữu sở bất tị*.

I

1. Ích kỉ hại nhơn : Làm ích cho mình mà hại tới kẻ khác.

2. Ích thì ích lợi : Ôm thế lợi một mình.

3. Ít bột sao cho nhiều bánh : Vốn ít thì làm ra phải ít, cũng như ít vốn chẳng để ra nhiều lời hay là chẳng lẽ làm nên việc lớn. Lại học ít thì hành cũng phải ít.

4. Ít thầy đầy đẫy : Các thầy chùa, thầy pháp đi làm đám cho người ta rồi, thường có bánh xôi bỏ đẫy cho mà về ; ít thầy thì xôi bánh có dư ; ít người chia thì phần được phải nhiều hơn.

5. Y cấm dạ hành : Bận áo gấm mà đi đêm, không ai biết rằng vinh.

6. Y dã ý dã : Ấy là lời chuẩn tích cho các thầy thuốc : hễ gặp bệnh thì phải biến thông, chớ khà câu chấp một lẽ.

7. Y dạng họa hồ lô : Y theo hình dạng mà vẽ trái bầu, ấy là bắt chước theo một kiểu.

8. Y năng sát nhờn, dược năng cứu nhờn : Thầy thuốc dở không biết chứng bệnh thì hay giết người. Thuốc men là vật Trời sanh để mà trị bệnh.

9. Ý thế ý thần : Đều chỉ nghĩa là ý ; lại ý thế là ý thế lực, ý thần là cậy có thần ủng hộ. Ở đàng ngoài có tục ngữ rằng : *Thanh cậy thế, Nghệ cậy thần* : Tỉnh Thanh-hóa chính là đế hương, người ở đó hay ý mình là người quyền quý ; Nghệ-an có nhiều miếu thần linh. người xứ này hay cậy sức thần. Còn có câu rằng ; *ý thân ý thế*, ý thân là ý gần yêu, ý bà con với kẻ sang giàu, ý thế là ý sức lực, quyền thế, lấn lướt nhau được.

10. Ým cựu nghinh tân : Nhàm cũ rước mới, cũng là mới chuộng cũ vong.

11. Yến tước khởi tri hồng học chí : Chim én chim sẻ đâu biết chí chim hồng chim học, chỉ nghĩa là trí hèn mòn chẳng lẽ hiểu việc kẻ cao sang.

12. Yếu tha già thái : Nói về lính tráng, có phép tha thái riêng.

K

1. Kê minh cấu đạo : Gà gáy chó ăn trộm, chính nghĩa là gian vật ; mượn nghĩa thì là bạn hữu thiết. Tích rằng : Ông Mạnh-thường-quân là công tử nước Tề nuôi thực khách hơn ba ngàn, đi sứ qua Tần, bị Tần Chiêu-vương giam tù, phải lo với bà công chúa ; bà công chúa đòi cái áo hồ bạch cầu, giặt áo ấy công tử dâng cho vua Chiêu vương bỏ vào kho rồi, vậy có một người thực khách chịu làm chó chun vào kho lấy đựng cái áo hồ cầu dâng cho công chúa cứu công tử khỏi tù. Công tử lật đặt ra cửa thành, trời hã còn khuya ; lệ cửa thành gà gáy mới mở, có người khách giả làm gà gáy, gà lối xóm đều gáy theo, quân canh ngỡ trời đã sáng, mở cửa thành, Mạnh-thường-quân mới thoát ra mà về, khỏi ai bắt bố nữa.

2. Khắc bạc thành gia, lý vô cữu hưởng : Ăn ở khắc bạc mà làm nên sự nghiệp nhà, thì lẽ Trời chẳng cho hưởng đặng lâu.

3. Khách tới nhà chẳng gà thì vịt : Biết hậu đãi nhau.

4. Khai khẩu như phá thạch : Mở miệng dường phá đá, chỉ nghĩa là lời nói cho chắc chắn.

5. Khai môn ập đạo : Mở cửa rước kẻ trộm, chỉ nghĩa là rước kẻ dữ vào nhà mà làm hại cho mình.

6. Khẩu đầu chi giao : Bận hữu đầu miệng, chỉ nghĩa là không thiệt lòng, không phải là bạn tâm phúc.

7. Khai quyển hữu ích : Mở sách ra thì thấy có ích. Sách nào cũng có đều khuyên răn dạy bảo, làm ích cho mình được.

8. Khê hác chi tâm : Lòng dạ như khe rãnh, chỉ nghĩa là tham lam không chừa.

9. Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm : Biết cần kiệm giữ gìn thì khỏi đói lạnh.

10. Khéo làm tôi vụng : Có câu rằng : *Xảo giả đa lao, chuyết yên nhàm*, nghĩa là khéo lắm thì mệt, mà vụng lắm lại không biết chuyện chi mà làm cũng tệ.

11. Khi kiến ăn cá, khi cá ăn kiến : Đến khi thất thế, thì dẫu là vật nhỏ hèn cũng hại mình đặng, ấy là *giao long ly thủy thất phu khả chế*.

12. Khi lành cho nhau ăn cháy, khi dữ mắng nhau cạy nôi : Khi thương khi ghét không chừa.

13. Khi lành quạt giấy cũng cho, khi dữ quạt mo cũng đòi : Hậu bạc không chừa.

14. Khinh nặc quả tín : Nghĩa là nhẹ ừ, ít tin. Hiểu ra hai nghĩa : một nghĩa là ừ chịu lấy đặng thì chẳng đáng tin, một nghĩa là ừ dễ là ít tin, hay là chẳng mấy khi thiệt. Ừ dễ, tục hay gọi là *ừ bác tử*.

15. Khinh sĩ mắc sĩ : Nghĩa là dễ người thì phải mắc. Sĩ ấy là học trò nhiều trí thuật. Lấy tích xưa có nhiều học giả hay giả hình giả dạng mà gạt người ta

16. Khó chó cắn thêm : Khổ đập ; nghèo mắc lấy eo.

17. Khó có nhau hơn giàu một mình : Lấy nghĩa sum vầy làm hơn.

18. Khó khách hơn giàu annam : Đồn bà Annam lấy chồng khách sung sướng, dẫu nó nghèo nó cũng căng, khỏi làm công chuyện.

19. Khó mới có mà ăn, ngồi không ai dễ đem phần tới cho : Nghĩa là không có của sẵn mà cho kẻ làm biếng.

20. Khó nằm giữa chợ chẳng ai han, giàu ở lâm san, ghe kẻ tìm tới : Có tiền dẫu ở trong hang cũng có bạn hữu.

21. Khóc hổ người, cười ra nước mắt : Lỡ khóc lỡ cười.

22. Khỏi lỗ vô vế : Khỏi việc thì lấy làm may ; câu này có nghĩa tục.

23. Khôn cho người ta giải, dại cho người ta thương : Có câu kết rằng : *Đừng có oan ương người ta ghét.*

24. Khôn đâu cho trẻ, khỏe đâu cho già : Trẻ chưa trải việc, già lại môn hơi.

25. Khôn một người một léo, khéo một người một ý : Các hữu sở trường, kẻ khôn thế này, người khéo thế khác.

26. Khôn ngoan chẳng bằng thật thà : Phải giữ mực thiệc là hơn.

27. Khôn ngoan giữa đám ba bề, chớ cho ai lận chớ hề lận ai : Có ý nói về việc buôn bán ; ra giữa đô hội, không thua trí người ta, hay là biết giữ lận, cũng chẳng thêm lận thì mới thiệt là khôn ngoan.

28. Khôn nhà dại chợ : Chỉ biết so đo, nói vặt ở trong nhà.

29. Khôn thì sống, mống thì chết : Cũng như nói khôn thì nhờ, dại thì chịu.

30. Khôn thưở nên ba, dại cho đến già còn dại : Thông minh, dại dột đều là bẩm tánh tự nhiên, nhưng vậy có học cũng đủ mà phá ngu. *Học khả dĩ*

biến tánh chất.

31. Không ai chịu cha ăn cướp : Ai ai cũng muốn rảnh mình, vốn cũng biết tội ăn cướp là xấu.

32. Không ai nắm tay đến tối, không ai gói đầu đến sáng : Không ai dám chắc mình rằng bình yên vô sự.

33. Không chó bắt mèo ăn dơ : Chỉ nghĩa là túng phải dùng đỡ.

34. Không đau làm giàu biết mấy : Tiếng than vận trời trắc trở.

35. Không thầy đổ mầy làm nên : Không người dạy biểu chỉ vẽ, thì chẳng làm nên việc, ấy là có học mới có hành.

36. Khoai vò mình củ : Mình lại khen mình, bào chuốt cho mình.

37. Khoang tắc đặc chúng : Độ lượng lớn, thì nhiều người từng phục.

38. Khúc đột tử tâm vô ân trạch, tiêu đầu lan ngạch vi thượng khách : Vay bếp dờn củi không ơn nghĩa, cháy đầu phỏng trán làm khách trên ; ơn dự phòng cho khỏi lửa thì bạc, công chữa lửa thì hậu.

39. Kị chỉ thử nhi : Nghề có chừng ấy. Có một xứ không có lửa, người trong xứ mới đi mua một con đem về để mà coi chơi. Cọp trong xứ ấy thấy con lửa hình tượng cao lớn, thì cũng rình trong bụi mà coi, đến khi nghe con lửa kêu lên thì sợ hãi đâm đầu mà chạy. Song chứng cọp hay tọc mạch, mỗi bữa thường tới mà rình, thấy lửa không có tài gì khác, thì dần dần lại gần, sau hết mới khuấy thiệt, con lửa giận lắm bèn đá một cái ; con cọp nhảy trái ra, rồi lại áp vào mà khuấy, con lửa cũng đá một cái nữa. Con cọp nghĩ trong mình rằng : vậy thì nghề nó có bấy nhiêu mà thôi, liền nhảy chồm cắn cổ con lửa mà ních thật. Chớ cho người ta biết tâm sự mình.

40. Kì dục lập nhi lập nhơn, kì dục đạt nhi đạt nhơn : Mình muốn nên, mà làm nên cho người ; mình muốn hiển đạt mà hiển đạt cho người ; chỉ nghĩa là làm nên cho người, tức thị là làm nên cho mình.

41. Kì hậu dã bạc, kì bạc dã hậu : Chỗ phải hậu lại bạc, chỗ phải bạc lại làm hậu ; dụng đãi không phân minh.

42. Kị hổ nan hạ : Cởi cạp khó xuống ; nghĩa là thế không dám thôi. Giả như theo giặc không dám bỏ giặc.

43. Kì phụ nương dương, nhi tử chứng chi : Người cha ăn trộm dê, mà con làm chứng ; ấy là lỗi nghĩa tử vị phụ ân. Nghĩa cha con phải giấu cho nhau.

44. Kì phùng địch thủ : Cờ gặp tay đối địch, chỉ nghĩa là anh hùng gặp anh hùng.

45. Kiến bất thủ nhi tâm thiên lý : Thấy chẳng lấy mà tìm ngàn dặm, nghĩa là thất cơ hội, không biết tính trước.

46. Kiến cơ nhi tác : Coi máy thế mà làm, thì là tùy theo việc mà biến thông.

47. Kiến hiền tư tề diên, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh : Thấy kẻ hiền lo cho bằng vậy, thấy kẻ chẳng hiền, mà trong xét lấy mình, chỉ nghĩa là thấy người hiền thì lo bắt chước, thấy kẻ chẳng hiền thì hỏi mình răn mình.

48. Kiến leo cột sắt chi mòn, vò vò xây ổ sao tròn mà xây : Tài trí chẳng có, chẳng làm chi nên. Câu trước là câu hứng, chỉ lấy nghĩa câu sau.

49. Kiến lợi vong ngãi : Thấy lợi quên ngãi, thì là tham lợi trước mắt, mà chẳng nhớ đến sự phải chăng.

50. Kiến ngãi bất vi vô đồng dã : Thấy nghĩa không làm, không có cảm đồng vậy : ngãi là đều đáng làm, như tế hiểm phò nguy vân vân.

51. Kiến pháp tri ân : Thấy phép biết ơn, kẻ có quyền muốn cho người ta biết ơn hay là muốn cho người ta mắc ơn, thì hay làm oai phép trước : ấy cũng là cách hách dịch người ta mà ăn tiền.

52. Kiến tài ám nhãn : Thấy của tối mắt, chỉ nghĩa là quên liêm sỉ. Có một người tới nhà anh em bạn, thấy vàng anh em bạn để ra nơi ván thì giựt mà chạy, anh em bạn thấy vậy liền hô oán, bắt anh ta đem tới quan, quan hỏi sao dám khi anh em bạn mà làm tới nước cướp giựt. Anh ta bầm răng : khi ấy tôi chỉ thấy vàng mà chẳng thấy người.

53. Kiến tha lâu đầy lỗ : Ấy là tích thiếu thành đa.

54. Kiệt thảo hàm hoàn : Kết cỏ, ngậm vành. Nghĩa là biết ơn mà trả ơn. Truyện rằng : Tướng nước Tấn là người Ngụy-Lỏa đánh giặc với tướng nước Tần là người Đổ-hồi ; Đổ-hồi là người mạnh bạo, đang khi giao chiến, Ngụy-Lỏa thấy một ông già lum khum kéo cỏ mà cột xiếu lại, Đổ-hồi vương lấy cỏ ấy mà ngã xuống, liền bị Ngụy-Lỏa giết đặng. Sau Ngụy-Lỏa nắm chiêm bao thấy ông già ấy tới mà xưng mình đi làm việc đền ơn. Té ra ông già ấy là cha vợ bé ông Ngụy-Thù thì là cha Ngụy-Lỏa. Ngụy-Thù đau nặng trời với Ngụy-Lỏa : Tao chết xuống, mày sẽ gả con vợ bé tao. Đến khi Ngụy-Thù ngật mình lại dặn con chôn vợ bé theo. Ngụy-Thù chết rồi, Ngụy-Lỏa lấy lời dặn sau làm lời hoảng hốt, bèn gả người vợ bé lấy chồng. Ông già ấy cảm vì Ngụy-Lỏa biết đều không chôn con mình, mới đền ơn thế ấy. Có một con chim huỳnh tước bị bò cắt đâm té xuống đất, lại bị kiến thui, may gặp một người có nhơn đem mà về nuôi khỏi chết. Sau con chim ấy cứ bay đi bay về hoài, có một bữa nó tha về ba chiếc vòng ngọc bạch mà đền ơn ; nhờ ba chiếc vòng thì con cháu người có nhơn ấy nối đời làm tới chức Tam-công.

55. Kiêm thính tắc minh, thiên thính tắc ám : Gồm nghe thì sáng, mích nghe thì tối : Nghe lời một người quấy quấy thì chẳng khỏi lầm.

56. Kim ngọc dị cầu, danh ô nan thực : Vàng ngọc dễ tìm, tiếng xấu khó chuộc.

57. Kín tranh hơn lành gỗ : Che mưa che nắng đặng thì thôi.

58. Kinh cung chi điều : Con chim sợ ná. Chim đã phải ná một lần, hễ thấy ná thì thất kinh ; con người ta bị sự gì rồi, sau nghe tới sự ấy, hãy còn hãi kinh, thì là *thương cung chi điều*.

59. Kinh thân tà thực : Cá kình nuốt, tằm ăn. Cá kình nuốt thì là ăn to, tằm ăn thì là ăn lần. Hiểu nghĩa là xâm lấn nhau, cũng như nước mạnh xâm chiếm nước yếu.

60. Kíp miệng, chày chân : Miệng gấp mà chơn chậm, nói ra thì dễ, mà đến việc thì dùng dằng, cũng là *sự dữ tâm vi*, nghĩa là việc cùng lòng trái nhau.

61. Kiếp chết, kiếp hết : Có câu rằng : *Tử giả biệt luận.*

L

1. Lá rụng về cội : Hiếu nghĩa là con cái phải tìm về cha mẹ.

2. Lạc đànng năm đuôi chó, lạc ngổ năm đuôi trâu : Con chó chạy dọc đànng thì hay đái hai bên đànng, đi một chặng đái ra một chút, đến khi về thì đánh hơi theo dấu đái mà về không sai ; cho nên người ta nói con chó có tài nhớ đànng ; còn con trâu thì hay nhớ chỗ ở, hai con đều sáng hơi, cộp ở xa chừng một dặm nó cũng biết : con ngựa già cũng thuộc đànng. Vua Tề-hoàng đánh giặc phương xa lạc đànng, ông Quản-trọng biểu thả con ngựa già đi trước mà đem đànng.

3. Làm dâu nhà cả thể, làm rể nhà nhiều con : Nhà cả thể khó làm dâu ; nhà nhiều con khó làm rể, mà làm đặng trọn tiếng, mới là hay.

4. Lâm khát nhi quật tỉnh : Có chữ rằng : *Tù mu ư vị vò, lự cập họa tiên.* Ràng rịt lúc chưa mưa, lo trước khi chưa có họa. Chớ chờ khi khát mà đào giếng.

5. Làm lớn phải làm lão : Làm lớn phải chịu việc lớn.

6. Lâm nhứt sự trưởng nhứt trí : Gặp được một việc thì thêm một điều hiểu biết.

7. Làm phù thủy không lẽ thường gà : Gà phải dùng mà làm việc phù thủy, nên hư, chủ phải chịu, chẳng có lẽ bắt đền.

8. Làm một thì giàu, chia nhau thì khó : Nhập lại thì nhiều, phân ra thì ít, sự thế phải như vậy, chỉ nói về gia tài.

9. Làm phước chẳng bằng lánh tội : Chỉ nói về sự lánh tội, làm phước mà chẳng lánh tội, thì chẳng đặng phước gì. Cũng hiếu nghĩa là làm phước mà phải bị lự thì chẳng bằng đừng làm, vì sợ làm ơn mà mắc oán.

10. Làm quan thì dễ, làm thể thì khó : Ăn ở cho xứng sự thể mình thì chẳng dễ đâu.

11. Làm ruộng ăn cơm nằm, để tầm ăn cơm đứng : Làm ruộng, đến khi cày cấy công việc nhiều ; để tầm, đến lúc tầm ăn lên, đều phải nong nả, làm không lập thờ, ăn chẳng kịp nhai ; nằm ấy là nằm theo dọc ruộng ; đứng ấy là đứng giữa đám dâu.

12. Làm thần đất ta, làm ma đất người : Hay giỏi bắt quá tại xứ mình. Có câu rằng : *lựa là vàng chín vàng mười, vàng tới đất người, vàng cũng ra thau.*

13. Lang tâm, câu hạnh : Lòng dạ, nét hạnh như muông như lang, chẳng còn biết liêm sỉ, tu ố, chỉ nói về đũa dâm dãm.

14. Lành làm thúng lũng làm mê : Có việc dùng hoài, không bỏ ; cứ việc đày xắt mãi.

15. Lánh nặng tìm nhẹ : Ấy là tật làm biếng, chữ gọi là tị trọng tỵ khinh.

16. Lấy của mà che than : Có của thì dùng, không lẽ làm tội của ; lại thà mất của chẳng thà thiệt mình hay là để cho mình phải bị lụy. Người làm tội giữ của, chữ gọi là *thủ tiền lỗ*.

17. Lấy ngao lường biển : Chẳng xét trí lực mình.

18. Lấy thúng úp voi : Giấu không nhem.

19. Lão bạn sanh châu : Trai già sanh hột châu ; hiểu về vợ chồng già mà còn sanh con. Có một thứ cây người ta hay trồng vô chậu để mà chơi, lá lớn hơn lá lan mà tía, cũng gọi là lão bạn, già mới trở bông. Có lời chúc rằng : *Cây khố nở lộc, bạn già có con.*

20. Lão bất tử, lão thành tặc : Già chẳng chết, già thành giặc, ấy là lời nói chơi kẻ già mà còn có máu dê ; lại rằng : *già thành yêu.*

21. Lão già an chi : Già an phận già.

22. Lão lai tài tận : Già đến, tài hết ; con người đến tuổi già thì hay lụy trí khôn. Có câu rằng : *trẻ khôn qua, già lú lại.*

23. Lão mã tri đạo : Ngựa già biết đàng về. (Coi nghĩa câu lạc đàng).

24. Lão ngô lão dĩ cập nhờn chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhờn chi ấu : Kính già ta mà kính đến già người, thương trẻ ta mà thương đến trẻ người. Nghĩa là phải tôn kính mọi kẻ già, thương yêu khắp con trẻ.

25. Lao lực bất như lao tâm : Nhọc sức chẳng bằng nhọc lòng ; nhọc lòng thì sanh bệnh nội thương.

26. Lễ thuận nhờn tình : Lễ chế phải thuận theo lòng người.

27. Lếu lão như cháo gạo lương : Bỏng lảng, sơ lược, không ăn thua.

28. Lý bất cập thế : Thế là quyền thế hay là thế nương dựa ; hễ thất thế thì phải ức lý ; nghĩa là không thân đặng lẽ ngay. Khó nhịn lời, mồm côi nhịn lẽ, ấy là *lý bất cập thế*.

29. Lỗi thầy mực sách, cứ mạch mà cưa : Chỉ vẽ quấy có người chịu, cứ việc ta làm.

30. Lươn chê chạch dài đuôi : Ấy là mình ốc chẳng rửa. Biết chê kẻ khách mà chẳng nghĩ thân phận mình.

31. Lường thân tráo đầu chẳng qua đong đầy : Quỉ quái chẳng qua thật thà.

M

1. Ma bắt coi mặt người ta : Coi mò mà ăn hiếp.

2. Mạ nhờn như giáo nhờn : Mắng người là dạy người, người ta lầm lỗi mà mình mắng nhiếc, thì là dạy khôn cho người ta ; té ra người ta đặng ích, mà mình chịu tổn, một là hao hơi hai là tổn đức, lại làm cho kẻ thù biết tâm thuật mình.

3. Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi : Chẳng gì bày ra hơn việc kín ; chẳng gì tỏ hơn đều nhiệm. Dẫu là chuyện ẩn vi cũng có kẻ biết, chớ nói rằng không có ai hay.

4. Mạc tín trực trung trực, tu phòng nhờn bất nhờn : Chớ nhẹ tín, phải sợ hậu. Lòng người khó lường.

5. Mãi mại thuận nhờn tình : Mua bán thuận lòng người ; hễ đành mua đành bán, thì lấy làm chắc, cũng không có đều ép uổng nhau.

6. Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích : Kê kiêu ngạo hay háo thắng thì chẳng khỏi thương danh hại nghĩa hoặc làm hại cho mình, có một kẻ khiêm nhượng biết xử đời, an bốn phận, khỏi lo sợ sự gì.

7. Màn treo lưới rách cũng treo : Nhận nhàn không an bốn phận.

8. Mạng dân trí trọng : Mạng sống dân rất trọng, hay là không gì trọng hơn mạng sống người ta ; Có động đến thì chẳng khỏi tội vạ.

9. Mạng lý hữu thì chung tu hữu, mạng lý vô thì mạc cượng cầu : Mạng lý có thưở, rốt lại phải có ; mạng lý không thưở có, chớ khá gượng gạo kiếm tìm, nghĩa là phải an phận mạng. *Quân tử tùy ngộ như an.*

10. Măng không uốn để ra tre uốn làm sao đặng : Có câu rằng : *Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài.* Dạy rắn con cái phải cho kịp thì, để nó lớn lên cùng quen thân quen thói thì rất nên khó dạy.

11. Mạnh dùng sức, yếu dùng chước : Dùng trí thuật cùng làm nên việc nặng.

12. Mất lòng trước, được lòng sau : Ấy là phòng cho khỏi chéch mích cả hai đàng. Giả như mình không cho mượn, thì mất lòng người mượn, như cho mà có đều trắc trở thì lại ngặt cho mình.

13. Mất mang xỏ quàn con mắt : Bắt thẳng giáp không đặng, vớ thẳng ắt, ấy là làm chuyện bắt quờ.

14. Mất miếng ăn, lộn gan lên đầu : Có câu rằng : *Miếng ăn là miếng tòi tàn, mất đi một miếng, lộn gan lên đầu.* Lấy miếng ăn làm trọng, tranh nhau từ miếng ăn.

15. Mật mỡ đỡ đũa vụng : Nói về việc điều canh, làm bánh trái, sẵn đồ nhuân nhụy, sẵn đồ gia vị, dầu là vụng, cũng làm nên đồ ăn.

16. Manh nhờn kị hạt mã, hắc dạ lâm thâm trì : Người mù cõi ngựa mù, đêm tối đến ao sâu. Ấy là chuyện nói cho người ta phải kinh sợ.

17. Máu ai thâm thịt nấy : Con cái là khí huyết cũng là thân thể cha mẹ phân ra, tự nhiên phải thương yêu ; có ai động phạm, tự nhiên phải đau lòng.

18. Máu đầu trâu đố : Thói xưa hay bắt vạ bằng trâu thiệt, heo thiệt hay là lấy giá trâu heo mà định tội : một con trâu trị giá năm quan, một con heo trị giá ba quan. Hễ đánh nhau tới chảy máu thì là vạ trâu.

19. Mẹ gà con vịt chít chiu, mấy đời mẹ ghẻ nưng niu con chồng : Sự thế bâng lảng khó thương.

20. Mèo khen mèo dài đuôi : Mình lại khen mình.

21. Mèo quào không xé vách đất : Chẳng chi đã nao núng.

22. Mèo thấy mỡ : Thèm muốn quá. Thấy sắc mà ham cũng là mèo thấy mỡ.

23. Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi : Hư có chỗ, quấy có người.

24. Miệng hùm, gan sứa : Nói lớn lối mà nhạt.

25. Miệng lằn lưỡi mối : Lời nói độc hiểm.

26. Mình ở lỗ, cổ đeo hoa : Không biết xấu tốt.

27. Mình ốc chẳng rửa : Không xử mình trước.

28. Mình sống hơn đồng vàng : Không nên tiếc của hơn mạng sống.

29. Minh tâm khắc cốt : Ghi nhớ không dám quên.

30. Mồ côi cha núu chơn chú, mồ côi mẹ trứu vú dì : Chú như cha, dì như mẹ.

31. Mở miệng mắc quai : Nói ra thì ngại vì thương danh hại nghĩa.

32. Mới chuộng cũ vong : Đen bạc.

33. Mống dài trời lứt, mống cụt trời mưa : Ấy là một phép xem thiên văn, ở đất này.

34. Một câu nhịn, bằng chín câu lành : Một sự nhịn nhục, làm thỉnh, thì cũng bằng nhiều lời lành.

- 35. Một chân bước đi, mười chân bước lại :** Bị rịn khó nổi đi.
- 36. Một đêm nằm, một năm ngủ :** Ơn vẫn cũng bằng ngài dài.
- 37. Một đồng chác xa, ba đồng chác gần :** Xét công đi đứng, gần mắt cũng bằng xa rẻ.
- 38. Một già một trẻ bằng nhau :** Trẻ khôn qua, già lú lại.
- 39. Một lần cho tởn đến già, chớ đi nước mặn mà hà ăn chơn :** Dặn mình chớ còn lầm lỗi.
- 40. Một lần đập cứt, một lần chặt chơn :** Cố chấp việc không đáng, mà bỏ việc lớn.
- 41. Một lần thấy, mười lần không :** Thấy một lần thì đủ tin ; ấy là cách bắt meo.
- 42. Một mặt hơn mười gói :** Gói là gói bánh hay gói đồ cho. Một sự có lòng, lui tới cùng nhau thì quý hơn là đem lễ vật.
- 43. Một miếng khi đói, bằng một đội khi no :** Ơn giúp nhau trong khi túng ngặt, phải kể là ơn trọng.
- 44. Một miếng kín mười miệng hở :** Người kín đáo thì ít, người trống trải thì nhiều mà lại bằng mười.
- 45. Một miếng trầu nên dâu nhà người :** Lễ vật nhỏ mọn cũng làm nên vợ chồng.
- 46. Một mình thì giàu, chia nhau thì khó :** Để nguyên thì nhiều, chia ra thì ít.
- 47. Một ngày là dĩ, ba ngày là vợ :** Vợ chồng xét nhưn ngài. Tình càng gần thì nghĩa càng dày.
- 48. Một người làm xấu, cả bậu mang như :** Vì một người xấu lây tới nhiều người, chẳng khác một con sâu làm rầu nồi canh, nghĩa là phải bỏ nồi canh.
- 49. Một trăm người bán, một vạ người mua :** Kẻ mua nhiều hơn kẻ bán, chẳng lo chi đến sự bán ế.

50. Một vay một trả bằng nhau : Tội ấy là nợ ; tội làm chường nào, tội trả chường ấy. Người ta cũng hay nói rằng : *Có vay có trả.*

51. Mua đầu chợ bán cuối chợ : Buôn xấp thời, hoặc chuyện đầu này đem học đầu kia, không lấy chi làm chắc chắn.

52. Mua lằm, bán không lằm : Kẻ mua không biết hàng hóa cho tường tất.

53. Mua mà cả, trả thêm bớt : Ấy là phép thuận mua thuận bán ; mua có phép trả từ giá thấp, trả tiền có thói thêm đồ mua hay là trả sứt.

54. Mua sỉ bán lẻ : Có nghĩa là buôn bán nhỏ, lại có nghĩa là nghe hớt họng, nói tắt ngang, hay là học chuyện không gốc.

55. Mua trâu vẽ bóng : Ấy là mua không ngữ, ước chường. Có câu rằng : *Án đồ sách ký*, nghĩa là coi theo đồ hình mà tìm ngựa, thì cũng là việc ước chường, không chắc.

56. Mua trị bán loạn : Mua tề tỉnh mà bán vội vàng hay là bán lấy dặng. Thường nói về sự buôn bán trong lúc giặc giả.

57. Múa gậy vườn hoang : Thanh vắng một mình, muốn làm sự gì dặng sự ấy.

58. Mực mài tròn, son mài dài : Cứ phép mà làm.

59. Mũi đại lái chịu đòn : Nghĩa là tội về người làm lớn chịu.

60. Muốn cho chắc, đắt cho người : Đắt cho người thì là đắt cho mình ; đắt là làm hàng đắt, giá đắt.

61. Mượn đầu heo nấu cháo : Làm mặt có tiền.

62. Mưu cao chẳng bằng trí dày : Mưu là chước khôn khéo trong một thuở, trí dày là trí bền vững.

63. Mưu con đĩ, trí học trò : Nghĩa là mưu trí khôn qui. Người đời xưa chất phát, thiệt thà ; qui quyệt thì là học trò với con đĩ.

64. Mưu sự tại nhơn, thành sự tại thiên : Toan việc ở nơi người, nên việc ở nơi trời. *Thiên ý nhơn sự tương vi thi chung.* Nghĩa là ý Trời, việc

người hăng trái cùng nhau.

N

1. Nai ăn đâu nát giậu đó : Ở nhà đất người, không khỏi đều thiệt hại cho người.

2. Nai giặt móng, chó cũng le lưỡi : Không làm chi nhau đặng.

3. Nam đáo nữ phòng nam tắc tử, nữ đáo nam phòng nữ tắc dâu : Trai tới phòng gái, thì trai phải chết ; gái tới phòng trai, thì là gái dâu. Trai phải chết vì mắc luật cường gian, thích khách ; gái tiếc hạnh thì chẳng là quê thác.

4. Nam nữ bất tạp tọa : Trai gái chẳng ngồi chung chạ. Lễ dạy trai gái phải phân biệt ; cũng phải tị hiềm nghi.

5. Nam nữ thọ thọ bất thân : Trai gái trao chịu chẳng gần, ấy là lời thánh hiền phòng vi đồ tị, muốn cho trai gái xa đàng sắc dục ; vì lửa gần rơm thì chẳng lẽ khỏi cháy.

6. Nam thực như hổ, nữ thực như miêu : Ấy là đều tự nhiên theo bộ vận trai mạnh gái mềm ; làm trai mà yếu ăn, thì không khỏi bệnh,

7. Nan huinh nan đệ : Khó đặng anh khó đặng em : anh em ít có.

8. Năng thuyết bất năng hành : Hay nói, chẳng hay làm, thì là nói phách, hay là nói pháo.

9. Năng may hơn dày giẻ : Nghĩa gần là : giẻ tầm thường thì phải năng thay, mà năng thay thì năng bận đồ mới ; giẻ dày chậm may thì phải cũ càng. Nghĩa xa là : May mắn nhỏ mà năng thì hơn may mắn lớn mà thưa. Làm đặng ít mà năng thì hơn nhiều mà hiếm có chẳng ?

10. Năng bề nào, che theo bề ấy : Chịu theo thì thế.

11. Năng lửa mưa dầu : Năng như lửa mưa như thêm dầu, thì là mưa ít nắng nhiều, làm cho nông nà hơn nữa.

12. Nát giỏ còn bờ tre : Còn có thể lập lại, hay là mất cái nọ còn sắm dạng cái khác. Thường hiểu về tiền bạc, của cải.

13. Ngãi đoạn thân sơ chỉ vị tiền : Như nghĩa dứt, bà con xa nhau, là vì một sự tiền bạc.

14. Nghệ năng sở sử : Nghề nghiệp khiến xui. Người ta hay nói : Nghề nào quen nghề ấy.

15. Nghề võ đánh trả thầy : Nghĩa là học trò chống với thầy hay là phản với thầy.

16. Nghi nhưn mạc dụng, dụng nhưn mạc nghi : Nghi người chớ dùng, dùng rồi chớ nghi. Trong sự chọn người, trước phải cẩn thận ; đến khi dùng người thì phải thật lòng ; vì sự người ta nghi mình thì quá hơn sự mình nghi người ta.

17. Ngọc bất trác bất thành khí, nhưn bất học bất tri lý : Ngọc chẳng giỏi chẳng nên giống, người chẳng học chẳng biết đạo lý. Ngọc vốn là loài đá, trơ trơ thô tục như đá, nếu chẳng dùng tay thợ trau giỏi thì chẳng ra giống ngọc.

18. Ngọc lành ai dễ bán rao : Có phải là vật quý thì chẳng phải bán này. (thường nói về gái nết hạnh).

19. Ngọc lành có vít : Hiểu là người tốt có tì, song tì ấy cũng chẳng làm cho mất tốt.

20. Ngọc thạch cu phần : Đá, ngọc đều thiêu. Hiểu nghĩa là : lửa giặc chẳng phân biệt người ngay gian, tốt xấu. Như người tốt ở lộn cùng kẻ xấu, đến lúc hỗn độn, đều phải hại chung.

21. Ngoe ngoáy như cua gãy càng : Làm bộ ngoe ngoáy mà khó coi.

22. Ngồi thúng khôn bề cất thúng : Việc mình khó xử.

23. Ngôn dực trường phi : Lời nói có cánh bay dài. Có câu rằng : Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn ba ngày đàng.

24. Ngôn quá kì thật : Lời nói quá sự thật.

25. Ngọn rau tất đất : Một ngọn rau nhỏ mọc, một tấc đất hẹp hòi, hễ ăn đặng, ở đặng, thì chẳng nên quên ơn kẻ làm chủ. Nói về ơn vua nghĩa chúa.

26. Ngôn tất hữu trúng : Nói ắt có trúng. Một lời nói ra, thì biết là quân tử, tiểu nơn ; cho nên lời nói phải cho nhằm, hay là phải trung chánh.

27. Ngôn thiếu tri đa : Nói ít biết nhiều. Chẳng phải nhiều lời nói.

28. Ngọt mật chết ruồi : Dịu ngọt, khôn khéo lời nói thì người ta phải mắc.

29. Ngư mục hỗn châu : Con mắt cá lộn với hột châu. Nghĩa là chẳng phân biệt chơn giả, Con mắt là ngọc thì phải phân tốt xấu.

30. Ngư thủy nhứt đoàn : Cá nước một đoàn. Nghĩa là sum hiệp, đồng hội hiệp vui chơi thì là *Hồ, Việt nhứt gia* : Đời Đàng vua Thái tông bắt cả người Hồ người Việt ; người Hồ thì múa, người Việt thì làm thơ, làm ra cuộc vui chơi.

31. Ngựa chạy đàng dài : Thường hiểu về lời nói. Chỉ nghĩa là không đem lời nói vào tai, hay là tâm bất tại, chẳng nhớ lời dặn bảo hoặc nghe rồi lại quên.

32. Ngựa qua cửa sổ : Hiểu nghĩa là ngày giờ chóng kíp như tên bay như thỏ chạy. Nguyên câu chữ là : *Bạch cu quá khích*.

33. Ngựa quen đàng cũ : Quen tánh ý ; chẳng chừa thói cũ.

34. Người có tiền để đưa tay không : Lấy tiền bạc làm hơn.

35. Người đời của chung : Của xây vắn, có thơ rằng : *Nhứt đáí thanh sơn kiểng sắc u, tiền nơn điền thổ hậu nơn thu, hậu nơn thâu đắ mặc hoan hỉ, cánh hữu thu nơn tại hậu đầu*

36. Người đời của tạm : Chiếu ứng với câu của vắn mặt dài, hay là của ăn hay hết người còn thấy nhau.

37. Người đời khác thể là hoa, sớm còn tối mất nở ra lại tàn : Cũng là câu hát. Chẳng ai lột da sống đời.

38. Nguy bất nhập, loạn bất cư : Hiểm chẳng vào, loạn chẳng ở. Nghĩa là phải lánh nơi nguy hiểm.

39. Nhà giàu đứt tay cũng bằng ăn mày đổ ruột : Thường nhà giàu có động sự gì một chút, thì sự thể lo lắng nhộn nhàng cũng bằng việc trọng đại.

40. Nhà nghèo biết con thảo, nước loạn biết tôi ngay : Nguyên câu chữ rằng : *Gia bần tri hiếu tử, quốc loạn thức trung thần.*

41. Nhắm em xem chỢ : Phân biệt trọng khinh ; đối với câu *coi mặt đặt tên.*

42. Nhàn cư vi bất thiện : Ở không là đều chẳng lành. Hễ ở nhưng thì hay làm quấy cũng như ăn no sanh sự.

43. Nhẫn nhứt thì chi khí, miễn bá nhứt chi ưu : Nhịn khí bất bình một thuở, khỏi lo sợ trăm ngày ; cho nên người ta nói *một câu nhịn bằng chín câu lành.* lại rằng : *Thối nhứt bộ tự nhiên khoang.*

44. Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục : Vào sông theo khúc, vào nhà theo tục. Tới đâu phải chịu theo thói phép đó.

45. Nhảy cao đá lẹ : Nghĩa là có tài, hay là đang lúc bay nhảy.

46. Nhẹ bằng lông quặng không đi, nặng bằng chì quặng xa lắc : Việc nhẹ bằng lông mà vụng toan thì hóa ra nặng như thái sơn, mà cất không nổi ; dầu việc nặng bằng chì, mà biết thế lo thì trở nên nhẹ như hồng mao và quặng ném như chơi. Việc dễ hóa khó, cũng như cái lòng nhẹ, không có thể quặng.

47. Nhĩ ngả vô thù : Mấy ta không can cập, nghĩa là hai bên không có ăn thua.

48. Nhi tôn tự hữu nhi tôn phước : Con cháu nghi có phước con cháu. Có phước thì ắt là phải có phần, chẳng khá bôn chôn, lo một sự làm giàu cho con cháu.

49. Nhĩ vi nhĩ ngả vi ngả : Mây là mây, ta là ta. Nghĩa là ai có phần này, không can tới nhau.

50. Nhiều tay vổ nên bột : Đông người thì làm đặng việc.

51. Nhiều sãi, không ai đóng cửa chùa : Chàng ràng không có người chủ việc.

52. Nhiều thóc nhọc xay : Nhiều lúa thì mất công xay ; đa mang nhiều việc thì nhọc lòng lo.

53. Nhờ lụt đẩy râu : Thừa thế mà làm hay là nhờn việc nọ mà đẩy đưa việc khác.

54. Nhờn bất tri cổ kim, như mã ngư nhi khâm cứ : Con người chẳng biết việc xưa nay, cũng như con trâu con ngựa bện áo. Con người ta không biết học thì khác trâu ngựa có một sự có quần có áo.

55. Nhờn bất tri kỳ tử chi ác, bất tri kỳ miêu chi thạc : Kẻ làm cha mẹ chẳng biết thừa lỗi con ; kẻ làm ruộng chẳng biết lúa mình vượt tước. Ấy là *nịch ái bất minh, tham đắc vô yếm*.

56. Nhờn các hữu chí : Mỗi người đều có chí riêng, như chí làm quan, làm giàu, vân vân.

57. Nhờn chi tương tử kì ngôn dã thiện, điều chi tương tử kì minh dã ai : Con người gần chết thì lời nói nghe ra hiền lành ; con chim gần chết thì tiếng kêu nó bi thương. Ấy là đều làm chứng tánh người ta vốn là tánh thiện, cho nên dầu bình nhứt có hung dữ, đến khi gần chết cũng hoàn bổn tánh, *ấy tử kiến chơn tánh* thì là làm vậy. Con người đến khi ấy mà chẳng thương nhau thì nhẫn quá.

58. Nhờn khổ bất tự tri : Người ta có đều ngặt là không biết đường sức mình, ấy là bệnh chung trong thiên hạ.

59. Nhờn cùng tắc biến, vật cực tác phản : Thường hiểu biến ấy là sanh thế, còn phản ấy thì là trở trái, như cứng lắm thì gãy, lại như chó túng thì cắn, ngựa túng thì đá, chim túng thì mổ, người túng thì nói dối, làm hung ; song chính nghĩa chữ phản là phản hườn bổn tánh, như *nhờn chi tương tử kì ngôn dã thiện*, vân vân.

60. Nhơn nhờn thành sự : Nhờ người làm nên việc, ấy là lời chê kẻ dờ dãi, chỉ đợi có người dìu dắt.

61. Nhơn sanh thất thập cổ lai hi : Người ta sống bảy mươi tuổi thì là đều xưa nay ít có. Vậy thì chết bảy mươi đã không nên tiếc, mà sống chưa đặng bảy mươi cũng chẳng nên than.

62. Nhơn sanh quý thích chí : Người ta sanh ra, đặng toại chí thì là quý. Ở đời quý cho đặng thanh nhàn, sung sướng.

63. Nhơn sanh hữu tử như nhật dạ chi đương nhiên : Người ta sanh ra đều có thác, cũng như ngày đêm tự nhiên phải có, nghĩa là có ngày thì phải có đêm.

64. Nhơn tình khan lãnh noãn, diện thượng trọc cao đê : Tình người coi ấm lạnh, trên mặt dỗi thấp cao. Lại có câu rằng : *Nhơn tình lãnh noãn, thể thối viêm lương* ; trách lòng người đen bạc mặt thường, thấy ai quyền thế thì tâng trọng, thấy ai suy vi thì phụ bạc.

65. Nhơn tử lưu danh, hổ tử lưu bì : Người thác để tiếng, hùm chết để da. Tốt để tiếng tốt, xấu để tiếng xấu. Trước có câu nôm rằng : Hùm chết để da, người ta chết để tiếng ; cũng đồng một nghĩa.

66. Nhơn vật dữ đồng : Nhơn vật đồng như nhau. Vật cũng đồng tri giác, lấy theo tánh tình mà luận, nó cũng hồ mị, đen bạc chẳng khác chi người.

67. Nhơn vị tài tử, diều vị thực vong : Người thác vì của, chim thác vì ăn. Người tham của, chim tham ăn, đều quên sợ chết.

68. Nhơn vô thập toàn : Con người không có trọn cả mười. Ai ai cũng có tì vết, quá thất. Có câu rằng : *Nhơn phi Nghiêu, Thuấn, yên năng mỗi sự tận thiện.*

69. Nhơn vô tín bất lập : Người không chỉ tín thì không đứng đọt hay là không nên người.

70. Nhơn vô viễn lự, tất hữu cận ưu : Người không tính xa, ắt có lo sợ gần. Làm người biết lo xa, thì khỏi *sợ nước tới trôn mới nhảy.*

71. Nhu nhược thắng can cường : Mềm yếu hơn cứng mạnh ; cho nên *thiệt nhu thường tồn, xỉ can tắc chiết* ; nghĩa là lưỡi mềm hằng còn, răng cứng thì gãy.

72. Như thủy ích thâm, như hỏa ích nhiệt : Dường nước càng sâu, dường lửa càng nóng. Hiểu nghĩa là gây việc thêm, làm cho người ta giận ghét thêm hoặc làm dữ hơn nữa ; ấy là *trợ Kiệt vì ngược*. nghĩa là giúp vua Kiệt làm dữ.

73. Nhữ tác ưng hoàn nhữ thọ : Mi làm, đáng về mi chịu ; chỉ nghĩa là đáng tội.

74. Nhục huyền hồ khẩu : Thịt treo miệng hùm. Thế phải hiểm nghèo cùng phải hư mất.

75. Nhược thế cầu hòa : Thế yếu mà cầu hòa. Bất đắc dĩ mà hòa đở ; hoặc từng thế phải làm hòa.

76. Nhượng nhứt bộ, thiên khoang địa khoát : Nhượng một bước thì trời rộng, đất thông. Nếu mình biết khiêm nhượng, không giành nước trước, hoặc chịu sút người ta một bước, thì sẽ đặng an vui trong lòng, mà không thấy sự gì chật hẹp.

77. Nhứt ẩm nhứt trác sự giai tiền định : Một uống một ăn đều là việc tiền định. Trong sách sấm truyền có câu rằng : Một sợi tóc rụng xuống chẳng phải hư không. Lại có câu rằng : *Nhứt sanh đô thị mạng an bài*.

78. Nhứt bất tố, nhị bất hưu : Một là đừng làm, hai là đừng thôi, nghĩa là lỡ việc phải làm luôn.

79. Nhứt chơi tiên nhì giỡn tiền : Trong sự chơi ác thì lấy hai đều ấy làm hơn.

80. Nhứt chứng phi nhì chứng quả : Một chứng không thiệt, hai chứng chắc. Phép dựng chứng lấy hai người làm chắc. *Vô chứng bất thành tụng*.

81. Nhứt có râu nhì bầu bụng : Ấy là tướng sang giàu.

82. Nhứt cử lưỡng tiện : Làm một việc mà lợi hai thể, chỉ nghĩa là được việc nhiều.

83. Nhứt dạ sanh bá kế : Một đêm sanh trăm chước. Lòng người nham hiểm khôn lường.

84. Nhứt đi nhì đến : Nghĩa là cứ thứ mà nhắc lần.

85. Nhứt hào sai thiên lý : Có câu khác rằng : *Hào ly chi sai. thiên lý chi mậu.* Sai một mảy lông mà lỗi ngàn dặm.

86. Nhứt là voi một ngà, nhì là người ta một mắt : Voi một ngà thì là voi dữ ; người một mắt, sách tướng cũng cho là người độc dữ.

87. Nhứt một đồ cùng : Ngày đã xế chiều, đàng đi cùng tột. Hiếu là cảnh già, cảnh muộn, không còn đua tranh chuyện đời. *Tây du vãn cảnh.*

88. Nhứt nghệ tinh, nhứt thân vinh : Một nghề ròng, một thân vinh hiển. Một nghề ròng một nghề, thì sẽ thành thân cùng đặng vinh hiển một đời. Người ta nói *đa hư bất như thiếu thiệt*, nhiều nghề thì lại chàng ràng không tinh.

89. Nhứt ngôn khả dĩ hưng ban, nhứt ngôn khả dĩ tán ban : Một lời nói có lẽ dấy nước, một lời có lẽ làm mất nước. Trong một lời nói, có đều lợi hại rất lớn, chẳng khá nhẹ buông lời nói. Sở dĩ phải *Tam tư nhi hậu ngôn.*

90. Nhứt nguyệt tuy minh, nam chiếu phúc bồn chi hạ : Mặt trời mặt trăng tuy sáng cũng khôn soi ở dưới chậu úp ; Dầu là trí thông minh cũng còn có chỗ khuất lấp.

91. Nhứt nhơn địch vạn : Một người chống muôn người. Thế chẳng chống nổi, thì là *quả bất địch chúng* ; bằng chống nổi thì là sự phi thường.

92. Nhứt nhựt bất kiến, như tam ngoạt hề : Một ngày chẳng thấy, ba tháng dường nào ! gặp dịp không nên bỏ ; ấy là *cơ hội khả thất.*

93. Nhứt nhựt bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi : Một ngày chẳng tưởng sự lành, các sự dữ đều tự nhiên dấy. Con người *mắc khí bầm sở câu, vật dục sở tế*, nếu chẳng giữ căn bản làm lành, thì hóa ra xấu xa, vô sở bất

chí. Có câu rằng : *tùng thiện như đặng, tùng ác như băng*, nghĩa là cứ việc làm lành thì là đi lên, cứ việc làm dữ thì chẳng khác chi là sập xuống.

94. Nhứt nhứt tại tù, thiên thu tại ngoại : Một ngày ở tù, ngàn thu ở ngoài ; ấy là nói về sự ở tù khổ khố, độ một ngày dài dặc cũng bằng ngàn năm.

95. Nhứt nhứt vi sư : Một ngày là thầy. Hễ có chịu người dạy dỗ, thì phải biết ơn cùng tôn kính người, chẳng luận là dạy lâu mau ; cho nên một ngày cũng là đạo thầy trò.

96. Nhứt pháp lập nhứt tề sanh : Hễ có định pháp gì mới, thì sao cũng có đều tinh tề ; chỉ nói về tờ lại cùng chức việc làng hay bày đều thêm thắt mà ăn chẹt gánh. Ấy là nghĩa câu *lịnh ít lạc nhiều*.

97. Nhứt sớm nhì muộn : Trong sự vãng lai ơn nghĩa cùng nhau, miễn là cho có, chẳng câu sớm muộn.

98. Nhứt tinh chi hỏa năng thiêu vạn khoảnh chi tâm, bán cú phi ngôn ngộ tổn bình sanh chi đức : Lửa một đóm hay cháy củi muôn khóm, lời nói quấy nửa câu, hay tổn đức bình sanh. Một tiếng nói mà làm nên, một tiếng nói mà làm hư cùng thất đức.

99. Nịch ái bất minh, tham đắc vô yếm : Thương quá thì không tỏ, tham lam quá hóa ra không nhàm, như câng con thì không thấy đều lỗi con. v.v...

100. Niên nguyệt tuy đa, bất quá nhứt bốn nhứt tức : Năm tháng đầu nhiều, chẳng qua một vốn một lời. Phép cho vay không đặng ăn lời quá vốn.

101. Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục : Thà chịu chết chẳng thà chịu nhục.

102. Ninh vi sơn thượng hổ, bất tác phủ trung ngư : Thà làm cọp trên núi, chẳng làm con cá trong bể. Thà làm anh hùng một cõi, chẳng thà chịu phép người ta.

103. Ninh vi kê khẩu, vô vi ngư hầu : Xưa người Tô Tần, khuyên Hàn-vương là vua nước nhỏ, hiệp binh cùng nước khác, làm mình chủ mà đánh trả nước Tần, chẳng lẽ nam diện sự Tần ; thà làm *kê thi* chẳng thà làm *ngư tùng*, ấy là lời nói Tô-Tần : chính nghĩa chữ thi là làm chủ, con gà trống mạnh hay cầm bầy đi trước, ấy là làm chủ ; tùng là theo sau, con trâu dõ thường đi sau ; làm nhỏ mà lớn thì hơn là làm lớn mà ở sau. Chữ thi giống chữ khẩu, chữ tùng giống chữ hầu, người ta mới di dịch tiếng nói. Như hiểu là thà làm miệng con gà, chẳng thà làm đít con trâu thì không nhằm nghĩa.

104. No hết ngon, giận hết khôn : Tục ngữ Tây có câu rằng : giận là diên một hồi.

105. No trong mo ngoài đất sét : Tích rằng : Có một đứa chăn trâu ham chơi, thường bữa bỏ trâu nhịn đói, đến khi đuổi trâu về nhà, sợ phải đòn, thì lấy mo mà đập bụng trâu, ngoài tô đất sét, giả là trâu no. Chủ có hỏi tới thì nó cứ việc nói rằng trâu ăn no. Có một bữa con trâu tức mình liền nói ra tiếng mà rằng : *no gì, no trong mo ngoài đất sét !*

106. Nợ lãnh là nợ mình : Kẻ bảo lãnh thường phải trả thế cho người vay.

107. Nội da xáo thịt : Da ở ngoài, thịt ở trong, lấy da làm nội mà xáo thịt, thì chỉ nghĩa là bà con ruột trở mặt hại nhau, như kiện lộn, chưởi lộn vân vân. Xáo cũng có nghĩa là xáo lộn.

108. Nội gia nô tử, xuất gia công khanh : Ở trong nhà là tôi tớ, ra khỏi nhà là công khanh ; ở trong nhà phận phải làm nhỏ, có ra ngoài mới làm mặt tử tế, nghĩa là chẳng nên tranh trường hay là làm thế diện trong nhà.

109. Nội gia tạo ác, ngoại kì tri văn : Trong nhà làm xấu, ngoài mình nghe biết. Trong nhà làm xấu thì là xấu tại trong nhà ; ngoài mình nghe biết thì là không giấu đặng chuyện xấu.

110. Nói hay hơn hay nói : Hay trước là hay giỏi, hay sau là hay liến. Nói ít mà hay, chẳng hơn là nói hoài mà dờ.

111. Nồi nào úp vung nấy : Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo. Có ý nói về vợ chồng, đôi lứa, mỗi đảng bạc đều xứng nhau.

112. Nói như phát, nhát như cheo : Nghĩa là nhát mà hay nói lớn lối.

113. Nói như rửa chém xuống đất : Ăn nói chắc chắn, không sai chệ.

114. Nói ra gia lấy : Ấy là tiếng phân bua, buộc người nói phải chữ lời đã nói. Gia lấy nghĩa là buộc cho, đừng chối cãi. Có câu rằng : *Nhứt ngôn thuyết quá, tứ mã nan truy* ; nghĩa là một lời nói ra, ngựa tứ theo không kịp. Có lỡ lời nói thì phải chịu.

115. Nữ sanh ngoại tộc : Gái theo họ ngoại ; ba đời dứt nghĩa gần, trai thì thế thế bất tuyệt, vì là đồng tông.

116. Nước chảy đầu đầu cũng tới : Phép buộc đầu đầu cũng buộc. Cũng hiểu là việc tràn đồng.

117. Nước chảy lá môn : Trọt lớt, không đem vào tai, không nghe lời phải.

118. Nước nóng còn có khi nguội : Khi giận cũng có khi hiền.

119. Nước tới trôn mới nhảy : Để việc thối hối mới lo.

120. Nước xao đầu vịt : Lời khôn ngoan không lọt vào tai ; không biết nghe đều phải.

121. Nuôi heo rán lấy mỡ, nuôi con đỡ chơn tay : Ấy là câu đầu bài cha mẹ đàn gái hay nói mà đòi của cưới đàn trai.

122. Nuôi con không phép kể tiền cơm : Nuôi con là phận sự cha mẹ. Có việc phải làm mà không phải tính tiền.

123. Nuôi ong tay áo, nuôi khi dòm nhà : Chứa người làm hại cho mình ; nuôi người dòm hành chuyện nhà.

O

1. Ở cho phải phải phân phân, cây da cây thần, thần cây cây da : Cây da có thần dựa vào mới linh, thần có cây da mới có chỗ dựa. Thế phải tương y tương ý cùng nhau.

2. Ố nhưn thẳng ki : Ghét người hơn mình ; nói nôm thì là *Ghen hiên ghét ngỏ* ; ; nói chữ thì là *đố hiên tật năng*.

3. Oa giác công danh, nhăng đầu vi lợi : Công danh sừng ốc, ; lợi mọn đầu lẳng ; nghĩa là danh lợi không bền.

4. Oan oan tương báo : Làm oan khiên, mắc oan khiên, cũng như nói *dữ có dữ trả*.

5. Ốc mượn hồn : Ngất ngờ, không thật tính ; xác còn hồn mất, phải mượn hồn khác. Có thứ ốc hay bạ vào trong xác con ốc chết mà ở.

6. Ốc như huyền khánh : Nhà như treo khánh. *Gia đồ bích lập ; gia vô dâm thạch ; gia vô trường vật ; tứ bích tiểu nhiên*, đều có nghĩa là nghèo lắm.

7. Ôn cố nhi tri tân : Ôn cũ mà biết mới. Cũ mà ôn lại, học lại, thì hóa mới, cùng sanh trí mới.

8. Ống tre đề miệng giả : Phép đong giả, cứ khoả sét hay là bằng mặt giả thì vừa. nghĩa là cứ mực thiệt. Ống tre ấy là ống gạt.

9. Ông ăn chả, bà ăn nem : Vợ chồng đồng tình làm quấy : ông mê nữ sắc, bà lại ngoại tình.

10. Ông tha mà bà chẳng tha, đánh một cái lụt mồng ba tháng mười : Thường năm tới tháng mười, thì có mưa lụt làm hư hại ruộng nương cây trái. Ông Trời muốn làm hiền, làm dữ là tại bà Đất, cho nên mới có nước lụt dựng lên. Cũng là tiếng nói chơi.

11. Ong võ ỗ : Ấy là sự thế vỡ lở, dấy dức. Chọc người độc dữ thì là *chọc ong vò vẽ*. Người xấu nết hay giận, nói lành sanh dữ, lăm bằm nói không ra đều thì gọi là *nết bọ hung*.

P

1. Phải người phải ta : Phải lễ phải phép, xứng cả hai bên ; thường nói về lễ cưới hỏi hoặc về sự chia chác phân minh.

2. Phàm hí vô ích : Hễ chơi thì vô ích ; ấy là lời Hạng-thác nói với đức Khổng-tử. Có nhiều cuộc chơi như cờ bạc lại làm hại to.

3. Phán cầu chư than : Trở tìm nơi mình. Hễ có sự gì lầm lỗi hoặc có sự gì trái ý, thì phải trách mình, hỏi mình. Người quân tử bản không trúng bìa thì phải trách mình, hoặc bởi mình học bản chưa giỏi.

4. Phấn giò mặt, ai lấy phấn mà giò chơn : Ai ai cũng muốn cho rõ ràng.

5. Pháp bắt giá ư quân tử, lễ bắt chấp ư tiểu nơn : Phép chẳng thêm nơi người quân tử ; lễ chẳng chấp nơi đứa tiểu nơn. Phép tắc ở nơi quân tử, cho nên không lẽ bắt thiếu ; đứa tiểu nơn không biết lễ nghĩa, cho nên không lẽ bắt đủ.

6. Phi lễ vật động... vật thính... vật thị... vật ngôn : Chẳng phải lễ chớ đá động, chẳng phải lễ chớ nghe ; chẳng phải lễ chớ xem, chớ nói. Cả thị, thính, ngôn, động, phải cẩn thận, ấy là chánh nét na lễ phép. Có câu rằng : *Nơn di hữu lễ, thứ khả miễn tướng thứ chi thích*. Chỉ nghĩa là con người phải có phép mới khỏi chê rằng xem con chuột cũng biết phép. Con chuột ở trong hang muốn chun ra, thường cung hai chơn trước.

7. Phong, lao, cổ, lại, tứ chứng nan y : Chứng phong bại, bệnh lao tổn, tật đui, tật phong, là bốn chứng bệnh khó làm thuốc. Thường gọi là tật bệnh Trời cho, hay là *tật thiên tứ*.

8. Phú diệc giao, quý diệc thê : Giàu đổi bạn sang đổi vợ, ấy là thói ỉm cựa nghinh tân.

9. Phụ mại tử tranh : Cha bán con tranh ; ấy là nghĩa thừa trong nhà mới ra bề ngoài.

10. Phú dữ quới thị nơn chi sở dục, bần dữ tiện thị nơn chi sở ố : Ai ai đều muốn giàu sang. ai ai cũng sợ nghèo khó ; mà ngặt muốn cũng khó

được, sợ cũng không khỏi.

11. Phụ mẫu tồn bất khả viễn du : Cha mẹ còn chẳng khá chơi xa. Đạo làm con phải *thần tình mộ khan, thừa hoan tất hạ* ; lại có câu rằng : *Du tất hữu phương*, nghĩa là đi phải có chỗ.

12. Phu một hoàn thê : Chồng mất về vợ. Hiếu về gia tài : vợ được nhờ theo phận chồng.

13. Phụ tử tử hiếu : Cha nhưn tử, con hiếu thảo, ấy là được cha được con.

14. Phu phụ hòa, gia đạo thành : Vợ chồng hòa thuận, thì gia đạo nên. Đạo vợ chồng quý cho thượng hòa hạ mục, vậy sau mới làm ăn nông nổi.

15. Phú quý bất qui cố hương, như ý cấm dạ hành : Giàu sang chẳng về quê cũ, như mặc áo gấm mà đi đêm ; nghĩa là không ai thấy giàu sang.

16. Phú quý các hữu định phận : Giàu sang đều có phận định trước.

17. Phú quý đa nhưn hội, bần cùng thân thích ly : Giàu sang nhiều người tụ hội, nghèo cực kẻ thân thích lìa. Trách thói xấu, cứ nhìn tiền bạc làm bà con.

18. Phú quới sanh lễ nghĩa : Giàu sang sanh ra lễ nghĩa ; vốn là người thô tục, mà đến lúc có tiền có bạc, lại hóa ra lễ nghi tử tế, ấy là tại tiền bạc sửa sắc cùng sử nên cho. Có câu rằng : *Bần cùng sanh đạo tặc, phú quý hữu lễ nghi*.

19. Phụ tại quan kì chí, phụ một quan kì hạnh, tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hi : Cha còn coi chí ý con, cha mất xem tánh hạnh con ; ba năm không cải sự gì trong đạo cha, khá rằng thảo vậy. Nói về sự cha con không đồng chí, cha còn, con không đặng tự chuyên, coi chí con cũng đã biết tốt xấu ; cha mất, con được làm chủ, xem tánh hạnh thì biết nên hư. Việc cha có đều đáng cải mà không nỡ cải, thì là vì sợ tỏ đều lỗi cha, cũng gọi rằng hiếu. Số ba năm là lấy theo số để tang cho cha mẹ ; hễ con sanh ra

ba năm mới khỏi lòng cha mẹ, cho nên để tang cũng phải giữ cho đủ ba năm.

20. Phụ trái tử hoàn : Nợ cha con trả ; con ăn gia tài cha, thì phải trả nợ thế cho cha.

21. Phụ tử bất đồng tịch : Cha con chẳng chung chiếu hay là chỗ ngồi, ấy là *lễ biệt tôn ti*.

22. Phụ nhờn nan hóa : Đờn bà khó sửa dạy. Trí đờn bà chật hẹp, gặp việc hay câu chấp, không biết biến thông.

23. Phu tử tòng tử : Chồng chết tòng con ; ấy là một phép trong tam tòng đã có nói trước.

24. Phu xướng phụ tùy : Chồng kêu vợ dạ, ấy là phép xướng tùy trong gia đạo.

25. Phục dược bách lỏa, bất như độc ngọa : Uống thuốc trăm hoàn, chẳng bằng năm một mình. Có câu rằng : *Thượng sĩ dị sàng, trung sĩ dị bị*, ấy là một phép dưỡng sinh.

26. Phục dược bất như giảm khẩu : Uống thuốc chẳng bằng bớt miệng. Vật thực ăn vào hay sanh bệnh ; uống thuốc mà không hay kiêng cử thì chẳng được ích gì.

27. Phúc thủy nan thâm : Nước đổ rồi khôn lấy lại. Việc đã hư rồi, bỏ rồi, không có lẽ lập lại.

28. Phước bất cầu cầu, họa vô cầu miễn : Phước chẳng lấy may mà cầu, họa hại không lây lất khỏi. Muốn đặng phước thì phải làm lành, muốn cho khỏi họa thì phải lánh dữ.

29. Phước bất trùng lai, họa vô đờn chí : Phước chẳng tới dập, họa không tới lẽ. Phước khó tìm, họa dễ mắc.

30. Phước chí tâm linh, họa lai thần ám : Phước đến lòng linh thánh, họa đến trí tối tăm. Lúc đỏ thì minh mẫn, hồi đen thì rối trí khôn, tính không nên việc.

31. Phước chủ may thầy : Bệnh chịu thuốc, thầy đắc danh, may mắn cả hai.

32. Phước đức khán tử tôn : Phước đức xem nơi con cháu. Hễ con cháu làm ăn nông nổi, thì là nhờ phước đức ông bà, cha mẹ để lại cho.

Q

1. Qua điền bất nạp lý, lý hạ bất chinh quan : Ruộng dưa chẳng sửa dếp, dưới cội lý chẳng sửa mào. Đi gần đám dưa, đi dưới cội lý, chớ khá dần già, kéo người ta nghi mình rằng gian.

2. Quá cố lôi môn : Đánh trống cửa sấm, nghĩa là không xét tài lực mình.

3. Quả đục bảo than : Ít dâm đục thì là giữ mình. Lại có câu rằng : *Bảo thâm giả quả đục*, cũng về một nghĩa. Hễ mê sa đàng sắc đục, thì phải uổng yếu ; *càng gần nữ sắc, ắt hao tinh thần*.

4. Quá hậu nãi tri tiên sự thố, lão lai phương giác thiếu thì phi : Lỗi rồi bèn biết việc trước lầm ; già lại mới biết việc quấy khi còn nhỏ. Đang lúc mê thì chẳng biết nước lỗi hay là *mê nhi bất ngộ*.

5. Quả hòa vô than : Ít hòa không có người thân. Người có tính cương cường, hung dữ, thì chẳng ai dám làm anh em.

6. Qua khỏi truông voi trở bồi cho khái : Ấy là sợ trước mặt.

7. Quạ quạ nuôi con tu hú : Con tu hú tánh làm biếng không hay làm ỗ, để con quạ làm ỗ sẵn rồi lén tới mà đẻ, con quạ thấy trứng cứ việc ấp, đến khi nở ra thì là con tu hú, bay theo tu hú. Sự thế bàng lảng.

8. Quan, hôn, tang, tế bất tại cấm lệ : Lễ gia quan, lễ hôn phối, phép tống táng, phép tế lễ ; làm bốn phép ấy, ai nấy đều đặn thông thả không mắc trong lệ cấm.

9. Quan yêu bạn ghét : Kẻ thất thế ghét người đặng thế, cũng là ố nhờn thẳng ki.

10. Quan pháp vô thân : Phép quan không vị người thân. Phép công bằng không có tây vị.

11. Quan quý quyết, dân thì thế : Quan muốn đặng việc quan thì hay dùng chức khôn khéo, dân muốn tránh trút cho khỏi việc quan thì hay kiếm đều co cượng. Thì thế hay là thì vạ cũng gần một nghĩa.

12. Quan tha ma bắt : Nói về kẻ mắc tội, đặng ơn tha, mà nhiều khi phải bỏ thân trong ngục

13. Quân nghị phụ chiên : Bầy kiến bu thịt tanh. Thịt dê tanh kiến hay bu. Ví người thấy lợi đua nhau mà tới, người ta hay nói bu đen như kiến.

14. Quân tử bất thực ngôn : Người quân tử chẳng ăn lời nói. Có câu rằng : *quân tử nhứt ngôn*, nghĩa là làm người phải chủ tín trong một lời nói, không đặng nói hai lời, hay là nói đi nói lại.

15. Quân tử cố cùng, tiểu nhơn cùng tư lạm hi : Người quân tử bền nghèo cực, đứa tiểu nhơn nghèo khó thì hay gian tham, làm quấy. Người tốt thì an phận nghèo, đứa xấu lâm nghèo thì sanh đều trộm cướp.

16. Quân tử dĩ chí khí tương kỳ : Người quân tử lòng dạ đều giống nhau, không hện cũng như hện, lấy chí khí hện nhau. Đồng một chí ý, chẳng luận xa gần, sau trước, nghĩ việc đều giống nhau.

17. Quân tử khả khi đi kì phương : Về việc có lý, người quân tử có lẽ phải làm. Xưa có người cho thầy Tử-sản một con cá, thầy biểu tên giữ hồ đem ra hồ mà thả. Tên giữ hồ đem con cá ra làm thịt mà ăn, rồi thưa lại với thầy rằng. Khi tôi mới thả con cá xuống hồ, coi ý nó khờ khờ, rồi đó nó quậy quậy, thoát chúc nó lặn đi mất. Thầy Tử-sản nghe nói thì mắng cho con cá mà rằng : *Đắc kì sở tai !* nghĩa là cá gặp nước gặp chỗ, sự thế nó phải làm vậy.

18. Quân tử lao tâm tiểu nhơn lao lực : Người quân tử nhọc lòng, đứa tiểu nhơn nhọc sức. Người quân tử dụng trí, đứa tiểu nhơn dụng lực.

19. Quân tử tại giả, tiểu nhơn tại triều : Người quân tử ở ngoài nội, đứa tiểu nhơn ở trong triều. Thân phận đối đời.

20. Quân tử ứ hự thì đau : Người khôn không đờn nặng lời, một tiếng khinh bạc nhẹ nhẹ cũng đủ xấu hổ.

21. Quân tử thánh hơn chi mĩ : Người quân tử hay làm nên cho người ta. Không có bụng đố hiền tậ năng mà làm hư cùng trợ ác cho ai ; cho nên *bất thành hơn chi ác*.

22. Quân tử thực vô cầu bảo, cư vô cầu an : Người quân tử ăn không cầu no, ở không cầu yên. Người có lòng đạo thì ố y ố thức, không cầu no đủ sung sướng, cũng chẳng vụ chỗ ở, miễn là tế thới hành đạo hay là giúp đời dạy đạo được thì lấy làm đắc ý ; cũng chẳng rảnh rang mà lo tới việc ở ăn.

23. Quân tử ưu đạo bất ưu bần : Người quân tử lo vì đạo, chẳng lo vì nghèo. Cũng có một ý theo câu trước.

24. Quân tử viện bào trừ : Người quân tử xa lánh chốn bếp núc. Người quân tử lo việc lớn chẳng quản việc nhỏ. Nghĩa thường là người tử tế không nên nói miếng ăn.

25. Quen mặt đắt hàng : Đã có tin nhau thì dễ việc buôn bán.

26. Quen nhà mạ, lạ nhà chồng : Ở đâu quen đó ; làm dâu phải thủ lễ.

27. Quĩ khốc thần sầu : Quĩ khóc, thần rầu. Ấy là tiếng khen văn chương hay tuyệt phẩm. Có câu rằng : *Quĩ giận thần hờn*, thì là chê việc gian ác thái quá.

28. Quĩ tinh bất quĩ đa : Chính nghĩa nói về binh lính, dùng ròng không dùng đông. Người ta hay lấy nghĩa rộng là quĩ cho tốt chẳng luận nhiều.

29. Quĩ vật tìm quĩ hơn : Vật quĩ tìm người quĩ, *của đời là của xây vắn, bao nhiêu quĩ vật thì tìm quĩ hơn*. Quĩ hơn thường hiểu là người giàu sang.

30. Quốc dĩ dân vi bản : Nước lấy dân làm gốc, có dân mới có nước. *hễ bản cố ban ninh*. nghĩa là gốc bền nước mới yên. Còn một vế nữa là *dân dĩ thực vi thiên*.

R

1. Rậm người hơn rậm cỏ : Thà cho người ở cho ấm cúng, chẳng thà bỏ đất hoang.

2. Rắn đi còn dằm để lại : Không mất dấu.

3. Rắn già rắn lột, ta già ta cột đầu săng : Không ai lột da ở đời.

4. Rắn rít bò vào, cóc nhái bò ra : Không thể ở chung lộn.

5. Ráng vàng trời nắng, ráng trắng trời mưa : Ấy là một phép xem trời mưa nắng.

6. Rán sành ra mỡ : Không có, muốn làm cho có, cần sảy thái quá.

7. Rau nào sâu ấy : Bốn tánh giống nhau.

8. Ruộng ai thì nấy đắp bờ : Công việc ai nấy làm.

9. Rừng có mạch, vách có tai : Nói ra ắt có người nghe, không nên trống trải lời nói. Nguyên có câu chữ rằng : *Vật vị Tần vô nhơn ; thuộc viên hữu nhĩ*. Câu trước nghĩa là chớ nói nước Tần không người ; câu sau nghĩa là liền vách có tai.

10. Rẽ rách đỡ nóng tay : Xấu tốt đều có việc dùng.

11. Rẻ tiền mặt, mắt tiền chịu : Ai nấy biết mua chịu thì mắt, song nhác trả tiền mặt thì lấy hai giá làm bằng nhau.

12. Rít nhiều chân : Hiểu nghĩa là có nhiều người giúp đỡ. *Bá khước chi trùng tử nhi bất cương*. Con trùng trăm chân có chết không phải ngựa nghênh.

13. Rồi chạy nói rang cũng chạy : Bồn chồn thái quá.

14. Rót nước không chứa cặn : Đổ róc ra hết, thường hiểu về lời nói, chỉ nghĩa là nói quá thể hoặc nhiếc mắng không sót đều, hết nước hết cái.

15. Rung cây nhát khi : Nhát nhau mà không làm chi nhau đặng, ấy gọi là dọa hơi dọa hăm.

15. Rừng nhu biển thánh khôn dò, bé mà chẳng học, lớn mò sao ra : Chữ nhu như rừng rậm, đạo thánh thăm sâu như biển, phải gắng học mới nên con người.

16. Ruột bỏ ra da bỏ vào : Coi người dưng hơn bà con.

17. Ruột cắt ruột không đành : Nguyên một câu có hai vế rằng : tay phân tay bao nữ, ruột cắt ruột sao đành. Nghĩa tay chơn không lẽ dứt, tình cốt nhục chẳng nữ lia. Người ta hay nói rằng : bà con chém nhau đành sống, không chém nhau đành lười, nếu dứt tình hại nhau thì rằng : *tay mặt chặt tay trái*.

18. Rượu chẳng uống, uống thì say ; bạc chẳng đánh, đánh thì thua : Rượu trà hay làm cho con người loạn tâm tánh, cờ bạc hay làm cho con người nát hại cửa nhà, ấy là tiếng khuyên người đời chớ lấy làm cuộc chơi.

19. Rượu vào lời ra : Rượu vào cuồng tâm bắt nói quấy.

S

1. Sa đâu âm đó : Sa mê chẳng nghĩ sự gì.

2. Sá bao ! Cá chậu chim lồng, hễ người quân tử cố cùng mới nên : Chim tại lồng, cá tại chậu, đều là cùng túng, con người lâm thế cùng túng mà ở cho bền lòng, mới đáng gọi là quân tử.

3. Sàng đầu kim tận, tráng sĩ vô nhan : Đầu giường tiền hết, kẻ tráng sĩ không còn mặt mũi. Nghĩa là không biết lấy chi làm tính nghĩa với anh em.

4. Sanh kí tử qui : Sống gởi, thác về. Người ta vốn là đất, cho nên phải trở về đất. Sống ấy là sống gởi, sống tạm, thác ấy là cuộc chung cho mọi người đều phải xuống đất.

5. Sanh nghề tử nghiệp : Sống nghề gì chết cũng nghề ấy, tục hiệu là mắc nghiệp báo, giã như kẻ làm nghề bắt rắn, đáo đầu chết về nghiệp rắn cắn.

6. Sanh sự sự sanh : Sanh việc thì là việc sanh ; an thường thủ pháp thì vô sự.

7. Sanh thuận tử an : Sống thuận thác an. Muốn chết lành, ở đời phải làm lành, ấy là *thiện sanh phước chung*.

8. Sanh tử bất sanh tâm, sanh ngu vô sanh giác : Sanh con chẳng sanh lòng, sanh trâu không sanh sừng, ấy là sự thiệt, mà cũng là tiếng kẻ làm cha mẹ hay chữa mình về sự lỗi con cái ; cha mẹ không làm chủ hay là chẳng ngồi trong lòng con cái, cho nên việc nên hư phải trái con cái lo làm, cha mẹ không biết tới.

9. Sát nhất miêu, cứu vạn thử : Giết một con mèo, cứu muôn con chuột. Vì dân trừ hại, giết một người mà cứu đặng muôn ngàn người.

10. Si lung ám á gia hào phú, trí huệ thông minh khước thọ bần : Ngây điếc câm ngọng nhà giàu sang, trí huệ thông minh bèn chịu nghèo. Đại để những người có tài ít giàu ; ấy cũng là ý tạo hóa khôn ngoan, phân định công bình, kẻ mất thế này đặng thế khác, kẻ có bề này không bề khác.

11. So tày buộc chặt : Nghĩa là so đo, hơn thua thái quá.

12. Sĩ vị tri ki giả dụng, nữ vị duyệt ki giả dung : Kẻ sĩ đắc dụng với kẻ biết mình ; con gái lịch sự với kẻ yêu mình. Kẻ có tài không gặp người biết mình cũng vô dụng, gái đầu lịch sự, mắc chồng ghét, thì cũng hết duyên, mà đặng chồng ưa, thì đầu xấu cũng hóa xinh.

13. Sở đắc bất thường sở thất : Chỗ đặng không đền lại chỗ mất, ấy là tổn hao thì có, cậy nhờ thì không.

14. Sống đồng tịch đồng sàng, thác đồng quan đồng quách : Nghĩa vợ chồng chết sống không lìa.

15. Sống gởi nạc, thác gởi xương : Sống nhờ cấp dưỡng, thác nhờ chôn, ấy là lời trao thân gởi mình.

16. Sống một đồng không hết, chết mười đồng không đủ : Sống còn tiện tận, chết phải tổn hao.

17. Sóng ngã thuyền câu lướt đập : Thừa thế mà hại nhau, cũng như thấy người ta hằm tỉnh mà đầu thạch, nghĩa là sa hằm mà ném đá.

18. Sự bất đật di : Việc chẳng đặng đừng. Sự thế phải như vậy.

19. Sự bất quá tam : Việc chẳng quá ba, ấy là hạn cho người ta thử ; qua ba lần biết việc đặng thua thế nào.

20. Sự cữu kiến nhờn tâm : Việc lâu thấy lòng người. Lòng người tốt xấu lâu ngày mới biết.

21. Sự hữu thi chung, vật phân bốn mặc : Việc có trước sau, vật chia gốc ngọn. Ấy là lời làm chứng muôn vật đều có đứng sanh thành. Mộc bốn thủy nguyên cũng vào nghĩa ấy.

22. Sứa đâu có nhảy khỏi đặng : Con sứa không hề nhảy khỏi đặng, ví dụ con cái chẳng nên cái ý cha mẹ.

23. Suy cổ nghiệm kim : Nghĩa xưa, nghiệm nay. Nghĩa là phải xét nghĩ việc đời cẩn thận.

24. Suy kĩ cập nhờn : Xét nơi mình đến nơi người ; nghĩ mình làm sao thì người cũng vậy, chẳng nên ích kỉ hại nhờn.

T

1. Tà thần bất cảm chánh : Thần tà chẳng cảm hay là chẳng phạm chánh thần. Hễ mình ở chánh trực hay là mạnh mẽ trong mình thì chẳng sợ nhuộm lấy tà khí, hay là tà khí chẳng khuấy mình đặng. Ấy là *nguyên khí cố, tắc bá tà bất năng nhập* ; bịnh ngoại nhờn như phong hàn thử thấp cũng là tà.

2. Tác xá đáo bàn : Nghĩa là làm nhà bên đàng. Kể qua lại chê khen, nghị luận nhiều thế mà không rời.

3. Tài gia là cha ăn cướp : Tài gia hay khai gian, mất ít xít ra cho nhiều, hay là khai phòng hao, dầu quan có dạy bồi không đủ thì cũng được phần nhiều.

4. Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu : Ở tại nhà tòng cha, gả ra thì tòng chồng. Ấy là đạo tam tòng, phận gái phải giữ.

5. Tái ông thất mã, nan tri họa phước : Ông Tái mất ngựa khó biết họa phước. Nghĩa là không biết đâu là họa phước. Tích rằng : ông Tái mất ngựa, người ta tới thăm, ông ấy rằng : đâu biết là không phải phước. Chẳng ngờ ít bữa thấy con ngựa ấy dặc về một con ngựa nước Phiên cao lớn ; người ta cũng tới thăm, ông ấy rằng : đâu biết là không phải họa. Cách ít bữa con ông ấy cỡi con ngựa Phiên mà đi chơi, rùi té xuống gãy tay, người ta cũng đi thăm, ông ấy rằng : đâu biết là không phải phước. Chẳng khỏi bao lâu có việc binh, lệnh truyền phải bắt lính úp bộ, con ông ấy nhờ gãy tay mà khỏi điền lính.

6. Tài tán tắc dân tụ, tài tụ tắc dân tán : Của tán ra thì dân nhóm, của nhóm thì dân phải tan. Quan có nhơn, tình hình bạc liếm thì dân sung, quan khắc bạc chinh thâm thái quá thì dân nát.

7. Tâm bất tại : Xao lãng không chủ tâm.

8. Tam đa, ngũ phước : Đa tử đa phú đa quý, nghĩa là nhiều con, nhiều của, nhiều sang là tam đa ; Thọ, phú, khương ninh, du háo đức, khảo thọ mạng là ngũ phước. Du hào đức, nghĩa là nên bề đức hạnh ; khảo thọ mạng, nghĩa là nên mạng sống lâu, chết phi mạng hay là chết tức thì không thành thọ mạng.

9. Tầm khi nào vượt mặt khi ấy : Không nghĩ phải chăng, cũng là phải ơn.

10. Tam ngu thành hiền : Ba người dại cũng làm đặng một người khôn ; trí nhiều người hiệp lại cũng nghĩ đặng đều phải.

11. Tam nhơn đồng hành tất hữu ngã sư diên : Ba người đồng đi, ắt có kẻ làm thầy ta vậy. Trong ba người phải có người biết đều làm thầy cho ta đặng. Kể mình nữa là ba.

12. Tam sao thất bổn : Sao chép nhiều lần, không khỏi sai trong bốn chánh.

13. Tấn kê tư thần : Gà mái giữ buổi sớm hay là gáy giữ buổi sớm. Hiểu nghĩa là đờn bà làm chủ việc nước nhà.

14. Tận lương vô kế : Lương thực hết thì chẳng còn mưu chước, nghĩa là không có tiền bạc thì chẳng làm chi đặng.

15. Tận nhưn lực phương tri thiên mạng : Hết sức người mới biết mạng trời. Phải hết sức người vì là không biết mạng Trời, giả như mình mắc hoạn nạn hiểm nghèo, thì phải hết sức lo làm cho khỏi, chẳng nên thôi chí sồn lòng ; chừng nào làm hết sức mà đáo đầu không khỏi, thì mới hay là số mạng phải làm vậy.

16. Tân quế mẽ châu : Củi như quế gạo như châu thì là đồ hỏa thực ngang quí, mắc mỏ thái quá.

17. Tận tâm sở sự : Làm việc hết lòng hay là thiệt lòng làm việc bốn phận.

18. Tấn thối lưỡng nan : Khó đàng lui tới hay là không biết tính bề nào.

19. Tăng dục thân an, tăng dục bệnh : Năng tắm mình an, năng dâm bệnh. Tắm là tẩy trừ dơ dáy, lại làm cho khí độc trong mình rút ra theo nước, cho nên mình đặng an ; hễ năng tắm thì nhẹ nhàng trong mình ; năng gần nữ sắc thì tinh thần hao tán, đến đỗi phải uống yếu chẳng những là bệnh mà thôi.

20. Tăng lai thân giả sơ : Năng tới lui lắm, gần hóa ra xa. Có ba đều bất tận ; là *bất tận nhưn chi tình ; bất tận nhưn chi tài ; bất tận nhưn chi lực*. Lâu la lắm thì hóa ra sự nhàm lờn.

21. Tào khan chi thê bất khả hạ đường, bần tiện chi giao mạc khả vong : Vợ tấm mấn chẳng khá bạc đãi ; bạn khó nghèo không khá quên.

22. Tạo vật vô tình : Trời sinh muôn vật, chỉ thính ư tự nhiên, dường như không chủ ý.

23. Tập dữ tánh thành : Tánh bốn thiện mà bởi tập tương viễn, cho nên tập với tánh thành, thì là quen tánh. Tập là quen theo thói tục.

24. Tật sau lưng : Không ai khỏi tật. Ông bụt tổ treo cho người ta hai cái đũa một cái để trước ngực, một cái để sau lưng ; chuyện xấu người khác thì đừng đũa trước, chuyện xấu mình thì đừng đũa sau.

25. Tay bằng miệng, miệng bằng tay : Bật thiệp, miệng nói tay làm.

26. Tay không chơn rồi : Gia tài chẳng có ; công việc làm cũng không. Hãy còn bợ ngỡ.

27. Tay làm hàm nhai : Mình làm mình ăn, không cậy sức ai.

28. Thái quá du bất cập : Bỏ đồng thì lấy bậc thích trung.

29. Tham bù chẻ gắp : Chỉ nghĩa là tham cho nhiều.

30. Tham buổi giỗ lỗ buổi cày : Muốn đặng chuyện này phải mất chuyện khác.

31. Tham đắc vô im : Tham lam không nhàm, ấy là *xà dục thân tượng*, nghĩa là rắn muốn nuốt voi.

32. Thám nang thủ vật : Thăm đũa mà lấy vật : giặc dễ thắng thường gọi là lấy đồ bỏ đũa. Lại nói *dị như phản chương*, nghĩa là dễ như trở tay.

33. Tham thì thâm dâm thì đen : Thâm là thâm tổn, câu sau là câu ví, hễ tham thì không khỏi lấm.

34. Tham vì nết, chẳng hết chi người : Quý đức hạnh, không quý người.

35. Tham vui chịu lận : Người ta nói rằng : *Cờ gian bạc lận* ; các người đánh bạc cũng vì ham vui mà mất tiền

36. Thận chung truy viễn : Cẩn thận việc sau hết, dỗi nhớ việc lâu xa. Hiếu thảo kẻ làm con phải nhớ ơn cha nghĩa mẹ, dẫu cha mẹ đã khuất rồi, cũng phải có lòng thành kính.

37. Thần xuất qui một : Thần mọc qui lặn, ấy là tiếng khen mưu chước rất khôn ngoan.

38. Thần vong xỉ hàn : Môi mất răng lạnh, nói về hai nước giao lân, địa thế tương tiếp như môi với răng, nếu một nước phải mất thì nước kia

cũng phải mất theo. Hai nước gần giao hảo gọi là *thần xỉ chi quốc*, nghĩa là giao không hề bỏ nhau.

39. Thẳng mục tàu đau lòng gỗ : Lời thật mất lòng. Cứ phép thẳng mà làm, sao cho khỏi chích mích.

40. Tháng năm chưa nằm đã sáng, tháng mười chưa cười đã tối : Mùa hạ ngày dài đêm vắng, mùa đông ngày vắng đêm dài.

41. Tháng năm đi trước, chẳng phải đi ngược đằng sau : Ngày tháng tới trước mắt, chớ nói rằng lâu mau.

42. Thành môn thất hỏa, ươn cập trì ngư : Chốn thành môn bị lửa, hại đến cá trong ao, nghĩa là bị hại lây.

43. Thanh xuất vu lam : Xanh ra nơi chàm, hiểu nghĩa là học trò nhờ thầy ; mà nếu *thanh quá vu lam*, thì là xanh quá chàm, hiểu nghĩa là đệ tử hơn thầy.

44. Thấp đuốc tìm giàu, giàu chẳng thấy, cầm gươm chém khó, khó theo sau : Muốn mà không được, sợ mà không khỏi thì là mạng ; cho nên người quân tử *tùy ngộ nhi an*. Có câu rằng : *Trí giả an bần, đạt nhưn tri mạng*.

45. Thập mục sở thị : Mười mắt thừa xem. Chỉ nghĩa là minh bạch trước mắt nhiều người.

46. Thất chi đòng ngưng, thâm chi tang du : Mất chưng phía đông, thâm chưng phía tây ; mất phía này đặng phía khác.

47. Thật thà là cha đại : Ăn ở hăn hoi không đều quỉ quái thì là thiệt thà, đáng cho người ta yêu chuộng ; ăn nói quê mùa không biết biến thông thì là quá thiệt thà, có câu rằng : *hiền giả quá ngu* ; cho nên gọi là cha đại.

48. Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín : Một ấp mười cái nhà ắt có nhà trung tín. Nhiều người lựa ra cũng có người tốt.

49. Thâu đa nạp thiếu : Ấy là nghề riêng các thôn trưởng, hễ thâu thuế thì thâu trội để mà nhập kĩ, ấy là nghĩa chệt gánh.

50. Thầy có của sai có công : Kẻ chịu của người ra công, sự thế cũng đồng.

51. Thê hiền phu họa thiêu, tử hiếu phụ tâm khoang : Vợ hiền họa chồng ít, con thảo lòng cha thơ thối.

52. Thề mắc thắt dối : Thề thốt không nên đều.

53. Thệ tề bất cập : Cẩn rún chẳng kịp. Nghĩa là ăn năn việc đã rồi.

54. Thi ân bất cầu báo : Ra ơn không cầu trả. Nếu cầu trả thì là bán ơn.

55. Thi chung như nhứt : Trước sau như một ; không chút đổi dời.

56. Thị khả nhẫn, thực bất khả nhẫn : Điều ấy nữ làm được. điều chi chẳng nữ làm. Tàn nhẫn thối quá.

57. Thì lai phong tống Đàng-vương các, vận khứ lôi hoanh Tiến-phước bia : Thì tới gió đưa các ông Đàng-vương, vận đi sấm đành bia người Tiến-phước. Lúc có phước gió cũng thổi đưa, càng thêm sung sướng, lúc vô phước sấm lại đánh đập, dầu chết cũng không yên. Ấy tốt phước *đặng chì đặng chài* ; còn xấu phước *khó chó cắn thêm*. thì là làm vậy.

58. Thị tắc hành, phi tắc chi : Phải thì làm chẳng phải thì thôi. Con người ta phải có quyết đoán, hễ nghi sợ thì làm không đặng việc.

59. Thi vị tổ xang : Có vị như vị thần đặt ra mà tế. Lời chê kẻ làm quan vô sở sự sợ, ngồi không mà ăn lộc.

60. Thiệt nhu thường tồn, xỉ can tắc chiết : Lưỡi mềm hăng còn, răng cứng thì gãy. Mềm mỏng thì bền, cứng cỏi thì phải hư. Cho nên *nhu thắng can, nhược thắng cường*.

61. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình : Trả lành trả dữ như bóng theo hình. Nghĩa là báo ứng bấy giờ.

62. Thiên bất dung gian đảng : Trời chẳng dung kẻ gian đảng ; hễ làm dữ phải gặp dữ.

63. Thiên đàng vô tắc di, hữu tắc quân tử dăng. địa ngục vô tắc di, hữu tắc tiểu nhơn nhập : Thiên đàng không có thì thôi, bằng có thì quân tử sẽ lên, Địa-ngục không có thì thôi, bằng có thì đũa tiểu nhơn phải vào. Như con người ta chết rồi mà *hồn thăng vu thiên phách giáng vu địa*, lại như *khí tụ sanh khí tán vong*, thì là *tử giả biệt luận* ; bằng chết rồi còn có thưởng phạt thì sao phần thưởng cũng về kẻ lành, phần phạt cũng về kẻ dữ ; song không lẽ không có thưởng phạt đời sau, cho nên con người ta phải làm lành lánh dữ, ít nữa là cho khỏi sự báo ứng nhãn tiền.

64. Thiên đạo báo ứng nhãn tiền : Đạo trời trả đáp trước mắt. Làm dữ liền gặp dữ, làm lành liền gặp lành *thiếp nhu ảnh hưởng*, Nghĩa là chóng như hình bóng như tiếng vang.

65. Thiên đạo phước thiện họa đùm : Lẽ trời xuống phước cho kẻ lành, làm họa cho kẻ dữ.

66. Thiên địa tuy đại, nhơn do hữu sở hám : Trời đất dầu lớn người còn có chỗ hờn, không lẽ cho vừa ý mọi người. Mưa thì nói mưa, nắng thì nói nắng, *thiên địa tuy đại, nhứt thân do ái*, nghĩa là trời đất dầu lớn, một thân mình hãy còn chật hẹp, cũng về một nghĩa.

67. Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo : Lành có lành trả, dữ có dữ trả.

68. Thiên sanh nhơn hà nhơn vô lộc, địa sanh thảo hà thảo vô căn : Trời sanh người, người nào không có lộc, đất sanh cỏ, cỏ nào không có rễ ; ai ai đều có phước riêng, lộc riêng của Trời cho ; cỏ không rễ thì phải chết, người không lộc cũng phải chết.

69. Thiên sanh nhứt thể nhơn, tặc tức liễu nhứt thể sự : Trời sinh ai nấy đều có tài riêng : Hay làm hay, dở làm dở, cũng rồi một việc, qua một đời.

70. Thiện sanh phước chung : Sống lành chết có phước.

71. Thiên thính tự ngã dân thính : Trời nghe bởi dân ta nghe. Trời không lỗ tai, chúng dân nghe, ấy là Trời nghe. Có câu rằng : lòng dân thiệt là

lòng Trời. Trong sự suy tôn kẻ làm vua chúa, lấy tiếng dân đồng ửng làm chuẩn đích. Hễ chúng dân muốn cho ai thì nấy đặt.

72. Thiên tử vô hí ngôn : Thiên tử không lời nói chơi. Thiên tử là đáng cao trọng, đáng, cho người ta tín phục ; một lời nói việc làm đều có phép tắc thì mới phục đặt thiên hạ. Xưa vua Thành-vương cắt lá ngô-đồng giả làm ngọc quế, nói chơi rằng sẽ phong vương cho Thúc-ngu ; các quan tâu xin phải phong, là vì Thiên tử vô hí ngôn.

73. Thiên vô nhị nhật, quốc vô nhị vương : Trời không hai mặt trời, nước không hai vua. Nghĩa là giếng mỗi nước nhà phải về một người.

74. Thọ tài như thọ tiền : Chịu lấy của như chịu lấy mũi tên. Thầy tăng tử rằng : *thọ như chi thi dã thường húy như, dữ như dã thường kiêu như*. Nghĩa là kẻ chịu của người cho, hăng sợ người cho ; còn kẻ cho ra lại hay ỷ với người mình cho.

75. Thọ rèn không dao ăn trầu : Phần người thì nhớ, phần mình thì quên.

76. Thỏ thẻ như trẻ nên ba : Lớn mà còn chút chớt.

77. Thọ trái oán tài chủ : Mắc nợ oán chủ nợ ; ít thấy những người mắc nợ có bụng tốt cùng chủ nợ.

78. Thố tử hồ bi : Con thỏ với con chồn tuy không phải một giống, song cũng là một loài. Con thỏ chết con chồn rầu là *thương vì đồng loại*.

79. Thối lông tìm vít : Chử gọi là *xuy mao cầu tì*. Chỉ nghĩa là hay xoi tẽ, xét nét, bươi móc từ việc lỗi lầm nhỏ mọn.

80. Thối nhứt bộ tự nhiên khoáng : Lui một bước tự nhiên rộng rãi. Khiêm nhường nhịn nhục, thì lòng dạ thường thơ thới. Ấy là *lưu hữu dư địa bộ*.

81. Thôi quan hoàn dân : Thôi làm quan thì trở về làng.

82. Thông mả treo đầu giàn : Sự thế không bền chắc.

83. Thốt trên mòn, thốt dưới cũng mòn : Thốt là thốt cối xay. Phàm kiện cáo nhau, cả liên bị đều phải thất công, tổn của. Ấy là lời giải hòa.

84. Thủ chu đãi thổ : Giữ cây chờ thổ. Có một người đương cày ruộng, thấy một con thỏ chạy đụng gốc cây mà chết, liền bỏ cày chạy giữ gốc cây, có ý trông họa may có con thỏ khác chạy đụng nữa mà bắt cho luôn. Ấy là dở tài, chực của sẵn.

85. Thủ khẩu như bình : Giữ miệng như bình. Giữ miệng cho kín. Có câu đối rằng đối rằng : *phòng ý như thành*.

86. Thú nào vui thú ấy : An phận.

87. Thử nha tước giác : Răng chuột, sừng sê. Hiểu nghĩa là kiện thưa gây gỗ. Con chuột hay khoét vách ; chim sê hay xoi nhà. Tánh con chuột tham, tánh con sê dâm, một đàng tham một đàng dâm, cho nên hay sanh sự tranh tụng không yên.

88. Thủ thân vi đại : Giữ thân mình là việc lớn.

89. Thú thê bất tại nhan sắc : Cưới vợ chẳng vì nhan sắc, nghĩa là không phải dụng sắc.

90. Thủ thử lưỡng đoan : Nghi sợ không an bề nào. Con chuột ở trong hang muốn chun ra, thì hay nhú nhú ló đầu ra, quày đầu vô, làm như vậy đôi ba lần rồi mới chạy ra.

91. Thủ vi tương ứng : Đầu đuôi tiếp ứng lấy nhau. Núi Thương-sơn có thứ rắn, chọc đầu này cất đầu kia, chọc đầu kia cất đầu nọ. Chỉ nghĩa là có thể cứu giúp nhau.

92. Thừa trong nhà mới ra bề ngoài : Trong sự bán chác ruộng đất của cải phải cứ thứ, ấy là *thừa nội chí ngoại* có câu rằng : *Điền liên canh, gia liên cư* cũng là cứ người gần.

93. Thuận thì tu văn đức, nghịch tắc thắng võ công : Thuận thì làm hiền, nghịch thì sẽ ra tay làm dữ.

94. Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong : Thuận trời ấy còn, nghịch trời ấy mất. Nghịch mạng trời thì phải hư mất.

95. Thuận thiên ứng nhơn : Thuận lòng trời, ứng đối lòng người ; có ý nói về kẻ làm vua chúa đặng lòng thiên hạ.

96. Thủy chí thanh tắc vô ngư, nhơn chí sát tắc vô đồ : Nước trong lắm thì không có cá, người hay xét nét lắm thì không có bạn, nghĩa là ít người dám làm bạn.

97. Thủy khả dĩ tải châu, diệc khả dĩ phúc châu : Nước hay chở thuyền mà cũng hay úp thuyền. Dân làm tôi vua quan mà cũng có khi hại vua quan.

98. Thủy lưu tại hạ : Nước chảy xuống thấp. Phần thua thiệt về kẻ bề dưới chịu ; kẻ bề dưới biết có một sự vâng lời. Có câu rằng : *Lịnh tại hồ thượng* nghĩa là quyền phép ở tại kẻ bề trên.

99. Thuyền dờn bến cũ không dờn : Sự thế xưa sau không lẽ đổi.

100. Thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng : Mất lòng mà lợi ư hạnh.

101. Thương cung chi điệu, kinh khúc mộc : Chiêm phải ná thấy cây cong cũng sợ. Nghĩa là hải kinh việc trước.

102. Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi : Thương con thì phải sửa dạy, bằng chùi theo tính nó, thì là khiến hư cho nó.

103. Thượng bất chánh hạ tắc loạn : Trên chẳng chánh dưới thì loạn. Một nghĩa với câu nôm *bề trên ở chẳng kỉ cương* vân vân.

104. Thương là hại : Ấy là nghĩa chữ thương. Làm ơn mắc oán hay là vì sự thương yêu cứu giúp kẻ khác mà mình phải thiệt hại.

105. Thương hải tang điền : Biển thẳm hóa nên ruộng dâu, hiểu là một cuộc đổi đời.

106. Thương nhau chữ vi là vì : Vốn là chữ vi mà đổi làm chữ vì, thương nhau thì phải vì nhau.

107. Tị trọng tự khinh : Lánh nặng tìm nhẹ, ấy là nghĩa tránh trút.

108. Tích cốc phòng cơ : Dự trữ thóc phòng khi đói, nghĩa là biết lo xa.

109. Tích kim dĩ gi tử tôn, tử tôn vị tất năng thủ, bất như tích âm đức ư minh minh chi trung, dĩ vi tử tôn trường cửu chi kế : Tích trữ vàng để cho con cháu ; con cháu chưa chắc giữ đặng, chẳng bằng tích âm đức, nghĩa là làm lành trong chốn minh minh, không ai ngó thấy, để làm chước lâu dài cho con cháu.

110. Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác : Tích lấy sự lành thì gặp lành, đa mang lấy đều dữ thì gặp dữ.

111. Tiên cáo bất nại, bị cáo vô can : Không nại là không kiện nữa.

112. Tiên chì hai mặt : Lì lợm, chài đá chẳng biết xấu hổ.

113. Tiên giác giác hậu giác : Kẻ biết trước dạy kẻ biết sau. Kẻ lớn dạy kẻ nhỏ.

114. Tiên hung hậu kiết : Việc trước dữ mà sau hiền.

115. Tiên mất tật còn : Tồn hao vô ích, (nói về tiền thuốc.)

116. Tiên ngang bạc vác : Phép địch tiền thì lấy mực ngang, còn hàng mua thì cân vác, ấy là phép cân tử mã. Lại bạc nặng hơn tiền kẽm, mực tiền ngang mực bạc thì phải vác.

117. Tiên phú hậu bần : Trước giàu sau nghèo. Trước lớn sau nhỏ ; lại đầu nhỏ đít to hay là mặt nhỏ đít to thì nói chơi thế ấy.

118. Tiên tài như phần thổ, nhờn ngài tự thiên kim : Tiền của như phần đất, nhờn ngài dường ngàn vàng.

119. Tiên tấn hậu kế : Trước tới sau dồn. Kẻ trước tới người sau cũng tới. *Tre tàn măng mọc*, chẳng thiếu chi người.

120. Tiên trao cháo múc : Mua bán hiện tiền.

121. Tiên trao ra gà bắt lấy : Cũng đồng một nghĩa.

122. Tiên vi chủ, hậu vi khách : Phép tiếp khách có phân vì khách vì chủ, có ý trọng đãi vì khách.

123. Tiên xa kí phúc, hậu xa giải chi : Xe trước đã úp, xe sau răn đó. Phải soi gương trước.

124. Tiên xử kỉ nhi hậu xử bỉ : Trước xử mình mà sau xử tới người. Phận mình xong mới nói người ta. Chẳng khá bực *trách kỉ nhi hậu trách nhơn*.

125. Tiếng lành đồn xa, tiếng giỡn đồn ba ngày ðàng : Lành cũng có tiếng đồn, dữ cũng có tiếng đồn.

126. Tiểu sự bất nhĩn tắc loạn đại mưu : Việc nhỏ chẳng nhĩn, thì làm rối mưu lớn hay là việc lớn. Con người ta chẳng nên táo cấp.

127. Tiểu nhơn đắc chí : Ðứa tiểu nhơn ðặng như ý. Có câu rằng : *chí thiếu dị dinh* ; bụng tiểu nhơn nhỏ, cho nên dễ đắc chí, nghĩa là hay *tự túc tự mãn*.

128. Tiểu thuyền bất kham trọng tải : Thuyền nhỏ không kham chở nặng. Bụng nhỏ không ăn ðược nhiều.

129. Tín giả năng nhập : Hay tin thì có ðều xui cho mà tin ; tin thì hay mắc.

130. Tình ngay lý gian : Vốn mình ngay, mà mắc nhiều lẽ không ngay.

131. Tọa hưởng kì thành : Ngồi mà hưởng nhờ của sẵn. Ấy là *Cưu cư thước sào*.

132. Tọa thực sơn băng : Ngồi ăn núi lở. Ngồi không mà ăn, ðầu tiên của chất băng non, cũng phải hết.

133. Tội lây vạ tràn : Ấy là tội liên tọa hay là tội vạ ðộng lây.

134. Tội nghi di khinh, công nghi di trọng : Tội hồ nghi phải làm nhẹ, công hồ nghi ðầu không chắc cũng phải lấy làm trọng. Trong phép thưởng phạt phải lấy công người ta làm trọng.

135. Tội qui vu trưởng : Phép bắt tội cứ nơi người làm lớn ; cho nên *mũi đại, lái chịu ðòn*.

136. Tốt thì khoe xấu thì che : Ấy là tính tự nhiên, người ta hay *ãn ác dương thiện*.

137. Tốt tuổi nằm ðuối mà ăn : Tốt số chẳng phải lo nghèo.

138. Trai chê vợ như của đĩ xuống sông, gái chê chồng của một mà hai : Gái đã ăn lễ dàng trai, nếu vô cố mà phá, thì phải đền phần thiệt hại bằng hai.

139. Trai đua mạnh gái đua mềm : Trai phải cho mạnh mẽ ; Yếu đuối, dịu mềm về phần con gái. Mạnh mẽ nghĩa là cho biết đua tranh nhứt là trong sự học hành ; dịu dàng nghĩa là phải cho nết na khéo léo trong việc nữ công.

140. Trai tài gái sắc : Trai dụng tài năng gái dùng nhan sắc, ấy là nghĩa trai anh hùng ; gái thiên kiều, chẳng phải nghĩa gái tham tài, trai tham sắc, thì là gái tham của, trai tham xinh.

141. Trăm dâu đổ đầu tằm : Việc chi cũng đổ cho người dưới chịu.

142. Trâm ngư lạc nhạn : Tục hiểu tư dung lịch sự lắm, thì làm cho cá phải trâm, nhạn phải sa. *Nguyệt bế hoa tu* ; cũng hiểu là nhan sắc rất đẹp đẽ, chỉ hiểu về sắc đờn bà.

143. Trăm hay chẳng bằng tay quen : Hay giỏi cho lắm cũng chẳng bằng quen việc.

144. Trảm thảo trừ căn : Chém cỏ cho tuyệt gốc, nghĩa là làm cho tuyệt giống, kéo còn mọc lại, ấy là *trảm thảo lưu căn, phùng xuân tái phát*.

145. Trâm thuyền phá phủ : Nhận ghe, đập nôi. Quyết ý không trở về. Tướng nước Tần là người Mạnh-minh đem binh đi đánh nước Tần, qua sông rồi thì nhận ghe đập nôi, dạy binh biết đi tới, không biết đi lui.

146. Trâu béo kéo trâu gầy : Mập ốm che nhau ; con yếu nhờ con mạnh.

147. Trâu cày, ngựa cỡi : Trời sanh mỗi vật đều có tài riêng, có việc dùng riêng.

148. Trâu chốc cật thấy ác bay qua liền né : Trong mình có tì vít thì hay sợ.

149. Trâu cật ghét trâu ăn : Ấy là nghĩa phân bì.

150. Trâu đập củng chết voi đập củng chết : Ấy là tiếng kẻ đánh cờ bạc hay nói liều rằng : thà thua lớn chẳng thà thua nhỏ.

151. Trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy : Thường hiểu nghĩa ở đâu cưới gả đó, cũng là tiếng ganh.

152. Trâu sống không ai mà cả, trâu ngã nhiều kẻ cầm dao : Mà cả là đánh giá mà mua ; trâu sống không ai hỏi tới, trâu chết khỏi tốn tiền mua, thì có nhiều người tới mà xẻ thịt.

153. Trâu tìm cột, cột chẳng tìm trâu : Cột chỗ trâu ở : ngọn phải cứ gốc ; đày tớ phải tìm chủ nhà ; con cái phải tìm cha mẹ.

154. Trẻ khôn qua, già lú lại : Càng lớn càng khôn, càng già càng lú.

155. Trèo cao té đau : Vinh bao nhiêu, nhục bấy nhiêu.

156. Trí giả sở kiến lược đồng : Kẻ trí chỗ thấy gần đồng nhau. Trí người ta không có hạn lượng, song học cho tới nước, thì sự thông biết đều có một thể.

157. Trí dục viên, nhi hạnh dục phương : Trí muốn tròn, mà hạnh muốn vuông, nghĩa là trí phải thông biến, nét hạnh phải đảm thắm.

158. Trí giả thiên lự tất hữu nhứt thất, ngu giả thiên lự tất hữu nhứt đắc : Kẻ tri ngàn lo ắt có một lầm, kẻ ngu ngàn lo ắt có một đặng, cho nên *cuồng phu chi ngôn thánh nhưn trạch diên*, nghĩa là lời đũa khùng thánh nhưn cũng chọn.

159. Tri gian bất tố : Biết việc gian không tỏ cáo ; ấy là tội dung ẩn.

160. Trí quá tắc cải : Biết lỗi mà chừa, thì là khỏi lỗi, biết lỗi mà chẳng chừa, thì là lỗi lắm.

161. Tri sanh giả diếu, tri tử giả ai : Biết kẻ sống thì làm lễ diếu, biết kẻ chết thì làm lễ thương. Diếu là viếng kẻ còn sống. Ai là thăm cho kẻ chết rồi. Diếu là thăm viếng.

162. Tri tử mạc nhược phụ : Biết con chẳng ai bằng cha, kẻ làm cha mẹ thường biết tánh ý con hơn.

163. Tri túc thường túc, chung thân bất nhục : Biết đủ hững đủ, trọn đời chẳng nhuốc. Có câu rằng : *Lý thạnh mãn nhi hậu tri chi*. Được đầy đủ mà sau biết thôi. Con người ta tham ô, không biết đàng tấn thối, lẽ thuận nghịch thì chẳng khỏi nhục.

164. Triều tam mộ tứ : Xưa có một người nuôi khí, định bữa ăn cho khí rằng : sớm ba tối bốn, khí giận nhảy nhót không yên. Người ấy lại định rằng ; sớm bốn tối ba, khí mừng hớn hở, thiệt sự thì là như nhau.

165. Trây máu ăn phần : Làm cho có có mà đòi phần ăn, hoặc đòi bồi thường.

166. Tre khóc măng : Con trẻ chết trước cha mẹ.

167. Tre tàn măng mọc : Tiền tấn hậu kế. Lớp lớn tàn, lớp nhỏ tấn lên.

168. Trời có sanh có dưỡng : Trời ấy là phép tạo hóa, hễ có sanh thì có phương che chở.

169. Trời đánh tránh bữa ăn : Nghĩa là có công và lại có nhơn. Người ta đang ăn uống mà đánh thì là bất nhơn. Có kẻ hiểu đại ; hễ nghe tiếng sét thì lật đật lấy đồ ăn mà ăn, cho khỏi sét đánh.

170. Trời không cho hùm có vây : Hùm có vây cánh thì lại hay bay : Người dữ mà đặng vây kiến, đắc thế làm dữ thì thiên hạ phải khốn.

171. Trôi sông lạc chợ : Hiểu là người nghèo khổ vất vả, không có căn cước.

172. Trốn hèn hèn kèn vất vợ : Kèn trống phải cho xứng.

173. Trung ngôn nghịch nhĩ : Lời ngay trái tai. Thuận theo chúng thì chúng thương ; nghịch lòng dân thì dân oán.

174. Trung thần bất hứ tử, hứ tử bất trung thần : Tôi ngay chẳng sợ chết, sợ chết chẳng phải tôi ngay.

175. Trúng bệnh vi diệu : Thuốc chẳng luận quý hèn, chữa bệnh đặng thì là thuốc hay.

176. Tử bất giáo phụ chi quá : Có con không dạy thì là lỗi cha. Phận cha phải dạy con, phải làm nên cho con.

177. Tự chiêu kỳ họa : Mình gây họa cho mình.

178. Tự cứu bất hạ : Cứu mình chẳng rồi, lại còn cứu ai.

179. Tử dai kỳ tử : Phép chia gia tài, thì bất luận từ thiệp sanh, phải cứ tử số quân phân.

180. Tử giả bất khả phục sinh, đoạn giả bất khả phục thực : Chết rồi không lẽ sống lại, đứt rồi chẳng khá nối.

181. Tử giả biệt luận : Không phải nghị luận về kẻ chết. Chết rồi thì thôi. Cũng là kiếp chết kiếp hết.

182. Tứ hải dai huynh đệ : Bốn biển đều là anh em, vì bởi một gốc mà sanh ra.

183. Tử mã lục thạch : Câu tử mã, sáu học. Tục hiểu là tánh nết chưa thuần, chẳng biết lấy điển ở đâu.

184. Tứ phương giai hữu tánh, thiên lý bất đồng phong : Cả thảy trong bốn phương thiên hạ tánh tính, phong tục đều chẳng giống nhau.

185. Tử sanh hữu mạng : Chết sống có số mạng : Còn một vế nữa thì là, *phú quý tại thiên*.

186. Tự thực kỳ lực : Mình làm lấy mà ăn ; *tay làm hàm nhai*.

187. Tử vị phụ ần : Con vì cha giàu. Ân tình cha con, lẽ trời buộc phải làm vậy. *Con to cha tố tổ thầy*, thì là *can danh phạm ngãi*.

188. Tử vô táng địa : Chết không có chỗ chôn. Phải chết bỏ thân.

189. Tuế bất ngã diên : Năm tuổi chẳng diên dẫn cùng ta ; ngày giờ kíp như tên bay, thỏ chạy.

190. Tuế hàn trí tòng bá chi tâm : Năm lạnh biết tánh cây tòng cây bá. Hai cây này chịu lạnh : ví người tài trí gặp cơn họa hiểm không sờn lòng. Có câu rằng, *hàn tòng ngạo tuyết, cổ bá lãng sương*.

191. Tùu châu đạu tước : Ngọc nhà Tùu bản sẻ, chỉ nghĩa là đặg ít mà mất nhiều.

192. Túng ngư nhập hải, phóng hổ qui sơn : Thả cá vào biển, thả cọp về núi. Bắu tướng giặc mà thả đi, thì khôn trông bắu đặg nữa, lại còn phải lo nỏi nó về o mà lập trậu khác.

193. Tùung nhứt nhi chung : Nghĩa là không cải tiếu, chết sống cũng mộu chồng, ấy là trộu đạu với chồng.

194. Tùung thiệu như đắg, tùung ác như bang : Theo lành dườg lên, theo dữ dườg lỏ ; cứ việu làm lành thì trong mình đặg nhẹ nhàng, mộu ngày mộu lướu tới. Cứ việu làm dữ thì lương tâm nặng nề ; càng ngày càng sụu xuống như núi lỏ.

195. Tùu bắu túy nhờn nhờn tặu túy : Rượu chắg say người, người say tại mình.

196. Tùu nhập tâm như hổ nhập lâm : Rượu vào lòng, như cọp vào rừng. Say rượu rồi thì loạn tâm tánh, không còn biếu phải trái.

U

1. Uyểu nhực y sang : Cắu thậu chửa chỗ đầu sang độc, nghĩa là túng mà làm đờ. *Y đắc nhấu tiều sang, bắu khướu tâm đầu nhực.* Muốu làm thuốu ghẻ trướu mắu, phải cắu thậu đầu trái tim ; cho đặg việu này, phải hại đếu việu khác.

2. Uốu câu sao vừa miệg cá : Không lể làm cho vừa ý mộu mộu người.

3. Uốung xích nhi trựu tâm : Vậu thướu mà ngay tâm. Nghĩa là kế lợi vong nghĩa. Kẻ sĩ quân tặu chắg vì lợi mà bỏ phép hay là làm đầu quắy, như phải uốung tâm trựu xích, bỏ hết các đầu phải thì lại càng xa lách.

4. Uốung rượu như hủ chìm : Mạnh rượu quá.

V

1. **Vạch lá tìm sâu** : Xét nét tứ đều.
2. **Vải thưa che mắt thánh** : Làm chuyện dối mắt, che miệng thế gian.
3. **Văn hay chẳng luận đặt dài** : Nghe qua cũng biết hay dở.
4. **Văn cổ kêu chẳng thấu trời** : Oan ức không chỗ kêu. Có câu rằng : *Oan này còn một vạch trời kêu lên.*
5. **Vận nghèo đi tới chỗ mô cũng nghèo** : Cầm gươm chém khó, khó theo sau.
6. **Vạn sự khởi đầu nan** : Muôn việc khởi đầu khó.
7. **Vấn xá cầu điền, nguyên vô đại chí** : Hỏi nhà hỏi ruộng, vốn không có chí cả. Người có chí có phải tìm việc cao xa.
8. **Văng chủ nhà, gà bươi bếp** : Có ý nói về tôi tớ, văng chủ nhà thì tung hoành làm quấy.
9. **Vàng thật chẳng sợ chi lửa** : Lòng mình ngay thẳng chẳng phải sợ sự gì.
10. **Vật bất ly thân** : Vật chẳng lìa mình, người đâu của đó. Có câu rằng : Mạng tàng hồi đạo, dã dung hồi dân. Nghĩa là của để bơ thờ, thì giục cho kẻ trộm lấy ; trau hình chuốt dạng, thì làm cố cho sanh đều tà dân.
11. **Vật bất tề vật chi tình dã** : Vật chẳng đều thì là tánh tình tự nhiên nó. Ấy là lời ông Mạnh-tử luận về vật giá có trọng khinh chẳng đồng, mà suy ra các vật tự nhiên cảm âm dương ngũ hành mà hóa ra, thì chẳng giống vật có tay thầy thợ làm nên.
12. **Vắt chày ra nước** : Chặt chia thái quá.
13. **Vật khinh tình trọng** : Vật nhẹ mà tình nặng ; vật dĩ biểu tình, quý tại lòng không quý tại vật : Lại hiểu là vật hèn mà công hiệu lớn, như thuốc trị bệnh v.v...
14. **Vật qui cố chủ** : Vật về chủ cũ. Vật đều có chủ ; không phải của mình, thì là của kẻ khác, mình không đặng làm chủ. Người ta hay nói : *Của*

Thiên trả cho Địa, của Bụt thiêu cho Bụt.

15. Vì đại bất trạo : Đuôi lớn không vẫy vùng. Chỉ nghĩa là trên yếu dưới mạnh. Phép trị nước phải cho *Cường cán nhược chi*, nghĩa là cây mạnh nhánh yếu.

16. Vì đầu heo gánh gộc chuối : Vì Nghĩa phải mà chịu lấy việc không tử tế.

17. Vị yên khu ngư, vị tòng khu tước : Vì vực sâu đuổi cá thì là con rái, vì rừng rậm lừa chim tước thì là chim bà cắt. Hiểu nghĩa là làm lợi cho kẻ khác, như Kiệt, Trụ bắt nhơn đuổi dân về Thang, Võ.

18. Vị tri sanh, yên tri tử : Chưa biết sống, đâu biết chết. Thầy Tử cống hỏi đức Phu tử về thân sau, đức Phu tử trả lời rằng : Thân sống chưa biết, lẽ gì biết được thân chết.

19. Việc làm thì nhác, việc ác thì siêng : Ấy là tiếng mắng đũa làm biếng mà hay khuấy.

20. Việc người thì sáng, việc mình thì quáng : Ai nấy lâm tới việc, thì tối tính. Lại *họa lai thần ám*.

21. Viễn thủy nan cứu cận hỏa : Nước xa khôn cứu lửa gần. cho nên *viễn thân bất như cận lân* ; nghĩa là bà con xa chẳng bằng láng giềng gần.

22. Vịt già gà tơ : Vịt để lâu năm, gà vừa đứng lứa, đều là vật ăn ngon.

23. Vịt nghe sấm : Linh lẳng, không biết nghe.

24. Vô cai quản bất đắc hành hạ : Có phần cai quản mới đặng sai khiến. Kẻ lớn cai quản con trẻ thì là thượng áp hạ.

25. Vợ chết thật vợ mình : Mình chết trước thì vợ mình người khác lấy, con mình người khác chười, của cải mình người khác dùng, ruộng đất mình người khác cày, ngựa mình người khác cỡi, ấy là lời ông Tăng-tử vô buồn mà ca khi vợ chết.

26. Vợ chồng như áo bận vào cỗi ra : Sự thế phải đổi thay, đổi với câu : *huình đệ như thủ túc*.

27. Vô chứng bất thành tụng : Không chứng không nên việc kiện.

28. Vô cố nhi đắc thiên kim bất tạo đại phước tất hữu đại họa : Không cố mà đặng ngàn vàng, chẳng gặp phước lớn, ắt có họa lớn. Của vô cố là của đem tới thành linh hoặc không cầu mà đặng, hay là của gian.

29. Vô địa lập chùy : Không đất cắm dùi. Nghĩa là nghèo lắm. Có câu rằng : *Tích niên do hữu lập chùy địa, chiêm niên liên chùy dã vô.* Nghĩa là năm trước còn có đất cắm dùi, năm nay cả đất dùi cũng không có.

30. Vô hoạn nạn bất anh hung : Ấy là *Anh hùng đa hoạn nạn. Hữu thử thân hữu thử khổ.*

31. Vô đậu bất thành nhơn : Mỗi một người đều phải nên trái giống một lần ; nên trái giống rồi, mà khỏi tật bệnh hiểm nghèo, thì mới gọi là thành nhơn.

32. Vô hữu bất như ki đã : Chớ làm bạn với kẻ chẳng bằng mình. Có ích hữu, tổn hữu người khôn ngoan hiền đức thì là ích hữu. Không tài đức hơn mình, không làm sự phạm cho mình đặng thì là không bằng mình ;

33. Vô phước kê chi lực : Không sức trói gà, nghĩa là yếu đuối quá.

34. Vô quan nhứt thân khinh, hữu tử vạn sự tức : Không làm quan thì là nhàn rảnh ; có con muôn việc đủ, chỉ nghĩa là có con thì lấy làm vui hơn hết.

35. Vô thái quá bất cập : Phải giữ mực thích trung.

36. Vô tiểu nhơn bất thành quân tử : Không có tiểu nhơn thì không thành cho người quân tử. Lại có câu rằng : không có quân tử thì ai khiến tiểu nhơn. Trí, ngu, hiền bất tiểu đều nương nhờ nhau.

37. Vô trung sanh hữu : Chuyện không có làm cho có ; đặt đều, sanh chuyện.

38. Vô tửu bất thành lễ : Lễ phép Annam trong việc kiện thưa, cưới hỏi đều phải có rượu : khi có mời thỉnh hay là thưa thốt chuyện gì thì thường có coi trầu chén rượu. (Ấy là nói về phép làng).

39. Vô vận bất năng tự đạt : Con người ta làm nên, thì là nhờ vận.

40. Voi thuộc voi, ngựa thuộc ngựa : Đồng là một phe một bọn thì thuộc biết tình ý nhau ; như kẻ trộm biết kẻ trộm.

41. Vọng tự tôn đại : Mình tôn mình làm lớn. *Tự tác thông minh ; khinh thế ngạo vật ; miệt thị thiên hạ ; mục hạ vô nhơn*, đều về một nghĩa tự kiêu, lấy mình làm hơn mọi người.

42. Vu phản tội đồng : Kẻ cáo gian mắc luật phản tạ : làm cho kẻ bị cáo phải tội gì, thì mình phải chịu tội ấy.

43. Vúc vắc hoặc xắc vắc như mặt đánh bông : Bộ húc hất không nên nết.

44. Vui đâu chúc đó : Ham chơi sa đà chẳng nghĩ tới việc nhà.

45. Vụng múa chê đất lệch : *Phản cầu như thân*, phải trách nghề mình chưa tinh.

46. Vườn rộng chớ khá trồng tre là ngà ; nhà rộng chớ chứa người ta ở cùng : Ấy là phòng về sự đông người ở, hay sinh đều bất bình.

X

1. Xả cận cầu viễn : Bỏ gần tìm xa. Khinh việc trước mắt, kiếm tìm việc cao xa.

2. Xa mới chân gần mới miệng : Nói về việc cư xử trong thân, xa thì khó bề thăm viếng, gần thì mắc lời ăn tiếng nói.

3. Xa tải đấu lương : Xe chở, đấu lương. Vật phải đong chở thì là vật bề bội. Người giỏi thì có ít, người dở thì là *xa tải đấu lương*.

4. Xanh râu là chúa, bạc đầu là tôi : Tước, xỉ, đức, nghĩa là quyền tước, tuổi tác, đức hạnh là ba bậc trọng ; nội trong ba bậc ấy, quờn tước thường nằm về bậc nhất.

5. Xảo giả đa lao chuyết nhàn : Có câu nôm rằng : khéo làm tôi vụng, vụng nỏ làm tôi ai : *Xảo giả lao chuyết giả dật*

6. Xấu chữ mà lành nghĩa : Chữ là bề ngoài, nghĩa là bề trong ; ví người không có vẻ lịch sự, mà trong thì có bề đức hạnh tài năng.

7. Xấu hay làm tốt, dốt hay nói chữ : Xấu mà hay sửa soạn, thì là biết xấu mà che ; dốt mà muốn làm mặt hay chữ, là thấy lịch sự mà bắt chước. Có câu rằng : *Khắc hoạch Vô-diêm, đàn đột Tây-thi*, cũng về một nghĩa ấy. Vô-diêm là một người con gái nước Tề, xấu hình xấu dạng không ai muốn ngó. Tây-thi là tên ấp, đờn bà ở đó rất xinh tốt, mỗi lần ôm lòng nhả mào, thì ai nấy đều cam động ; đờn bà Đông-Thi cũng bắt chước ôm lòng nhả mào mà bị chúng ghét.

8. Xấu bát đĩa đồ ăn cũng vậy : Quý tại đồ ăn, chẳng phải tại bát đĩa. Thường hiểu ra nghĩa trái, tiếng nói chơi.

9. Xấu lá xấu nem, xấu em xấu chị : Đều chỉ nghĩa là xấu lây.

10. Xấu Phù-ly xấu Tuy-viễn : Phù ly, Tuy viễn là hai huyện ở tại Quy-nhơn giáp giới với nhau, xấu huyện này, xấu tới huyện khác, nghĩa là xấu lây.

11. Xe dây buộc mình : Mình bó buộc lấy mình hoặc làm rối cho mình.

12. Xé tay vá vạt : Ấy là sự thế nghèo nàn, thiếu trước thiếu sau.

13. Xứ xứ hữu anh hùng : Đâu đâu cũng có người anh tài : *Hà địa bất sanh tài*.

14. Xuân bất tái lai : Ai nấy chỉ có một thì xuân xanh. Con người ta sanh ra hai mươi tuổi *thành đinh*, ba mươi tuổi *nhi lập*, bốn mươi tuổi *bất hoạc*, năm mươi tuổi *tri thiên mạng*, sáu mươi tuổi *nhi thuận*, bảy mươi tuổi trung thọ. tám mươi tuổi sắp lên thượng thọ. Tuổi xuân xanh từ hai ba mươi cho tới bốn mươi lên xuống, quá tầng ấy thì cân cốt khí lực, lần lần phải suy giảm.

15. Xuất hồ nhi, phản hồ nhi : Ra nơi mầy, trở lại nơi mầy : có vay có trả, việc tại nơi mình.

16. Xuất kì bất ý : Nghĩa là làm thành linh, lừa khi người vô ý.

17. Xướng ca vô loại : Ca xướng không có phép. Hát là nhắc cổ tích : con hát khi làm vua, khi làm tôi, khi giả vợ, khi giả chồng. Ca xướng có đều thanh, có đều tục, không lẽ câu chấp việc lẽ nghi.

PHỤ SÓT

1. **Ai đầy nôi nấy** : Ai có phần nấy. Có câu rằng : giàu cha giàu mẹ thì ham, giàu anh giàu chị, ai làm nấy ăn.
2. **Ăn hả hả, trả ỷ ỷ** : Ăn thì mừng trả thì sợ.
3. **Ăn ở xởi lời ông trời gửi cho** : Hay làm phước thì phải gặp phước.
4. **Ăn sẻ sẻ để ông voi** : Ăn ít thua nhiều ; (cờ bạc.)
5. **Ăn trầu cách mắt** : Nói về sự cho chác, kẻ thâm người thù.
6. **Ăn trầu gặm** : Suy nghĩ việc đời.
7. **Ba mươi tuổi, sáu mươi quen** : Càng thêm tuổi, càng nhiều quen biết.
8. **Bán trời không chứng** : Ngược xuôi, tai quái trong đời.
9. **Bất cận nhưn tình** : Chẳng gần tánh ý người ; ăn ở một mình một thế, chẳng biết xét nghĩ sự đời.
10. **Bốn biển gây nên một nhà** : Sự thể sum vầy, hóa ra thân cận.
11. **Cá tươi thì xem lấy mang, người khôn xem lấy hai hàng tóc mai** : Ấy là một phép coi tài tướng,
12. **Cát nhưn thiên tướng** : Người có phước, Trời hằng chở che.
13. **Cha chài chú chóp** : Đầu voi đuôi chuột (chóp ấy là chóp chài).
14. **Cha hăn lú chú hăn khôn** : Chẳng lẽ dại hết cả nhà.
15. **Chẽ tre nghe lóng** : Việc có không, phải nghe cho hăn.
16. **Chén trong hú chén ngoài** : Thấy rượu thì uống, say sưa quá độ.
17. **Chim nhát là chim sống lâu** : Tiếng cười người hay sợ chết.
18. **Chờ cho đến mạ thì má đã sừng** : Chũ mạ hiếu là mẹ, hiếu là làng, cho đến làng thì việc đã rồi. (Nói về sự ấu đã).
19. **Chưa có gió, mõ đã rung** : Rộn rảng thái quá.

20. Cơm Nai, Rịa ; cá Rí, Rang : Gạo lúa đều nhờ đất Đồng-Nai, Bà-rija ; con cá thì nhờ đất Phan-rí, Phan-rang.

21. Con đại cái mang : Ấy là tội qui vu trưởng.

22. Con một cháu bầy : Ấy gọi là nhà có phước.

23. Cùng mẹ thì xa, cùng cha thì gần : Con một cha thì là một giống.

24. Đa sự đa lự : Đa mang nhiều việc, thì nhọc lòng lo.

25. Đầu đen máu đỏ : Dân trời tôi vua, ấy là dân dử dân tề.

26. Đem qui về phá nhà chay : Bình yên không muốn, muốn cho hư hại.

27. Điền liên canh gia liên cư : Phép bán nhà đất phải vị kẻ ở gần.

28. Đói ăn bánh vẽ, chiêm bao thấy vàng : Bánh vẽ ăn không đi, vàng chiêm bao không có ; cả thấy là đều hư giả.

29. Đời xưa trả báo mà chầy, đời nay trả báo một giây nhãn tiền : Ấy là báo ứng nhãn tiền, hay là báo ứng trước mắt.

30. Giàu trẻ chớ màng khó trẻ chớ lo : Dàng đi ở đời hãy còn xa xác, có giàu cũng không nên ỷ, có nghèo cũng đừng sợ, cũng là tiếng khuyên khích.

31. Kẻ ăn mằm, người khát nước : Gánh vác chuyện vô can ; kẻ ăn người chịu.

32. Kẻ tham công người tiếc việc : Kẻ muốn cho đặng việc, người lại tiếc công.

33. Kẻ thâm người thù : Kẻ hậu người bạc.

34. Không voi bò làm lớn : Túng phải dụng đỡ ; chưa gọi là lớn

35. Lính ban mai cai lính ban chiều : Ma cũ ăn hiếp ma mới.

36. Ma cũ ăn hiếp ma mới : Kẻ tăng việc ăn hiếp kẻ còn bợ nợ.

37. Mặt chai mày đá : Lý lợm chẳng biết xấu hổ.

38. Nghị huyệt tri thủy : Con kiến biết chỗ có nước mà làm ổ. Thở xưa ông Quản-trọng đi đánh giặc phương xa, quân lính khát nước, người dạy coi chỗ nào có hang kiến, đào xuống thì có nước. (Đối câu lão mã tri đạo.)

39. Nước gáo tắm cho voi : Nước múc từ gáo nhỏ mà tắm cho voi, chỉ nghĩa là chẳng thấm tháp.

40. Oan gia nghị giải bất nghị kiết : Tiếng khuyên người đời phải làm hòa chẳng nên gây oán gây thù.

THƠ TÀI TỬ

THƠ CON TRÂU

Mài sừng cho lắm cũng là trâu,
Gẫm lại mà coi thật lớn đầu.
Trong bụng lam nham ba lá sách,
Ngoài cằm lém đém một chòm râu.
Mắc mưu đốt đốt tơ bởi chạy,
Làm lẽ bơi chuông giốn giác sầu.
Nghé ngộ một đời quen ghé ngộ,
Năm dây đờn gảy biết nghe đâu.

THƠ CON RẬN

Mặt mũi mần ri cũng có râu,
Cả đời chẳng biết dụng vào đầu.
Xơn xao trên mào chưa nên mặt,
Lục đục trong chần cứ giục đầu.
Khuất ngựa gầy dân chi khác mọt,
Uống công béo nước chẳng bằng trâu.
Khéo sinh cho nhện trong trời đất,
Có có không không cũng chẳng cầu.

THƠ CÁ THIA THIA

Đồng loại sao người chẳng ngõ ngang,
Hay là một lứa phải kình gan.
Trương vi so độ vài gang nước,
Đâu miệng hơn thua một tắc nhang.
Chưa được bao lâu đà tróc vảy,
Cũng trong dây phút lại phùng mang.

So tài cửa võ chưa nên mặt,
Cắc có khen cho cũng nhận nhàn.

THƠ TRĂNG NON

Khen ai cắc có bắm trời tây,
Tinh thức Hằng nga khéo vẽ mây.
Một phiến lênh đênh trôi mặt nước,
Nửa vành lững đững dán chơn mây.
Cá ngờ câu thả tơi bời lội,
Chim ngờ cung trướng sập sện bay.
Miệng thế chở chê rằng chếch mác,
Mặt mai tròn trịa bốn phương hay.

THƠ CÂY VÔNG

Uống sinh trong thế mấy thu đông,
Đồ sộ làm chi vông hời vông.
Rường xoi cột trở chưa nên mặt,
Giậu mỏng rào thưa phải dựng lòng.
Da thịt chẳng già, già mắt mù,
Ruột gan chẳng có, có gai chông.
Cho biết cây nào bông trái ấy,
Xuân qua bốn tớn cũng đơm bông.

THƠ CON MUỖI

Muỗi hời mầy sanh giáp tí nào,
Đã tăng trải khắp chốn thanh thao.
Ngày xanh đùng đỉnh chơi thềm ngọc,
Đêm vắng xung xăng ấp má đào.
Gheo kẻ Hằng-nga cơn giắc điệp,
Trêu người thần nữ thưở chiêm bao.

Béo miệng chẳng thương con trẻ dại,
Ngang hông nào tưởng chúng dân nghèo.

THƠ LÃO KỊ ĐI TU

Chày kinh động tỉnh giấc Vu san,
Mái tóc qui y nửa trắng vàng.
Đài kính thử soi màu phấn lợt,
Cửa không trộm gởi chút xuân tàn.
Tĩnh hồn hoa liễu vài câu kệ,
Nương bóng tang du một chữ nhàn.
Ngánh mặt lâu xanh xem những trẻ,
Trầm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

ĐÔI LIỄN ÔNG LÃNH BINH ĂN TẾT

1. Tam phẩm dĩ thượng, kì quan viết vinh, màn treo trướng phủ chi trung : hèo gươm bịt bạc, võng lá sắn, quân kiệu bố hàng hai, năm bảy phòng trà theo chón hón.

2. Tứ thì chi thủ, ư quái vi thối, liễn dán nêu lên chi hạ : nem thịt kho tàu, bánh nhuân dừa, củ hành nhai miếng một, đôi ba chén rượu đánh xình xoàng.

DU MÊME AUTEUR ONT PARU

1. PETIT RECUEIL DE MAXIMES ET PROVERBES
2. CHUYỆN GIẢI BUỒN
3. SUITE DE CHUYỆN GIẢI BUỒN
4. GIA LỄ
5. BÁC HỌC, SIMPLES LECTURES SUR DIVERSES SCIENCES
6. TỪ TRÁT, RECUEIL DES ACTES OFFICIELS EN CARACTÈRES CHINOIS
7. SÁCH QUAN CHẾ
8. CA TRÙ THỂ CÁCH
9. GRAND DICTIONNAIRE ANNAMITE, ĐẠI NAM TỰ VỊ
10. TỤC DIỆU, CÂU HÁT GÓP, CHANSONS POPULAIRES

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Table of Contents

BIÊN TẬP NHỮNG LỜI NGẠN NGỮ, CỔ NGỮ, GIA NGÔN

A

B

C

Ch

Đ

D

E

G

H

I

K

L

M

N

O

P

Q

R

S

T

U

V

X

PHỤ SỚT

THƠ TÀI TỬ

THƠ CON TRÂU

THƠ CON RẬN

THƠ CÁ THIA THIA

THƠ TRĂNG NON

THƠ CÂY VÔNG

THƠ CON MUỖI

THƠ LÃO KỊ ĐI TU

ĐÔI LIỀN ÔNG LÃNH BINH ĂN TẾT